

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 293 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 58 — 31-6-1963

1.— Xã luận : I am a Vietnamese	Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Một sử liệu dịch xác về Ngọc Hân Công Chúa	Quách Tấn	10 — 13
3.— Ánh sáng từ bi (truyện ngắn)	Huyền Thanh	14 — 20
4.— Gió mây, bản đi con (thơ)	Hoa Tịnh Linh Lê ngọc Duyên	21
5.— Richard Sorge, tên gián điệp ngụy hiểm nhất	Lâm tùng Sinh	22 — 26
6.— Kỹ giả thuở trước (hồi ký)	Té Xuyên	27 — 33
7.— Nhiệt độ của Nam và Nữ	Cao-Chu	34 — 35
8.— Địa vị của Liên hiệp Quốc	Vương Thanh	36 — 41
9.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	42 — 48
10.— Gửi khách thiên môn (thơ)	Tương Phố	49
11.— Mộng đêm trường (thơ)	Thanh Nguyên	50

12.— Nhận vật xuân thu	Thiếu Sơn	51 — 57
13.— Một bức thư tình (truyện ngắn)	Chiều thiên Thương	58 — 61
14.— Những người đàn bà lừng danh trên thế giới : Joséphine	Tân Phong	62 — 67
15.— Ngôi sao (truyện ngắn ngoại quốc)	Trần Chu	68 — 72
16.— Minh ơi !	Diệu Huyền	73 — 81
17.— Paul et Virginie. (truyện dài rút ngắn)	Hoàng Thống	82 — 92
18.— Giải thưởng Oscar năm nay	Mac Brow	93 — 95
19.— Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	96 — 99
20.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	100 — 107
21.— Thơ Lên Ruột	Diệu Huyền	108 — 109
22.— Thơ điệu cù Ưng Bình	P. T.	110 — 115
23.— Bạn đọc viết	P. T.	116 — 122
24.— Giới thiệu sách báo mới	Phổ Thông	123
25.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	124 — 130

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong. Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)

✱ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



— *Y am a Vietnamese...
You are ... He is...*



Ừ A rồi, tại Hambourg, một thành phố lớn của Đức, các ông Bộ Trưởng Giáo-dục của 16 nước Tây-phương có nhóm họp để thảo-luận về các vấn đề giáo-huấn thanh thiếu niên ở các nước họ. Tôi xin trích dịch dưới đây một đoạn trong bài tường thuật của nhà văn Đức, Manfred Riedel, vừa mới gởi đến Tòa soạn, nói về dự-định mở thêm

khoa ngoại-ngữ trong chương trình tiểu-học, và làm thế nào cho
« MỖI ĐỨA TRẺ EM PHẢI HỌC ÍT NHẤT LÀ MỘT THỨ TIẾNG NGOẠI NGỮ » :

« Toàn thể các vị Bộ Trưởng đều đồng thanh mong muốn mở rộng chương-trình sinh-ngữ trong các học-đường. Ngay ở các lớp

tiểu học, mỗi đứa trẻ em đều phải có thể nói được một thứ tiếng ngoại quốc. Du-luận hiện nay công-nhận rằng trí óc của thiếu niên thời bây giờ rất là mở mang, và ta có thể dạy cho các em còn nhỏ tuổi học các môn sinh ngữ. Đối với các học sinh trung học, các chính phủ phải cho họ đầy đủ các điều kiện để họ có thể tiếp tục học ngoại ngữ. Việc đào tạo ấy không những chỉ hướng về các nghề nghiệp, và các môn kỹ-thuật mà thôi, mà còn phải chuyên chú về các phương diện công dân và văn hóa nữa »



Vì lý-do gì các ông Bộ Trưởng Giáo-dục của 16 quốc-gia Tây-phương đồng-thanh quyết-định một việc quan trọng như thế ? Phải chăng vì họ nhận thấy rằng trong thời buổi nguyên-tử này sự hiểu biết ngoại ngữ là một nhu-cầu rất cần kíp cho mỗi Quốc gia ? Các dân tộc trên thế giới cần phải trực tiếp hiểu lẫn nhau, thông-cảm lẫn nhau, để cho sự phát triển tất cả các khả năng văn-hóa, khoa-học, kỹ-thuật, và xã-hội, được dễ dàng và mau chóng hơn. Các cuộc tiếp xúc của dân tộc này với dân tộc khác cần phải được mở rộng hơn và có hiệu quả lợi ích thiết thực hơn. Cần phải đưa nhân loại đến chỗ ĐẠI ĐOÀN-KẾT VĂN-HÓA. Chứ không thể tự-mãn trong đời sống gần như riêng biệt và chật hẹp của mỗi quốc-gia.

Muốn thực hiện sự phát triển văn-hóa của mỗi dân tộc đối với toàn diện Văn-hóa quốc-tế, cuộc Hội-nghị vừa rồi của các ông Bộ trưởng Giáo-dục Tây-phương đã dự-định mở rộng chương trình sinh ngữ trong các học đường, và bắt đầu dạy ngay sinh-ngữ cho các lớp tiểu học. Chủ-trương mới này tóm tắt trong một câu : *Một ngoại-ngữ cho mỗi đứa trẻ em.*

Đối với chính sách giáo-dục của Tây-phương như vừa trình bày, chúng ta nhận định ngay rằng : ở các nước Âu-Mỹ, sinh-ngữ đã được phổ-biến rộng-rãi trong các lớp thanh-niên Đại học và Trung-học, thế mà họ còn muốn mở rộng chương trình ngoại-ngữ cho cả các lớp thiếu-nhi nữa.

Trong lúc ấy, ở Việt-Nam ta, sinh-nghĩa dạy trong các lớp Trung học

học hầy còn rất sơ-sài, hờ-hững.
Đã vậy, lại còn có một số nhà trí thức lên tiếng đòi HẠN-CHẾ SINH-NGŨ để dạy chuyên về Việt-ngữ mà thôi ! Những nhà trí-thức ấy lại chính là những kẻ đã hấp thụ văn-hóa ngoại-quốc, đang chiếm những địa vị khá cao trong các giới nhờ căn-bản văn hóa ngoại quốc ấy, và, mâu thuẫn hơn nữa, chính họ lại gởi con cháu của họ sang học các trường Trung-học và Đại-học bên Tây-phương ! Thật là mỉa-mai làm sao ! Ngao-ngán làm sao !



TRONG *Phổ-Thông tạp chí*, chúng tôi đã nhiều lần kêu gào Chính phủ nên mở rộng chương trình ngoại ngữ trong các trường Đại học và Trung học. Chúng tôi cũng đã nhiều lần đề-nghị dạy cả ngoại-ngữ cho các lớp tiểu-học Việt-Nam. Bộ Giáo-dục đã đồng ý với chúng tôi, và hình như đã dự tính thực hiện chính sách ấy. Nhưng, vừa rồi, người ta nghe phong-thanh rằng hình như chương trình ngoại-ngữ không những sẽ không được mở rộng mà còn có thể bị hạn chế nữa.

Chúng tôi không hiểu lý do.

Dù sao, chúng tôi cương quyết giữ vững lập-trường của chúng tôi. Chúng tôi tiếp tục đòi hỏi Chính-phủ phải mở rộng chương trình sinh ngữ trong các học đường. Phải dạy tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Espagnol, tiếng Tàu, tiếng Nhật, cho thanh-niên và thiếu-nhi Việt-Nam.

Như các nước Âu Mỹ, Chánh phủ Việt-Nam cũng phải dạy « **ÍT NHẤT LÀ MỘT MÓN NGOẠI-NGŨ CHO MỖI ĐỨA TRẺ EM** » Việt Nam. Bộ Giáo-Dục phải có cái hãnh-diện tự nhận lĩnh nhiệm-vụ đào-tạo một thế-hệ thanh-thiếu-niên quốc-gia thông-thạo một vài thứ tiếng ngoại-quốc.

Muốn nước Việt-nam hùng-cường như Nhật-Bồn ư ? Như Ấn-Độ ư ? — Chúng tôi tưởng không khó. Cứ dạy các thứ tiếng ngoại-quốc cho hết thầy thanh-thiếu-niên Việt-nam, rồi cứ cho những bạn trẻ ấy đi học thật đông, thật nhiều, tại khắp các trường Đại-học

chuyên môn ở Ngoại-quốc, các trường kỹ-nghệ, các ngành chuyên-nghiệp, thì 10 năm sau họ sẽ thâm-thập được tất cả những bí-quyết khoa-học, kỹ-nghệ, cơ-khí, của các nước tân-tiến kia, đem về cho Việt-nam.

Chứ cứ đeo cặp kiến cận-thị nằm nhà, trùm cái mền « Hạn-chế Ngoại-ngữ », và bỏ tiền ra mua mĩ tất cả các đồ ngoại-quốc về xài, thì có nước mở toác cửa ra mau mau cho những kẻ xâm-lãng kinh-tế, xâm-lãng cả chính trị nữa không biết chừng !



CH Ừ N G nào mỗi đứa bé Việt-nam 9, 10 tuổi, đều có thể nói được với người ngoại-quốc : *I am a Vietnamese*, hay là : *Je suis Vietnamten*, hay là một thứ tiếng khác, chừng đó dân-tộc Việt-nam mới thật là hãnh-diện được với Thế-giới.

Còn như, một ông công-chức của Chính-phủ gặp một người ngoại-quốc hỏi một câu gì đó bằng tiếng Anh chẳng hạn, mà ông cứ ú-ớ không biết trả lời, thì, thôi, đừng có nói chuyện mở mày mở mặt với người ta,

N. V.



● **Lý luận.**

Một đệ tử lưu linh, sau khi uống cạn ly rượu cuối cùng bên đũa-gậy đầy thong thả ra về.

Ông chủ quán đón lại hỏi :

— Xin ông trả tiền rượu.

— Tiền rượu ấy à, thế rượu ấy ông đã trả tiền chưa ?

— Dĩ nhiên là tôi đã trả rồi.

— Vậy thì ông bảo tôi trả tiền gì nữa ?

NGUYỄN-BÌNH-TRỌNG — Chợ Lớn



NGOC-HÂN công-chúa mỹ-hiệu là Chúa-Tiên,

là vị công-chúa thứ 21 của vua Lê-hiển-Tông (1740-1786). Mẹ là Nguyễn-thị-Huyền, người làng Phú-Ninh, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh.

Năm Bính - Ngọ (1786) NGUYỄN-HUỆ từ Phú-Xuân đem quân ra Bắc-Hà, đánh dẹp được họ Trịnh, đem quyền-bính lại cho nhà Lê, Vua Lê-hiển-Tông bèn phong NGUYỄN-HUỆ làm Nguyên-Súy, Uy-Chính Phủ-Vận Uy - Quốc - Công và gả NGOC-HÂN công-chúa. Công-chúa lúc bấy giờ mới chừng 16 tuổi, nhan-sắc kiều-diễm, học-văn tinh thâm.

NGOC HÂN CÔNG CHÚA

* QUÁCH-TẤN

Sau khi Nguyễn-Huệ lên ngôi cửu-ngũ, lấy niên-hiệu Quang-Trung, bà được phong làm Bắc-Cung hoàng-hậu.

Bà có cùng vua Quang-Trung hai người con : 1 hoàng-nam, 1 công-chúa.

Năm Nhâm-Tý (1792) vua Quang-Trung băng-hà, bà có 1 bài văn-tế và một bài văn tỏ lòng đau-thương nhớ-tiếc, lời rất ai-oán thiết-tha.

Khoảng đời của NGOC-HÂN công - chúa từ khi về cùng nhà Tây-Sơn cho đến khi vua Quang-Trung qui thăng, xưa nay lời chép trong sách-vở và lời truyền ngoài dân-gian đều không sai khác nhau. Nhưng về chung-cục

của bà thì lại có nhiều thuyết :

Một thuyết nói rằng : Nhà Tây - Sơn bị diệt (Năm Nhâm - Tuất 1802), NGOC - HÂN công-chúa bị bắt, vua Gia-Long truyền đem nạp vào cung. Tả-quân LÊ - VĂN - DUYỆT can không nên « lấy vợ thừa của giặc ». Nhà vua không nghe, đáp : « Tất cả giang - san thành quách này, cái gì chẳng phải mình lấy lại từ tay giặc, cứ gì một người đàn-bà ? ». Vào cung Công-chúa sanh thêm với vua Gia-Long hai hoàng - tử là Thường-Tín và Quảng-Oai.

Thuyết này trong « Bulletin des Amis du Vieux Huế » thấy có đăng.

Một thuyết khác lại nói rằng : Năm Tân-Dậu (1801), kinh-thành Phú-Xuân bị thất-thủ, vua Tây-Sơn là Cảnh-Thịnh chạy ra Bắc-Hà, còn NGOC - HÂN công-chúa thì cùng hai con cải dạng bình-dân dạt nhau chạy vào Quảng-Nam lánh nạn. Được ít lâu tung-tích bại-lộ, ba mẹ con bị bắt giải về Phú-Xuân và bị triều Nguyễn gia-hình bằng lối « tam ban triều điển ».

Tác giả tập « Nhân Vật triều

Tây-sơn » xuất bản thời Pháp-thuộc đã theo thuyết thứ hai mà viết về NGOC HÂN công-chúa.

Vừa rồi, trong tạp-chí *Bách-Khoa* (số 99) giáo-sư NGUYỄN TRIỆU LÂU viết về « Lãng Hoàng-Đế Quang - Trung », có nhắc đến NGOC - HÂN công-chúa. Giáo-sư nói : *Ngọc - Hân công chúa, con gái vua Lê và là Hoàng-hậu hay quý phi của Hoàng-đế Quang-Trung, được tha tội chết và được tuyển vào hậu hạ Hoàng-đế Gia-Long ở trong cung* ». Đó là giáo-sư đã dựa theo truyền-thuyết thứ nhất mà nói.

Trong tạp-chí *Phổ Thông* số 56, nhà khảo - cổ NGUYỄN - TRIỆU lại dựa truyền - thuyết thứ 2 mà cải chính.

Hai họ NGUYỄN đều nói một cách quả quyết.

Nhưng theo sách *DỤ AM VẤN TẬP* của tiến-sỹ PHAN HUY ÍCH, thì NGOC HÂN công chúa mất mùa đông năm Kỷ Mùi, tức năm 1799.

PHAN HUY ÍCH là một yếu nhân đời Tây-Sơn, lại là một đại gia văn-chương ở cuối thế kỷ thứ 18 đầu thế-kỷ thứ 19.

Những điều ông ghi chép không thể không tin được. Huống nữa chính ông có soạn 5 bài văn-tế để tế Công-chúa :

1 bài cho vua Cảnh - Thịnh đứng tế,

1 bài cho các con gái vua Quang-Trung đứng tế,

1 bài cho Phú-Ninh từ cung là mẹ đẻ công-chúa đứng tế,

1 bài cho cựu hoàng - tông (tôn thất nhà Lê) đứng tế,

1 bài cho bà con họ ngoại bên Phú-Ninh đứng tế.

Những bài ấy đều có chép trong Dụ Am Văn-tập với năm tháng rõ-ràng, và có ghi rõ là văn-tế Vũ-Hoàng-hậu.

Vũ Hoàng-hậu là tiếng tôn xưng Ngọc-Hân công chúa.

Chắc cũng có bạn tự hỏi : « Vua Quang - Trung có hai hoàng-hậu : 1 người họ PHẠM quán Qui-Nhơn là mẹ vua Cảnh Thịnh và bà Ngọc Hân. Biết đâu Vũ Hoàng - hậu lại không phải là bà họ PHẠM ? »

Xin thưa : Không thể lầm lẫn được.

Bà Hoàng - hậu họ PHẠM chết trước và được truy - tôn miếu hiệu là « Nhân Cung Đoan Tĩnh » tinh trình thực nhu thuần Vũ-Hoàng-Chính-hậu » gọi tắt là

Vũ-Hoàng CHÍNH-hậu.

Còn công-chúa Ngọc-Hân thì được truy-tôn là « Nhu ý Trang Thận Trinh Nhất Vũ-Hoàng-hậu », gọi tắt là Vũ-Hoàng-hậu.

Huống nữa trong 5 bài văn-tế có đến 3 bài làm cho người thân-thích của công-chúa Ngọc-Hân đứng tế. Trong các bài văn tế lại có nhiều chỗ nói rõ về công chúa Ngọc-Hân. Như trong bài vua Cảnh - Thịnh đứng tế, có những câu :

« Giọt Ngân-phái cầu nên về qui, duyên hảo-cầu thêm giúp mỗi tu tề ;
Khúc Thư-Chân thổi sánh tiếng hòa, khuôn nội-tắc đã gây nên nhân-nhuộng. (1)

« Hồ-Đình ngậm ngùi cung nọ, sắp rập chìm châu nát ngọc đã từng nguyên ;
Cung khôn bận bịu gói nao, ếp vì vun quế quên lan nên hải gượng (2).

vân vân ..
Trong bài các Công - chúa đứng tế, có những câu :

« Nẻo thưở doanh Hoàng phó về, trau vàng chuốt ngọc vẹn mười phân,
Trái phen bên Vị đưa duyên, phẩm sắt soang cầm vầy một thể. (3)

Dẫu gót ngọc vui miền tịnh-độ, nữ nào quên hai chồi lan quế còn

thơ ;
Đầu xiêm nghề mền cảnh
Thanh-đỏ, nữ nào lảng một bóng
tang du hân xé », (4)
vân vân...

Trong bài Tôn-thất nhà Lê đứng tế có câu :

Hân non Lam khí vương đã tàn rồi,
Nên vườn Lãng cảnh khơi mà vội
thế ? ! (5)

Những câu trích dẫn không thể dùng để nói bà hoàng-hậu họ PHẠM đất Qui-Nhơn được.

Như vậy, những bài văn-tế trong Dụ-Am văn-tập của PHAN HUY-ÍCH là những bằng - cứ chắc-chắn rằng NGỌC-HÂN công-chúa đã mất mùa đông năm Kỷ-Mùi (1799).

NGỌC-HÂN công-chúa mất năm Kỷ-Mùi (1799), còn thành Phú-Xuân bị thất-thủ năm Tân-Dậu (1801) và nhà Tây-Sơn bị diệt vong năm Nhâm - Tuất (1802). Như thế, Công-chúa đã mất trước khi vua Gia-Long nhất-thống sơn-hà, thì làm thế nào còn bị nhà vua nạp vào cung hoặc gia-hình bằng lối « tam ban triều điển » được nữa ?

Nhà Văn-hào Pháp ở thế-kỷ thứ XVII là J. B. BOSSUET nói rằng : « Depuis qu'il y a des historiens, il n'y a plus d'histoire », nghĩa là « Từ ngày có những nhà viết Sử thì không còn có Sử nữa.

Không có Sử nữa tức là chỉ còn có những truyện hoang đường do trí tưởng-tượng của các nhà viết sử.

Chuyện bà Ngọc-Hân là một bằng chứng.

Nhưng thi-hào RACINE lại nói : Il n'y a point de secret que le temps ne révèle », nghĩa là « Không có bí-mật nào mà thời-gian không lộ ra được ».

Rất mong những điều rút từ trong Dụ-Am văn-tập kia là một « bí mật » do « thời-gian đã tiết lộ ra » vậy.

(1) Giọt Ngân-phái là giọt nước ở sông Ngân trên Trời. Ý nói Ngọc-Hân là giòng-giống nhà vua.

(2) Quế, lan : chỉ hai người con của Ngọc-Hân. Câu này ý nói : vua Q.T. băng-hà, công chúa cũng muốn chết theo, song vì còn con nhỏ dưới gối nên phải gượng sống.

(3) Doanh Hoàng phó về là ý nói giòng giống cao sang.

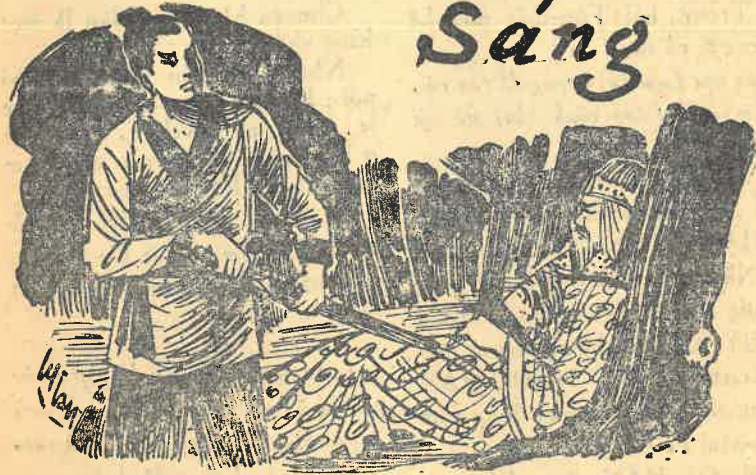
Bên vị đưa duyên (bên Vị-hoàng ở trấn Sơn-Nam) ý nói kết duyên cùng nhà vua từ Bắc-Hà.

(4) Lan quế là chỉ hai người con của công-chúa.

Tang du là chỉ bà mẹ của công-chúa (Phú-Ninh từ-cung).

(5) Ý nói : có lẽ cái vương-khí ở Lam-sơn là nơi phát tích nhà Lê đã đến lúc tàn, nên công-chúa mới mất sớm thế

Ánh-Sáng



TỬ BI

★ HUYỀN-THANH

TRƯỜNG-thọ-Vương ngược nhìn ra trời đêm mù mịt. Kinh thành Ba-Diếp đang ngập trong bóng tối nặng nề. Ngoài xa; có le lói ánh lửa. Chắc quân thù đã hạ trại khi chiều ở đời bên kia.

Ngày mai!... Vâng ngày mai nếu cứ tình trạng này thì cũng đến đánh nhau to. Không lẽ

thành kia vấy máu, hồ kia ngập xác người, máu thấm đất cày đã hút nhiều mồ hôi lao động? Ai thích nghe những tiếng gầm gào say máu, tiếng khóc than trên trận địa?

Càng nghĩ, Vương càng thấy ruột rối bời. Lời khuyên nhủ của vị trung-thần còn văng vẳng:

— Bệ hạ không lý do chậm trễ. Giờ phút hưng vong của nước nhà là đây. Chúng ta không thiếu người tài giỏi. Đội ngũ đã sẵn sàng, xin ngài mau ra lệnh tiến binh.

Wương thấy ngao ngán vô cùng. Suốt đời làm vua, Trường-thọ-Vương không bao giờ dùng thanh gươm nhọn để trị nước. Bằng

đức độ và tình thương, Vương đã đem đến cho nhân dân cuộc sống yên lành. Nhưng cũng vì thế mà binh không hùng, tướng không mạnh. Vương có bao giờ nghĩ đến việc chinh phạt ai? Nhược điểm đó đã bị Phiền-vương, một chư hầu nhòm ngó, rồi nảy ra ý tranh đoạt ngai vàng.

Bây giờ biết tính làm sao? Xuất binh ư? Chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng thì cũng chỉ là người giết người, có gì vui sướng. Gây chiến chinh thì sao tránh khỏi mẹ già khóc con, vợ trẻ môi mắt chờ chồng, và những em bé ngây thơ, ôi! chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải mồ côi, phải sống cuộc sống không tình thương và đói lạnh?

Mà đề làm chi nếu không phải bảo vệ một ngai vàng vô nghĩa lý? Vương lắc đầu chán ngán: «Không thể được ta không tham cái phù hư đó. Các người cứ việc giành nhau. Ta sẽ đi tìm một cái gì nhân loại hơn, đạo đức hơn».

Wương đứng dậy, mắt sáng ngời quyết định. Ngài bước lên về phía hậu cung: phòng Thái-Tử vẫn còn ánh sáng. Qua những

phòng cung nga, Vương khẽ thở dài khi nhìn họ đang mê mết ngủ. Họ đâu biết ngày mai sẽ có sự đổi chủ thay thay.

Đây là phòng Thái-Tử Trường-Sanh. Thái-Tử gục đầu xuống bàn, một ngọn nến lập lờ bên cạnh. Đứa con hiếu học ấy là nguồn hy-vọng và vui sống độc nhất của nhà vua từ ngày Hoàng-Hậu chết giữa tuổi xuân. Vương sờ nhẹ trán con bằng một cử chỉ vô cùng thương mến: Thái-tử chợt tỉnh, ngơ ngàng trong cái quỳ lạy đón chào. Vương nói với con:

— Con ơi, Phiền-vương kéo quân đến cướp ngôi báu. Cha không muốn chỉ vì một ngai vàng nhỏ mọn mà nhân dân hai nước phải khổ đau. Hãy nhường ngai vàng cho họ, cha con ta lên rừng tìm đạo!

Thái-Tử chợt hiểu. Đôi mắt xanh biếc bỗng xe tròn hai hàng lệ ngọc. Chàng nắm lấy tay cha như tìm nguồn an ủi. Thôi, từ nay vĩnh biệt hoàng cung!...

Đêm ấy, theo hướng sao đêm có hai người dắt nhau vào núi.

Thế rồi dưới gốc cây già. Trường-thọ-Vương cùng con tu luyện. Ôn ào của nhân thế chỉ

còn văng vẳng phía bên kia đồi. Bụi đời mờ mắt nhân gian đã lắng yên trong người tu ần. Thái tử thường vào rừng hái hoa quả cúng nhường cha.

Hôm ấy chàng đi vắng. Trường-thọ-Vương thuyền định một mình. Bồng Vương giật mình vì một tiếng reo vui. «A! chính vua đây rồi!»... Một người ốm hiện ra từ lùm đũa lại. Y nói:

— Kinh thành đã bị chiếm. Một số trung thần tử tiết. Phần lớn trở về vui thú điền viên. Phiền vương ra lệnh tằm nả ngài rất dữ. Dân nhân rất nhọc nhằn không hiểu cái họa ấy đến bao giờ mới hết. Ngài thấy không, tôi đã đi khắp nơi trong nước. Hôm nay tình cờ gặp còn gì vui sướng cho bằng.

Vương hỏi như rên lên vì đau đớn:

— Vì ta trốn, dân phải nhọc nhằn đầy đọa?

— Vâng, Phiền vương đã tra khảo đánh đập biết bao nhiêu người vì nghi họ chứa Ngài. Phiền-vương còn treo giải cho ai bắt được.

Y nắm lấy tay Trường-Thọ:

— Ngài hãy theo tôi về triều để tôi nạp lấy thưởng. Vương

rầy mạnh, tên tay sai của Phiền-Vương ngã dụi. Nhưng Vương nghĩ: «không lẽ ta để cho dân chúng phải đọa đày? Ta đã nguyên hy sinh tất cả để cứu đời. Mà thân mạng này rồi cũng có ngày tan rã. Phải cứu lấy nhân dân!» Vương dến để hai tay xuống vai người định bắt mình:

— Người ạ, nếu người bắt ta, nhân dân đổ lo sợ, người có thể sung sướng, ta nào tiếc chi.

Nhớ đến con, Vương khặc lên thân cây già một giòng chữ: «Cha đã bị bắt đưa vào kinh đô. Con ở lại tiếp tục tìm đạo». Rồi nắm lấy tay y, Vương thúc giục: «thôi ta đi!...»

Hắn làm sao hiểu được tâm trạng của nhà vua khi hắn chưa quan niệm nổi những con người xấp thân cứu thế. Những con chim rừng thường hót líu lo chúc tụng đời giác ngộ nay reo gọi nào nề.



Trường-Sinh ôm giỏ hoa quả trở về thì còn đâu Từ phụ? Chàng tìm khắp nơi, gọi đến vang rừng cũng không một lời đáp lại. Tiếng tử quy buồn hiu hiu. Tình cờ đọc giòng chữ cha để lại, chàng ôm mặt khóc. Ôi đời có thể tàn bạo đến thế kia ư? Dù ở rừng

sâu núi thẳm, con người vẫn không được sống yên lành?

Theo đường cũ, chàng lần về kinh thành Ba-Diệp. Chính hôm đó Trường-Thọ-Vương bị đưa lên đàn hỏa. Phiền-Vương đã đoạn tình khi xử tử một đấng vua hiền. Dân chúng bao nghệt lấy đàn hỏa, có những đôi mắt rơm rớm lệ. Họ đã khóc, thương một mạng sống lia đời, tiếc một người cầm quyền đôn hậu.

Thái-tử len lỏi đến tận đàn hỏa, chàng lấy tay làm hiệu để cha biết đang có mình ở đây. Vừa lúc ấy lính châm lửa vào đàn. Lửa bùng bùng bốc. Những ngòi lửa đỏ lờm lập lòe liếm quanh người Trường-Thọ Vương như đang còn ném thử, Thái-tử bồng giật nẩy mình: phụ vương đã thấy mặt con. Mắt Thái tử như đồ đồng tử. Những tia lửa trên đàn kia liệu có rực đỏ bằng những tia lửa căm hờn trong mắt chàng thiếu niên ấy?

Môi chàng mím lại, lúng búng một tiếng hét bị dẫn vào trong: «Cha ơi! con sẽ trả thù, con sẽ trả thù, trả thù cho cha!»

Lửa bắt đầu cháy mạnh. Trường Thọ Vương muốn nói

với con đôi lời trần trời. Người ngựa mặt lên trời để tránh sự nghi kỵ của tám tay sai Phiền-Vương. Người kêu lớn:

— Trường-Sanh con! Hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời chư Phật, hỷ xả, từ bi...

Dàn lửa rừng rực, rừng rực. Lửa như reo hát, múa men. Những lời cuối cùng ấy bị tiếng lửa át mất, Thái tử nhìn trần trời và đau đớn vô cùng. Mắt cha niền nhìn chàng rồi nhắm lại. Mùi khét đã bắt đầu lan ra.

Thái tử ngất đi trong đau thương cùng tận. Chàng đã thọ huyết đến 5 lần. Tuổi mười bốn ấy sớm chứng kiến những đau khổ của đời nên trở thành già dặn. Chàng bỏ vào rừng để người ngoài tâm sự,

Nhưng cứ một bước đi, một cái nhìn, hình ảnh cha hiện trên đàn hỏa rừng rực cháy cứ hiện ra như thúc dục, tăng trưởng ý chí phục thù. Chàng nghĩ:

— Nó đã giết cha ta. Nó đã cướp giang sơn ta. Phải lấy máu kẻ thù rửa hận. Giết! Giết!...
Sương nắng của núi rừng rên

luyện thêm lòng chàng. Đói rét của cuộc đời lang thang thử thách con người chí khí. Thái tử đã quyết báo phụ thù. Chàng lại lần mò về kinh thành Ba-Diếp. Chàng tìm mọi cách để được gần Phiên Vương.

Một viên đại thần thấy chàng có sức lực, nuôi và cho chàng giữ vườn trồng rau. Vốn bất thiệp và thông minh, chàng lần hỏi được mọi người mến phục. Những việc gì khó giải quyết trong nhà viên đại-thần, chàng đều giải quyết được cả. Vì thế chàng trở thành vị tâm phúc của ông ta. Nhưng ông không hề biết đó là Trường Sanh vì chàng cải trang rất khéo.

Một hôm, ông hỏi Thái tử :

— Nay, nhà ngươi còn có tài gì đặc sắc nữa không ?

— Thừa đại-quan, tôi có tài làm bếp.

Quả đúng như lời, Trường-Sanh nấu ăn còn giỏi gấp mấy anh bếp trong nhà. Viên quan rất thích. Muốn khoe người bếp giỏi, ông ta mời vua đến dự tiệc tại tư dinh.

Thái tử cố gắng nấu ăn thật

ngon để thân phục lòng ham thích của Phiên Vương. Quả nhiên, Phiên Vương nài nỉ viên đại thần trao cho mình người đầu bếp. Và Thái tử nghiêm nhiên trở thành người đầu bếp riêng của nhà vua.

Chàng tìm cách mua chuộc lòng tin yêu của nhà vua và đã nhiều lần chàng tỏ sự thông minh uyên bác của mình. Phiên Vương rất mến phục và cho làm kẻ hộ vệ tâm phúc của mình. Hơn nữa, làm việc gì vua cũng hỏi ý kiến của chàng. Đi đâu, vua cũng cho chàng đi theo.

Ngày mong đợi đã đến. Hôm ấy chàng phò vua đi săn. Mãi theo con mồi, vua cùng chàng tiến sâu vào rừng thẳm. Kề ra thì Trường Sanh cũng biết lối ra, nhưng chàng cố ý đưa vua đi lạc.

Mặt trời đã lặn mà hai người còn lẫn quẩn trong rừng. Đoàn hầu cận không có một ai. Những tàn cây u ám giăng bóng tối che khuất ánh sao đêm leo lét phía chân trời. Vua buộc lòng phải ngủ dưới một gốc cây. Thái tử đeo gươm đứng hầu bên cạnh.

Cơ hội đã đến. Trường - Sanh cứ nhìn kẻ thù đang mê mết dưới chân mình. Tâm tư

chàng thúc giục : « nó đã giết cha mày, chiếm giang sơn của mày. Còn chờ gì nữa mà không ra tay? » Chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Bỗng nhiên chàng như thấy đôi mắt dịu hiền của Trường-Thọ trên dàn hỏa. Tiếng nói của Người như đang dội lại trong lòng chàng : « Con ơi ! hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời chư Phật, hỷ xả, từ bi !... » Ôi lời cha còn đó, thái tử có thể quên chăng ? Chàng run tay, thanh gươm bèn lại hiền lành chui vào vỏ. Vừa lúc Phiên - Vương thảng thốt thức giấc :

— Nay Khanh, trẫm vừa mơ thấy một người muốn giết trẫm.

— Muôn tâu Bệ Hạ, có lẽ hơi lạnh thắm vào người nên sanh mộng寐. Có hạ thần đứng đây thì ai dám bén mảng ?

Phiên-Vương yên tâm nằm xuống ngủ. Hình ảnh cha mình bị thảm sát lại hiện lên trước mắt Thái tử. Tâm tư chàng thúc giục : «...còn chờ gì nữa mà không lấy máu kẻ thù tể cho linh hồn cha ? »

Trường Sanh cương quyết tuốt gươm. Nhưng cũng vẫn đôi mắt dịu hiền, vẫn câu nói ngày xưa

văng vẳng. « Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi ! » Trong tâm hồn Trường Sanh hai giòng nước ngược đang ào ạt chảy, một giòng hận cừu đỏ máu, một giòng đức độ thơm ngọt sữa hiền. Giữa hai ngã đường ấy biết về đâu ?

Đã ba lần, chàng rút gươm toan hạ thủ nhưng nghĩ đến lời cha dặn, chàng lại thôi. Cuối cùng không chịu nổi sự dày dạn của lòng, chàng hét lên tức bực :

— Hỡi kẻ thù tàn ác, vì danh giá nhà ta vì lời dặn cha ta, ta sẵn lòng tha cho ngươi.

Từ bi đã thắng hận cừu. Thanh gươm bây giờ không còn chui ra khỏi vỏ, Phiên-vương tỉnh dậy ngỡ ngàng :

— Khanh ơi ! trẫm vừa chiêm bao thấy con của tiên vương tha trẫm mà không trả thù, Khanh có biết có điềm gì không ?

Trường-Sanh trả lời trong nước mắt :

— Thừa ngài, con của vua nước này chính là tôi đây. Khi cha tôi bị ngài thiêu trên dàn hỏa có căn dặn tôi không nên buộc chặt oán thù, hãy noi gương chư Phật, sống cuộc đời hỷ xả từ bi. Vì thế đã ba lần tôi rút



gươm muốn giết ngài nhưng lại thôi.

Phiên Vương vô cùng hối hận. Vua ôm chầm lấy thái tử và nức nở :

— Thời, khanh hãy giết trẫm để báo thù. Trẫm không muốn khanh phải khổ tâm hơn nữa.

Trường Sanh cảm xúc đáp :

— Không, hạ thần xin chịu tội, Bệ Hạ hãy xử cho rồi !

Và cả hai yên lặng. Đêm tối đã bắt đầu lui bóng. Phía chân trời, ánh sáng bình minh le lói như ánh sáng từ bi vừa lóe sáng trong lòng người. Ôi từ quang ! từ quang ! Từ quang đã dập tắt lửa hận thù, chiếu sáng tâm hồn người đọa lạc. Từ quang ơi ! hãy tuông chảy như suối thác, như sông biển dạt dào xuống lòng nhân loại si mê.

Phiên Vương ôm đầu suy

nghĩ. Vua thấy tội mình mới lớn làm sao. Gương sáng của Trường Thọ Vương làm ngài thấy hồ thẹn. Một ý so sánh chợt đến trong óc ngài. Vua nói.

— Khanh ơi ! đêm nay ta đã bắt gặp những gì cao đẹp nhất của đời. Chiến tranh và thù hận đều là tội lỗi, không gì quý bằng tình thương.

Trời đã sáng hẳn. Thái tử dắt Vua ra khỏi rừng. Các quan đang nóng lòng chờ đợi. Đêm rồi, nào ai biết vua ở đâu ? Vua hỏi hết bá quan :

— Các khanh có biết Thái-tử con vua cũ nước này ở đâu không?

Rồi không đợi trả lời, người nắm lấy tay Thái tử, cao giọng :

— Đây là ân-hận của ta, Trường Sanh thái tử con vua cũ, người đã vì hiếu quên thù. Nay các khanh, không có gì cao cả bằng đức độ của tiên vương. Hãy nghe theo lời người... « Tuổi tình thương và đức độ xuống hận thù ».

Ngày hôm sau, Phiên Vương trả nước lại cho Thái tử. Công đức Trường Thọ Vương được tán tụng khắp nơi. Thái-tử nối chí cha, reo rắc Từ Bi trong lòng nhân loại. Cuộc đời vì thế bớt đau thương...



Bản đi con

Bản đi con, quân thù tràn muôn lối

Thân cha già mòn-mỏi với thời-gian !

Con yêu ơi ! vâng dạy đến sa tràng,

Súng nhà đạn cho quân thù chạy chối...

Đêm tịch-mịch cha lắng nghe từng hơi thở,

Của đàn con hăng máu đẹp tâm lẫm.

Gương sáng ngời lấp lánh dưới ánh trăng,

Cha muốn thét cho lòng ngực cha tan vỡ.

Nghe súng nổ cha mừng khôn tả.

Tiếng súng thiêng như giọt nước lành dương,

Cứu giống nòi qua khỏi tai ương.

Cha sắp chết nhưng lòng cha hả dạ...

LÊ-NGỌC-DUYÊN

(Phước - Hòa)



GIÓ MÂY

Ta chuốt men đời trong cách ngắm

Sờn chi danh-lợi giá khôn rặng

Mặt này vẫn mãi hoàn tay trắng

Sự-nghiệp cười toan ngực thế-nhân.

Riêng tư nào dám gửi cho ai ?

Một mối Tình Thơ nhẹ gót hát...

Lên trốn về đêm hôn xú Mộng,

Trần-trẻ bên má nóng âm-giai !

Nâng chén sầu tư lên ngắt-ngây !

Bàn tay say ngã với bàn tay...

Ôm lòng nức-nở đèn khuya lặng

Dần-dặt về đâu với gió mây ?...

HOA - TỊNH - LINH



RICHARD SORGE

tên
gián
 điệp

nguy
hiểm
nhật...

TRONG TRẬN ĐỆ
NHỊ THẾ CHIẾN

★ LÂM TÙNG SINH

TRONG trận đệ Nhị thế chiến vừa qua, các cường quốc đã tận dụng, khai thác vai trò quan trọng của người gián điệp.

Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nhật đã tung sang đất địch hàng trăm nhân viên được huấn luyện thuần thục từ những phong tục đến những cử chỉ nhỏ nhặt nhất để qua mặt sở phản gián đối phương.

Giữa lúc cuộc chiến tranh nóng đang ác liệt diễn trên khắp chiến trường thì cuộc đấu trí giữa những phe gián và phản gián điệp, mệnh danh là chiến tranh lạnh, vẫn diễn âm thầm

trong bóng tối, không kém phần quan trọng, mà còn ly-kỳ rùng rợn hơn.

Đáng sợ hơn chiến tranh nóng, trận tuyến của chiến tranh lạnh len lỏi, lan rộng ở khắp mọi nơi, từ trong ngõ hẻm một thành phố, một quán rượu... đến văn phòng tòa đại-sứ, các Nha Bộ, các Hoàng cung, dinh Tổng-thống, dinh Quốc-trưởng v.v...

Tên gián điệp số 1 của Nga-sô-Việt.

Trong đạo quân gián điệp Nga-sô-Việt, người ta phải sắp Richard Sorge lên hàng đầu, bởi những hành động xảo quyệt và khôn khéo của y đã làm cho cán cân Nga — Nhật nghiêng hẳn về phe Staline.

Chính tướng Mac Arthur, Chỉ huy trưởng lực lượng Huê-Kỳ trên mặt trận Viễn-đông đã phải trong một bản báo-cáo gửi về tòa Bạch-cung (năm 1941), hạ bút : « Richard Sorge, tên gián điệp đã cứu vãn thanh danh và mạng sống tên trùm đồ Staline ».

Thật thế, trong hồ sơ mật các sở phản gián quốc-tế đều phải nhìn nhận Sorge, một kỹ giả

người Đức, sinh ở Bakou, có một trình độ học vấn cao : đậu bằng tiến sĩ, làm tay sai cho Cộng-sản trong thời kỳ thế chiến thứ 2 là một tên gián điệp hoàn toàn về khả năng hoạt động.



Mới nhìn qua bề ngoài, không ai có thể có ác cảm với Sorge : một người cao lớn, mắt xanh và sáng quắc, nước da trắng trẻo, môi luôn luôn nở nụ cười mua chuộc tình cảm.

Nhưng bề trong, Richard, với hệ thống tổ chức gián điệp trên đất Nhật gồm có 16 người, y đã biết trước cả ngày và giờ xác định của quân đội Nhật tấn công Pearl Harbor (Trần châu Cảng), một căn cứ quan-trọng của Mỹ ở Viễn Đông.

Và y đã đánh mật điện về Cẩm Linh cho cấp chỉ-huy của y, nhưng Staline đã giấu diếm tin quan trọng này, không chuyển báo cho Mỹ, lúc ấy đang là

Đồng Minh chống phe Trục với Nga-sô-Việt.

Cái công trạng lớn nhất của Richard Sorge với Nga-sô-Việt là chính y đã báo cáo cho Béria và Staline hay rằng, vì những điều kiện chính trị và chiến lược quân sự của Nhật quốc mà quân đội Phù Tang quyết định không tấn công Nga-la-Tur, cũng như Tây Bá Lợi-Á (Sibérie) sẽ chẳng bao giờ bị Nhật quân vây hãm.

Nhờ được tin này, Staline triệt thoái ngay những lực lượng dự phòng ở dọc biên thủy Vladivostok về tăng cường và phản công trong mặt trận Stalingrad chống Đức quốc Xã. Đây là một khúc quanh lớn lao nhất của trận thế chiến và lịch sử.

Chính Staline cũng đã thành thực nhìn nhận : « Sorge đã cứu sống chúng ta (chỉ người Nga).

Sorge đã quá thông minh để tiên đoán, nói cách khác là y đã có một giác quan thứ 6 rất linh nghiệm — rằng y sẽ bị quân Nhật bắt giữ, mặc dầu y đã được hoàn toàn che chở bởi một nhân vật cao cấp : Eugen Ott, đại sứ Đức quốc Xã ở

Nhật và cũng là một cố vấn tối cao của quân đội Thiên Hoàng.

Y đã, hơn một lần, muốn tránh số trời (nhờ linh tính báo trước) nhưng không được, — không kịp. Vinh nhục của nghề nghiệp đã kết liễu đời y trên đoạn đầu đài ở Sugamo (Tokyo).

Richard Sorge chết. Y đã đền cái tội làm gián điệp trong thời loạn. Cũng chính y là người Tây phương đầu tiên bị hành hình (theo luật chiến tranh) trên giang sơn của Thái dương thần Nữ trong trận đại chiến vừa qua.

Tiểu sử.

Richard sinh ngày, 4-10-1895 tại Bakou, thuộc miền Nam nước Nga. Cha y người Đức, và mẹ y hình như người Nga.

Khi Richard 8, 9 tuổi, cha y trở về cố quốc, và cũng từ đây y được học hỏi để trở thành một người công dân Đức.

Trong trận đại chiến thứ nhất, y gia nhập quân đội và bị thương hai lần nên được lui về hầu tuyến dưỡng bệnh.

Sorge gia nhập vào đảng Cộng sản Đức ngay khi đảng này vừa thành lập (10-1919).

Lúc này y đã nói giỏi 4 thứ ngoại ngữ : Pháp, Nga, Nhật, Tàu.

Năm 1922, y bắt đầu viết trên các nhật báo và tạp chí.

Năm 1924, y rút lui khỏi đảng Cộng sản Đức và chính thức gia nhập vào Tổng bộ Cộng sản quốc tế (Kommunistische Internationale), và được học tập ngay tại Moscou suốt ba năm về nghề nghiệp gián-điệp.

Năm 1927, y bắt đầu hoạt động trên khắp vùng bán đảo Thụy - Điển, Na-Úy và Anh-cát-Lợi.

Năm 1930, y được lệnh sang Tàu và Nhật để thiết lập cơ sở gián điệp tại Thượng-Hải và Đông-Kinh.

Chính nhờ thời gian sau này hoạt động ở Tàu, mà Richard Sorge, trở nên một gián điệp số 1 của Nga, vì y đã nói giỏi hai tiếng Nhật, Tàu, lại ở lâu năm trên đất địch nên thông thuộc hết cả phong tục tập quán.

Và cũng chính thời gian này y bắt « bõ » được với tên Nhật gian Ozaki Hozumi và được tên này cung cấp cho tài liệu bí mật quân sự và chính trị Nhật-bản.

Nhờ tài giao thiệp và sức học uyên bác, y đã kết thân được với Trung-tá Eugen Ott, đại sứ Đức và cũng là cố vấn tối cao của Thiên Hoàng.

Tất cả những điều kiện kia đã giúp cho y thâm lược được những tin tức quân sự vô cùng quý giá (đã kể ở đoạn trên). Người ta không quá đáng khi đánh giá những công lao của Sorge với đảng của y lên tới hàng triệu Mỹ-kim.

Nhưng, sinh nghề tử nghiệp, Richard Sorge vẫn phải đền tội làm gián điệp của y.

Y bị bắt không phải vì hơ hống, nhưng chỉ vì sự phản bội của một tên Nhật gian trong tổ chức của y, tên Ito Ritsu. Tên này đã vì câu chuyện tình con con, nổi lòng ghen với một « nữ đồng chí » trong tổ chức mà tố cáo hết với nhà chức trách.

Khi hay tin Sorge bị bắt, đại sứ Ott và viên đại tá Gestago (Geheime Stoots Blizei) là Joseph Meissinger đều ngạc nhiên và nghĩ rằng bạn mình bị bắt oan, nên hết sức can thiệp cho y được tự do.

Nhưng, vô ích, Sorge đã bị

đến tội cùng với đồng bọn của y.

Richard bị bắt từ tháng 6-1941, bị giam giữ cùng với tên đồng chí thân tín nhất là Max Klausen, cũng là dân Đức trá hình làm nhà doanh thương và Ozaki Hozumi là bộ ba xe pháo mã của lưới gián điệp trên đất Nhật này (lưới nghi trang này là lưới xích-long).

Max Clausen bị xử tù chung thân, còn Sorge và Ozaki bị lãnh án tử hình. Hai người này bị lên đoạn đầu đài ngày 7-11-1944.

Ngày nay, trận thế chiến thứ hai đầy tang tóc đau thương đã bị chôn vùi theo dĩ vãng, còn

chăng những hình ảnh xa xôi ghi lại trong sử sách. Nhưng 100 triệu người Đông Âu, 600 triệu người Trung-Hoa, phân nửa dân số Đức, Đại-Hàn, Việt-Nam sống quần quai dưới gót sắt Cộng sản, hẳn khi đọc tới truyện Richard Sorge, không khỏi băng khuâng hồi tiếc :

« Nếu Richard Sorge chẳng thành công ».

« Nếu Nhật đánh Tây Bá Lợi Á thay vì Trần Châu Cảng (1941)... » thì biết đâu cục diện thế giới ngày nay đã thay đổi hẳn.



* MÁNH LỜI CỦA GIÁM KHẢO

Trong một kỳ thi khâu-vấn về Địa-lý, giám-khảo hỏi thí-sinh :

- Sông Đồng-Nai chảy xuống Nam-Hải, phải không ?
 - Dạ, phải.
 - Sông Cửu-Long cũng chảy xuống Nam-Hải, phải không ?
 - Dạ, phải.
 - Sông Hương-Giang cũng chảy xuống Nam-Hải phải không ?
 - Dạ, phải.
 - Sông Dương-tử-Giang cũng chảy xuống Nam-Hải phải không ?
 - Dạ, phải.
 - Tôi cho cậu con zéro. Cậu không thuộc Địa-lý gì cả !
- Thí-sinh ngơ-ngác đi xuống...*



(Tiếp theo P.T. số 57)

CÁC báo trong hàng ngũ « Báo chí Thống Nhất » bèn nổi lên đả kích mãnh liệt vị tân Thủ Tướng do Pháp mới tạo ra, thay thế cho Bác sĩ Nguyễn văn Thinh.

Tôi còn nhớ hồi ấy tờ báo Kiến-Thiết dám dịch một bài của một tờ báo tiếng Pháp về « uy tín » của ông Hoạch ; câu đầu như sau này : « Uy tín của Chánh phủ Lê văn Hoạch không ra khỏi phạm vi dạn đại bác của quân đội viễn chinh Pháp, nghĩa là không rộng ra khỏi châu thành Sài Gòn ».

Một ký-giả viết mục « Phim thời sự » dám gọi Thủ tướng Lê văn Hoạch là Lê văn « Oạch » (nói theo giọng Tây) và giải thích rằng ông Thủ-tướng ngồi trên cái ghế ba chân ấy, có ngày té cái « oạch ».

Thật là gan dạ ! Thật là dám nói, dám viết. Một ngòi bút, một tờ báo : còn động lực nào mạnh cho bằng ? Nhưng ít gì cũng phải có người dám sử dụng ngòi bút, tờ báo đã.

Phản đối sự xâm phạm tự do báo chí

Trong năm 1946, các ký-giả

viết báo ở Sài Gòn đã thấy rõ dã tâm của người Pháp sau khi ký hiệp định mồng 6 tháng 3 với Việt-Minh và Thỏa-hiệp án 14 tháng 9 tại Pháp, kết liễu hội nghị Fontainebleau.

Hiệp định 6-3 nói rằng số phận Nam-kỳ sẽ do cuộc trưng cầu dân ý định đoạt. Vậy mà chưa biết cuộc trưng cầu dân ý ấy sẽ tổ chức ra sao, Pháp đã nhóm họp tại Đalat một hội nghị với các đại diện Nam-kỳ để tổ chức các cơ cấu chánh quyền của xứ này.

Thỏa hiệp án 14 tháng 9 không đem lại cho Việt-Nam cái gì hết, ngoại trừ một điều khoản nói rằng «các tự-do dân-chủ sẽ được ban hành ở Nam-kỳ». Ai ban hành ? Hà-nội hay Saigon (tự trị) hay Paris ? Chẳng thấy điếm nào nói rõ. Các viên-ảnh «tự do dân chủ» : cái vót vát cuối cùng của Ô. Hồ-chí-Minh ở Pháp trước khi về nước với tất cả thất bại ở Hội nghị Fontainebleau, đã không che nổi viễn ảnh một cuộc xung đột Việt Pháp mà các ký giả dự đoán có thể sẽ xảy ra trong một tương lai gần hay xa.

Số phận báo chí và các ký giả ở trong tay người Pháp và chánh phủ tự trị Nam-kỳ. Bất kể gian

nguy, các báo trong hàng ngũ «Báo Chí Thống-Nhứt» vẫn tiếp tục sứ mạng và không hạ bớt giọng xuống chút nào.

Bộ Thông-tin của chánh-phủ Lê-văn-Hoạch do nhà viết báo kỳ cựu Nguyễn-phú-Khai nắm giữ. Ông Nguyễn-phú-Khai là một cây bút đã viết tờ báo Pháp *La tribune Indigène* hồi xưa với ông Bùi-quang-Chiêu, đã từng tranh thủ cho quyền lợi người Việt-Nam hồi còn chế độ thuộc địa. Chẳng hiểu sao ông tham gia chánh phủ Nam kỳ Quốc của bác sĩ. Lê văn Hoạch, song ông ở Bộ Thông-tin không được bao lâu rồi xin từ chức; người ta nói rằng ông không chịu nổi viên cổ văn Pháp đứng sau lưng ông giựt dây cũng như các bộ khác đều có mỗi bộ một cổ văn Pháp để «giúp ý kiến» hay nói là để giữ cho công việc đừng đi lệch lạc đường lối của người Pháp đã vạch ra, thì đúng hơn.

Sau khi Hội nghị Fontainebleau thất bại, báo chí chủ trương thống nhứt bắt đầu bị khủng-bố. Trước hết bộ Thông-tin bắt đình bản 2 tờ *Tin-Điền* và *Tân-Việt* vào khoảng tháng 11-1946.

Tin-Điền hồi ấy là tờ báo do

ba ký-giả chủ trương là : Nguyễn-văn-Sinh tức Nam-Quốc-Cang, Nguyễn-thế-Phương tức Nam-Đình và Trần-chí-Thành tức Trần-tấn-Quốc. Bộ ba ấy đã tranh-đấu cho cuộc kháng-chiến của toàn dân, nổi tiếng nhứt về mục «*Trớ-trêu*» do Nam-quốc-Cang phụ trách, một mục ngắn dễ châm biếm thực dân và nhà cầm quyền tự-trị. Tôi sẽ có dịp nói rõ hơn về cây bút này trong một đoạn sau.

Sau vụ đình bản 2 tờ báo. Báo-Chí Thống-Nhứt bèn nhóm đại hội và biểu quyết một bản kháng nghị dâng lên tất cả các báo ngày 21-11-1946 như sau này :

Hai bạn đồng-nghịệp Tân-Việt và Tin-Điền vừa mới bị ngưng bản do lệnh của Thứ-trưởng bộ Thông-tin của Chánh-phủ Tự-trị Nam-kỳ, bởi có sự phản-kháng của Cao-ủy Pháp ở Đông-Dương.

Xét rằng lệnh độc-đoán ấy là một sự lạm quyền của một «chánh-phủ» mà dân tộc Việt-nam cho rằng bất hợp pháp ;

Xét rằng như thế là Tự-do Báo-chí bị xâm phạm ;

Xét rằng lệnh ấy là một sự

xâm-phạm hiển nhiên đến Thoả-hiệp án 14-11-1946 ;

Xét rằng hành-vi của tổ chức tự xưng là «chách-phủ tự-trị» là sự hăm dọa một tự-do dân-chủ quý nhứt trong các tự-do dân-chủ ;

Báo-chí Thống-Nhứt cực lực phản kháng những nhà chức-trách đã ủng hộ hành vi lạm quyền của chánh phủ tự trị ấy, và quyết định ngưng xuất bản tất cả các báo Thống Nhứt trong một ngày (ngày thứ sáu 22-11-1946) để tỏ thái độ phản kháng »

Thật là một giọng mạnh mẽ, của những ký giả quan-niệm được rõ rệt «quyền thứ tư» của mình. Những ký giả ấy phủ nhận cả cái mà người ta gọi là «chánh phủ» mà anh em cho là «bất hợp pháp». Phản đối «những nhà chức trách đã ủng hộ hành vi lạm quyền của chánh phủ tự trị ấy» tức là gián tiếp nói đến bọn quan thầy thực dân đã đỡ đầu cho chế độ tự-trị.

Thêm vào hai tờ báo nói trên, bộ Thông tin còn rút giấy phép của một tờ báo Pháp và đình bản một tháng tờ *Kiến Thiết* chỉ vì tờ báo này dịch một bài của tờ báo Pháp trên đây nói về «uy tín của Chánh phủ tự trị không ra khỏi

phạm vi châu thành Sài Gòn ».

Phản ứng của Chánh phủ tự trị chống Tự do Báo Chí đã thấy mạnh hơn. Song sức phản kháng của hàng ngũ Báo Chí Thống Nhất không vì thế mà suy giảm.

Các ký giả kêu gọi đến dự luận ở Pháp và các thông tin viên ngoại quốc ở Sài Gòn. Trong một bữa tiệc trà do Báo Chí Thống Nhất khoảng đầu chiều 23-11-46 tại nhà hàng Kim-Long Saigon, trước sự hiện diện của các đại biểu tất cả các báo chí Việt, Pháp, Hoa cùng các đại biểu Thông tấn xã ngoại quốc, ký giả Nguyễn-văn-Sâm, thay mặt cho anh em viết báo, nói rõ mục đích của Báo Chí Thống-Nhất và tố cáo sự lạm quyền của chánh phủ tự trị. Ông tuyên bố :

« Hơn một năm nay, Nam-bộ dẫn mình trong một cuộc chiến-dấu, tuy là địch với một kẻ thù mạnh hơn, nhưng vẫn chiến đấu quyết liệt để mưu đồ độc-lập và hoán chỉnh sự thống nhất của cả Quốc-gia Việt-Nam... »

« Tự nhiên là những nhà viết báo Việt-Nam ở Nam bộ không đóng vai khách quan trước tấn bi kịch này... »
Kịch-liệt hơn nữa, Báo-chí

Thống-Nhất đòi chánh phủ Pháp triệu hồi Cao ủy D'Argenlieu. trong một bức điện văn gửi sang Pháp ngày 23-11 cùng với một số đoàn thể Việt Pháp ở Saigon. Xin trích một đoạn trong điện văn ấy dưới đây :

.. Bốn tờ báo có khuynh hướng thống nhất, bị đình bản, theo lời yêu cầu của phủ Cao-ủy..

Nhà chuyên trách trưng thầu 50 triệu đồng để cho phép các sòng bạc ở Chợ lớn mở cửa : đó là một việc rất nguy hại cho sự tiết kiệm và tinh thần đạo đức của dân chúng.

Một lần thứ nhì nữa, phe phản động mưu toan tổ lập chánh-phủ Nam kỳ Quốc, mặc đầu việc Bác-sĩ Thịnh tự tử đã chấn động gần xa..

Dân chúng hết sức bất bình về những sự thu thuế quá lạm, tiêu xài công-khố quá nhiều, những việc hăm dọa đòi ăn tiền lo lót, và những việc sờ Mạt-thám và sờ Cảnh-sát Nam kỳ tự trị, đã tự tiện bắt bớ, giam cầm, đánh đập nhiều người một cách thái quá.

Tình hình chính-trị ở đây nghiêm trọng đến nỗi cần phải lập tức phát qua Đông Dương

một vị Cao-ủy khác với những huấn thị rõ ràng, đầy đủ, và một phái đoàn của Nghị viện để giải quyết ngay tại chỗ tất cả những việc rắc-rối lôi thôi..

Đề phản đối nhà cầm quyền ở Saigon, Báo Chí Thống Nhất còn có một thái-độ tầy chay : từ ngày 25-11-46 các báo chí không phát đại biểu đi dự các cuộc họp báo của bộ Thông-tin.

Chính - phủ tự trị Nam kỳ muốn thắt chặt tự do báo chí thêm, đi lần đến việc lập lại chế-độ kiểm duyệt trá hình, nên qua tháng giêng 1947, nhân lúc các báo dự bị ra số Tết, bộ Thông tin nghĩ ra một biện pháp mới mà Báo Chí Thống Nhất phản kháng liền bằng thông cáo sau đây đăng lên các báo ngày 8-1-1947 :

« Các ông chủ báo mới nhận được thơ buộc đưa bài số báo Tết lên bộ Thông tin lấy dấu ký (?) »

« Sao lại phải lấy dấu ký ? »

« Bộ Thông tin muốn đi lần đến sự kiểm-duyệt chăng ? »

« Báo Chí Thống Nhất cực lực phản-đối sự hăm dọa quyền tự-do phát biểu ý-kiến dưới chế độ dân-chủ. »

B.C.T.N. Nam bộ »

Phản đối biện pháp ấy, các báo không ra số Tết nữa.

Đóng cửa 17 tờ báo một lúc

Báo Chí Thống Nhất đã hòa mình với phong trào kháng chiến của toàn dân chống Thực dân, phong kiến, một mặt tố cáo những sự nhúng lậm của phe tự trị làm khổ nhân dân, một mặt nữa bình vực ráo riết mãnh liệt quyền tự do ngôn luận.

Đến tháng Ba năm 1947, một vụ phục kích ở Trung Lương đã làm thiệt mạng một vị Tổng trưởng của chánh phủ Lê văn Hoạch, bộ Thông tin thừa cơ hội đánh một đòn quyết liệt, ký giấy đóng cửa 17 tờ báo, vừa nhứt báo, tuần báo.

Cũng trong năm 1947, chánh phủ Nguyễn văn Xuân lên thay thế chánh phủ Lê văn Hoạch, cũng đóng cửa luôn một lúc 11 tờ báo nữa.

Hai đợt khủng bố này đã làm yếu thế hàng ngũ Báo Chí Thống Nhất. Những ký giả thất nghiệp, cực khổ, song không sờn lòng thối chí.

Làng Báo Việt-Nam dưới thời thống trị của Pháp, khi còn mờ ma chế độ thuộc địa, đã để ra

những cây bút như Tạ-Thư-Thâu, Nguyễn-An-Ninh, v...v... không chịu uốn cong trước uy-vũ: Thâu bị tù đến bại nửa thân mình, Ninh bỏ năm xương tàn ở Côn-đào. Cái truyền thống độc-lập của con nhà cầm bút vẫn còn mãi với ký-giả Việt-Nam sau hai trận cuồng phong năm 1947 kéo sập 17 và 11 tờ báo. Noi gương các bậc đàn anh, họ lại tiếp tục xú mạng, bắt chắp những hăm dọa còn lảng vảng theo bên mình.

«Báo-Chí Thống-Nhút» đổi tên là «Liên-hiệp Báo-chí» và ngày 16 tháng Tư 1947 một bản tuyên-ngôn được công-bố trên các báo, mà những đoạn chánh như sau đây:

Trong cuộc chiến đấu cho nền độc-lập, nhiệm-vụ của những nhà văn, nhà báo, là dùng cây viết làm lợi khí tuyên-truyền tinh thần của Bình đẳng, nguyên lý của Tự-do, sức mạnh của lòng Yêu Nước...

Cái sứ-mạng lịch-sử và quốc-gia ấy, chúng tôi đã tự lãnh từ lâu, vẫn tiếp tục chiến-đấu không ngừng. Cuộc tranh-đấu có khi lẻ loi, khi trải qua những ngày nguy-nạn, tối tăm nhất, nhưng chúng tôi vẫn luôn luôn hăng hái nêu cao ngọn cờ Tự-do trong

luồng gió Cách-mạng.

Tuy nhiên, trong báo giót cũng như các giót khác, trong từng lớp xã-hội, chúng tôi nhận rõ sự đoàn kết vẫn là điều-kiện sống còn của cuộc giết phóng và nền độc-lập Việt-Nam. Nên sau một thời gian bị tấn-công liên-tiếp, hàng ngũ đã rã-rời, và sau khi chuẩn-bị lại hàng ngũ, những cây bút chân-chánh lại gặp nhau trên một chương-trình duy nhất để cùng nắm tay nhau, cùng sát cánh với đồng-bào, tiếp tục con đường giải phóng trong đoàn kết.

Những phần tử trong Liên-hiệp sẽ không bao giờ cộng tác với những tờ báo công khai chủ trương trái ngược với tôn chệ của đoàn, không chịu để cho một thế lực nào chi-phối tư-tưởng và tinh thần chiến đấu, và tố cáo trước dư-luận hay tây chay những nhà văn, nhà báo, những cơ-quan ngôn-luận đi hàng hai để lừa gạt dân chúng.



Mấy lời tâm huyết trên đây, sau hai đợt khủng bố, nói lên được tinh-thần bất khuất của một số ký-giả Việt-Nam trong cái lạng báo đã có những chiến-

«tử vì đạo» như Nam-Quốc-Cang, Đinh-Xuân-Tiểu ngã gục dưới hòn đạn của tay sai Thực-dân và những cây tùng bách như Phan-Khôi không sờn lòng vì cái nghề cầm bút bạc bẽo, hiềm-nguy.

Hai ký-giả Nam-Quốc-Cang, Đinh - Xuân - Tiểu.

Nói đến «Báo-Chí Thống-Nhút» không thể bỏ qua được

cuộc đời ký-giả của Nam-Quốc-Cang; linh-hồn của hàng-ngũ «Báo-Chí Thống-Nhút». Thật vậy, do lòng nhiệt thành của cây bút này và sức tin-tưởng mãnh liệt của anh vào cuộc kháng chiến mà anh em đồng-nghiep duy trì được ngọn lửa thiêng ngấm cháy trong lòng, làm cho hăng say với thiên chức.

(Kỳ sau tiếp)



★ Vòng lẩn-quẩn.

Một tờ báo Mỹ xuất-bản năm 1875 có đăng câu chuyện sau đây của một nhà triệu-shú:

«Tôi nuôi 100.000 con mèo. Mỗi con mèo cái mỗi năm đẻ 12 con con. Mèo lớn, lột da bán được mỗi tấm da là 3 cắc. Mỗi ngày có 100 người lột da 5000 con mèo, như thế mỗi ngày tôi lời được ít nhất là 10.000 Mỹ-Kim. Bây giờ các bạn biết tôi nuôi mèo bằng gì không? Tôi đã giải-quyết vấn-đề ấy rất dễ-dàng: Tôi nuôi 1 triệu con chuột. Chuột đẻ 12 lần nhiều hơn mèo. Như thế mỗi ngày tôi có thể cho mỗi con mèo ăn 4 con chuột. Bây giờ các bạn biết tôi nuôi chuột bằng gì không? Tôi cũng đã giải quyết vấn-đề ấy rất dễ-dàng: mèo lột da rồi, còn thịt và xương tôi cho chuột ăn. Tóm lại, phương-pháp của tôi là bắt chuột nuôi mèo, bắt mèo nuôi chuột, và tôi lột da mèo đem bán khời tồn-phí gì cả».

D. H.



NHIỆT-ĐỘ

của

NAM và NỮ

NHIỀU người thắc-mắc hỏi : « Có phải nhiệt-độ phụ-nữ cao hơn nhiệt-độ Nam giới không ? Và trong thơ lại còn các-có đưa ra mấy điểm : « Nếu bảo rằng nhiệt-độ nữ-giới không cao hơn, tại sao nằm chung với phụ-nữ lại thấy ấm hơn ? Xin trả lời những thắc-mắc ấy, nhân-tiện trình - bày về nhiệt-độ giữa hai phái nam nữ luôn. Song, điểm cần nhấn mạnh ở đây là những câu trả-lời sau hoàn-toàn đứng trên lĩnh - vực y-học, ngoài ra không còn một ẩn-ý hoặc tác-dụng gì khác.

● Dù nam hay nữ, nhiệt-độ cơ-thể người ta thường ở vào khoảng 37° cho đầu có ở những vùng nóng trên 40° hoặc những vùng lạnh dưới 0° , nhiệt-độ trên vẫn không thay đổi. Sở dĩ thế, là nhờ ở sự điều-hoà nhiệt-độ của cơ-thể con người. Ở trường hợp khi sắp có kinh nguyệt, nhiệt-độ phụ-nữ lên cao một chút : ước khoảng $37^{\circ}5$.

Như vậy, ta được biết rằng trừ trường-hợp có kinh và lên

* CAO-CHU

cơ sốt (sốt-rét, cúm, thương hàn, v.v.) — dĩ nhiên ! — nhiệt-độ của nữ giới cũng chỉ bằng đàn ông.

Về vấn-đề : có phải nằm ngủ chung với phụ - nữ sẽ ấm hơn không ? Xin đáp rằng :

— Đã ngủ chung với một người nào, dù với một người cùng giới tính, vẫn ấm như người khác giới. Gặp những khi lạnh, nhiều người vẫn thường « tìm hơi ấm. của nhau bằng cách nằm « úp thìa » vào nhau. Xin đưa ra mấy nguyên-nhan ngủ chung mà ấm.

1) Nằm « úp thìa » với nhau cũng như đắp mền hoặc mặc áo ấm đều giảm bớt được sự toả-nhiệt của cơ-thể.

2) Nhờ nhiệt-lượng của người này toả ra truyền sang người khác.

Cái cảm-giác ngủ chung với phụ-nữ ấm hơn chính là bị lý-do tâm-sinh-lý làm sai-lạc ! Sự thực, sự toả-nhiệt mỗi giới trên mỗi mét vuông da phụ-nữ ít hơn

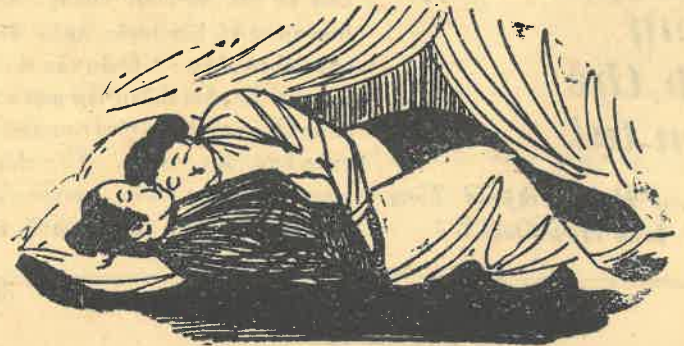
nam-giới. Người ta đã tính ra rằng, trung-bình mỗi giờ mỗi mét vuông diện-tích cơ-thể một thiếu-nữ 20 tuổi toả-nhiệt **36** ca-lo-ri, trong khi đó một thanh-niên cùng tuổi này toả - nhiệt những **41** ca-lo-ri.

Vậy tính chí lý, ta thấy kết-quả ngược lại : Chính nam-giới có khả-năng làm cho phụ-nữ ấm hơn chút ít chứ không phải phụ-nữ làm cho nam-giới ấm.

Còn ngủ chung, có thể chống được lạnh. Nhưng đứng trên quan-điểm y-học mà nhận xét, ta thấy rằng : Về mặt phòng bệnh, ngủ chung rất bất-lợi. Vì nếu trong hai người ngủ chung có một người mắc bệnh hay lây như lao phổi, ghê lở, hắc lao v.v... thì bệnh truyền rất dễ-dàng.

Bởi những lẽ trên, chúng tôi xin long-trọng thưa với quý bạn thắc mắc những điểm vừa trình bày, rằng :

— Ngủ chung... phải chọn bạn ! Chứ bạ ai cũng lăn lưng vào thì phiền to đấy !



ĐỊA VỊ CỦA

LIÊN - HIỆP - QUỐC

* VƯƠNG-THANH

N NGÀY 30-10-1943 ! Đó là ngày lịch-sử của Thế-Giới.

Chính trong ngày này, một bản tuyên ngôn đã được ký kết tại Mạc-Tu-Khoa, giữa Đại-điện bốn chính-phủ Nga, Mỹ, Anh và Trung-hoa, để thành-lập tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc. Người ta, không ai quên rằng thời kỳ này nhằm đúng lúc Đệ-nhi Thế-Chiến đang hồi quyết liệt, và các cường-quốc đang ở cái thế bất buộc phải tìm một lối thoát cho tình thế lúc ấy, hầu tạo nên và bảo vệ nền an-ninh chung. Cả bốn nước ký bản tuyên ngôn đều nhìn nhận rằng : " Điều cần thiết hiện-tại là phải thành-lập một tổ-chức Quốc-tế, càng sớm bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Tổ-chức phải xây dựng trên nguyên-tắc bình-đẳng về chủ-quyền của tất cả



trong
tình-thế
hiện-tại

(Ảnh ông Hammerskjold Tổng thư-ký Liên Hiệp Quốc.)

các nước yêu-chuộng hòa bình nhằm đảm bảo việc duy trì sự an-ninh và nền hòa-bình quốc-tế".

Sau ngày này, nhiều cuộc hội-nghị được chuẩn-bị ráo riết. Cho tới ngày 26-6-1945, tại hội-nghị 61 nước hội-viên đầu tiên của Liên-Hiệp-Quốc, toàn-thể đã đồng ý thông qua một bản Hiến-Chương và bản "Hiến-Chương Liên-Hiệp-Quốc" này bắt đầu chính-thức được nhìn nhận, có hiệu-lực từ ngày 24-10-1945.

Cũng chính ngày 24-10-1945 là ngày Liên-Hiệp-Quốc được chính-thức thành-lập.

Mục tiêu mà Liên-Hiệp-Quốc nhắm vào, được nêu ra trong Hiến-Chương, là : « Duy trì an-ninh và hòa-bình quốc-tế, Phát-triển những mối quan-hệ về tình hữu-nghị giữa các nước đặt trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc dân-tộc bình-đẳng và dân-tộc tự quyết, Thực hiện sự hợp-tác quốc-tế ». Hiến-Chương lại còn nêu rõ những nguyên-tắc mà Liên-Hiệp-Quốc cũng như các nước hội-viên phải hành-động là : « Bình-đẳng giữa các quốc-gia hội-viên, Giải quyết bằng phương-pháp hòa-bình những sự tranh chấp quốc-tế, Không

được dùng võ-lực để xâm-phạm hoặc uy-hiệp toàn vẹn lãnh-thô hay nền độc-lập chính-trị của bất cứ một quốc-gia nào, Liên-Hiệp-Quốc không can-thiệp vào những công-việc thuộc chủ-quyền quốc-gia của một nước », v. v. . .

Những cơ-quan chính của tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc, gồm có : Đại-hội Đồng, Hội-Đồng Bảo-An, Hội-đồng Kinh-Tế và Xã-Hội, Hội-đồng quản-Thác, Tòa-Án Quốc-Tế, Ban Thư-Ký.

Đại-Hội-Đồng gồm tất cả các nước hội-viên (cho tới nay gồm 99 nước). Thường hàng năm đều họp một khóa, không kể những khóa bất thường. Trong những khóa họp này, các vấn-đề được biểu-quyết bằng phiếu theo nguyên-tắc đa số 2 phần 3.

Hội-Đồng Bảo-An gồm có 5 ủy-viên chính-thức thường-trực. Năm ủy viên hiện nay là người của 5 nước: Nga, Mỹ, Anh, Pháp và Trung-Hoa. Ngoài năm ủy-viên chính-thức, còn có 6 ủy-viên của sáu nước không thường-trực. Sáu ủy-viên này có nhiệm-kỳ giới-hạn : 2 năm ; nhưng mỗi năm bầu lại 3. Hội-đồng Bảo-An biểu-quyết mọi vấn-đề theo nguyên-tắc đồng-nhất cả 5 (ngoại trừ vấn-

đề thủ-tục) : Nghĩa là khi một trong 5 bộ phiếu chống thì nghị-quyết vô giá-trị (người ta thường gọi là quyền phủ-quyết).

Cho tới nay kể từ ngày Liên-Hiệp-Quốc chính-thức ra đời, tổng-kết lại tất cả các thành-tích, người ta thấy rằng tổ chức này đã giúp cho thế-giới không biết bao nhiêu chuyện lợi-ích.

Đã nhiều lần tổ-chức này chứng tỏ cho người ta thấy rằng nó đã làm tròn nhiệm-vụ của nó : Phục-vụ an-ninh, hòa-bình chung. Nếu không có Liên-Hiệp-Quốc, mà trong ấy Mỹ là nước phải gánh một gánh nặng nhất, thì trước làn sóng đỏ do cộng-sản Quốc-Tế reo rắc, chắc gì số-phận Hàn-Quốc (1950-1953) được giải-quyết êm-thấm như ngày nay. Rồi Hung-gia-Lợi (1956), Lào-Quốc (1959) cũng như Công-Gô (1959), nếu không có bàn tay Liên-hiệp-quốc thì những nơi này rất dễ biến thành miếng mồi ngon cho Cộng-Sản nuốt chửng! Nga-Sô đã phản bội, đã nuốt lời! Bản Hiến-Chương còn rành-rành chữ ký của họ ra đây, thế mà họ cố tình làm quên! Việc làm này chứng-tỏ họ chính là hạng người lừa-lạc, gian-trá, quỷ-quyệt vì tự tay hạ bút ký:

« Quyết duy-trì an-ninh và hòa-bình quốc-tế ». « Không được dùng võ-lực để xâm-phạm hoặc uy-hiệp toàn vẹn lãnh-thổ hay nền Độc-lập chính-trị của bất cứ nước nào », mà lại chính họ tự tay gây mỗi máu lửa ở nhiều quốc-gia như Triều-Tiên, Lào, Công-Gô, Việt-Nam Cộng-Hòa, v.v... Mưu đặt xích-xiêng chủ-nghĩa độc-tài đảng-trị lên trên. Việc làm này lại còn chứng-tỏ họ không xứng đáng là một hội viên của tổ-chức quý-giá trên, cũng không đáng là một ủy-viên trong Hội-Đồng Bảo-An.

Vì có chân trong Hội-Đồng Bảo-An, nên Nga-Sô lạm-dụng quyền mình để luôn-luôn phá rối tổ-chức, những chỉ lăm-le đưa thêm chư-hầu Trung-Cộng, Mông-Cổ vào Liên-Hiệp-Quốc, để thêm vây thêm cánh. Song, rất may, hầu hết các nước hội-viên đều yêu-chuộng Tự-do, Dân-chủ sát cánh bên nhau, nên Nga-Sô dù có làm mưa làm gió đến đâu, cuối cùng cũng gục ngã trước cái « sức mạnh yêu chuộng Hòa-Bình ».

Nga-Sô dù có xảo-quyệt đến đâu cũng không thể nào tạo nổi « cái thế làm mưa làm gió » trong

Tổ-chức được, vì phái yêu-chuộng Tự Do, Dân-Chủ vẫn là phái đa số. Lực-lượng của phái yêu-chuộng sự Tự-Do, Dân-chủ rất mạnh này được chứng-minh qua : Ban Thư-Ký của Tổ-chức gồm 28 người, thì phía Tự-Do Dân-chủ chiếm 2 phần 3. Và trong số 34 giám-đốc thì chỉ có 6 người thuộc Cộng-Sản.

Chính vì nhận thấy cái thua kém của mình mà vừa rồi Nga-Sô đã đưa ra đề-nghị thay đổi cơ-cấu và các cơ-quan chấp-hành của Liên-Hiệp-Quốc. Kút-Xếp lớn tiếng đòi thay Tổng-Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc bằng một ban chủ-tịch gồm 3 đại-diện 3 nhóm : Một Tự-Do, một Cộng-Sản, một Trung-lập. Song, ai còn lạ gì cái mảnh khốc này nữa. Trong tình-thế hiện-tại, ai mà không hiểu rằng những người ở các nước Trung-Lập mà Nga định vận-dộng đưa vào chiếm 1 trong 3 ghế chủ-tịch là « một cái máy » của Nga. Vì « cái trò khôn lỏi » này, mà đề-nghị của Nga bị thất bại và Ham-mác-Giôn vẫn vẹn toàn ngời ghế Tổng-Thư-Ký cười mũi « trò trẻ con » trên.

Liên-Hiệp-Quốc đã vạch sẵn

một mục tiêu tốt-đẹp đề tiến, mưu cầu ích chung cho Thế-giới, thì cho dù Nga-Sô cộng-sản có phá-rối bao-nhiêu đi nữa, Liên-Hiệp-Quốc vẫn tiến bước không lùi.

Hơn thế, trước sau vận-mệnh của nền hòa-bình và sự tiến-bộ của loài người vẫn do bản-thân cuộc đấu-tranh của dân-chúng các nước định-đoạt và tất cả mọi người trong Thế-giới tự-do không ai còn lạ gì cái chủ-nghĩa độc-tài vất sức lao-động của bọn đế-quốc đồ kia!

Diễn-biến của khóa họp lần thứ 15, Đại-Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc lại một lần nữa chứng-tỏ cho Cộng-sản thấy bao-giờ những mưu toan gây hấn chiếm đất của chúng cũng bị sụp-đổ, và không khi nào Liên-Hiệp-Quốc đi sai mục-tiêu đã vạch sẵn qua những kết-quả bỏ phiếu về các vấn-đề thuộc tình-hình Công-Gô cũng như thủ-tiêu chủ-nghĩa thực-dân độc-tài.



99 nước hội-viên
Liên - Hiệp - Quốc

● **Á-Châu = 21 nước :**

- 1) Trung-Hoa Quốc-Gia
- 2) Nhật-Bản
- 3) Ai-Lao
- 4) Thái-Lan
- 5) Phi-Luật-Tân
- 6) Miến-Điện
- 7) Népal
- 8) Mã-Lai
- 9) Ấn-Độ
- 10) Cao-Miên
- 11) Thổ-Nhi-Kỳ
- 12) Li-Băng
- 13) Pa-Kít-Tăng
- 14) Á-Rập Xê-U-Đích
- 15) I-Răng
- 16) I-Rắc
- 17) Ít-Ra-En
- 18) In-Đô-Nê-Si-A
- 19) Xây-Lan
- 20) Áp-Ga-Nít-Tăng
- 21) Y-Ê-Men

● **Âu - Châu = 27 nước :**

- 1) Anh
- 2) Áo
- 3) Nga-Sô
- 4) Nam-Tur
- 5) Hy-Lạp
- 6) Pháp
- 7) Thụy-Điền
- 8) Ý

- 9) Bảo-gia-Lợi
- 10) Tiệp-Khắc
- 11) Phần-Lan
- 12) Tây-Ban-Nha
- 13) U-Cơ-Ren
- 14) Ru-ma-Ni
- 15) Na-Uy
- 16) Hung-gia-Lợi
- 17) Síp (a)
- 18) Lức-xăm-Bua
- 19) Bỉ
- 20) Đan-Mạch
- 21) An-Ba-Ni
- 22) Bi-Ê-Lô-Rút-Xi.
- 23) Bồ-Đào-Nha
- 24) Ba-Lan
- 25) Ít-Slăng
- 26) Iéch-Lăng
- 27) Hi-Lan

● **Phi-Châu = 27 nước :**

- 1) Á-Rập thống-nhất.
- 2) Cốt-Đi-Voa (a)
- 3) Công-Gô (thuộc Bi cũ) (a)
- 4) Cam-Mơ-Run (a)
- 5) Công-Gô (thuộc Pháp cũ) (a)
- 6) Đa-Hồ-Mây (a)
- 7) Cộng-Hòa Trung-Phi (a)
- 8) Ê-Ti-Ô-Pi.
- 9) Ghi-Nê
- 10) Ga-Na
- 11) Gioóc-Đa-Ni
- 12) Ga-Bông (a)
- 13) Li-Bi
- 14) Liên-Bang Nam-Phi

- 15) Li-Bê-Ri-A
- 16) Ma-Đa-Gát-Ca (a)
- 17) Ma-Li (a)
- 18) Ma-Rốc
- 19) Ni-Giê-Ria (a)
- 20) Sát (a)
- 21) Tô-Gô
- 22) Thượng-Von-Ta
- 23) Xu-Đăng
- 24) Xê-Ma-Li (a)
- 25) Ni-Giê
- 26) Xê-Nê-Gan (a)
- 27) Tuy-Ni-Di.

- 11) Si-Li
- 12) Vê-Nê-Duy-Ê-La
- 13) Xan-Va-Đo
- 14) Ni-Ca-Ra-Goa
- 15) Hồng-Đuy-Ra
- 16) E-Qua-Tơ
- 17) Ca-Na-Đa
- 18) Ác-Giăng-Tin
- 19) Bô-Rê-Din
- 20) Bô-Li-Vi
- 21) Cộng-Hòa Đô-Mi-Ních
- 22) Goa-Tơ-Ma-La

● **Úc-Châu :**

● **Mỹ-Châu = 22 nước :**

- 1) Hoa-Kỳ
- 2) Quy-Ba
- 3) Mếch-Xích
- 4) Cô-Lông-Bi
- 5) Cốt-Ta Ri-Ca
- 6) Ha-I-Ti.
- 7) Pê-Ru
- 8) Pa-Na-Ma
- 9) Pa-Ra-Goay
- 10) U-Ru-Goay

- 1) Tân-Tây-Lan
- 2) Úc

Những nước có đánh dấu chữ (a) là những nước mới gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc khởi đầu từ khoá hợp thứ 15. Nếu đề ý, ta sẽ thấy hết các nước mới được công-nhận này đều là các nước Phi-Châu. Điều này đáng cho ta suy-nghĩ về thế cờ quốc-tế hiện tại !



● **DANH NGÔN : THAM-VỌNG**

*Tham-vọng duy-nhất của tôi, là chẳng có tham-vọng nào cả.
(Ma seule ambition ? N'avoir jamais d'ambition).*

EMILE HENRIOT
(Văn-sĩ Pháp, vừa mới chết)

TUẤN,

chàng
traí
nước
Việt



(Tiếp theo P. T. số 57)

● NGUYỄN-VỸ

Xin bạn đọc lưu ý :
Những chữ nằm trong dấu ngoặc «...» là những danh-từ rất thông dụng ở Việt-Nam từ 1900 đến 1940.

THÌ giờ thoáng qua rất nhanh chóng. Nhất là trong giai-đoạn giao-thời, bao nhiêu những cái văn-minh do «*Nhà Nước Đại Pháp*» (1) mang sang truyền bá trong xã-hội Việt-Nam đang dần-dần thay cũ đổi mới, mọi sự biến-chuyển xảy ra rất mau lẹ, và đa số dân-chúng đều mặc-nhiên công-nhận, và hòa theo tan thường. Từ ra một số Nhân sĩ Cựu-học, có đầu óc á-i-quốc nồng nhiệt, gọi là Văn-thân, ngấm ngấm phần đời, và tuyên-truyền

chống Pháp về phương diện chính trị, còn thì đại đa-số dân-chúng gần như thụ-động, «*sợ Tây*», và dần dần làm quen với tình trạng mới, ra-chuộng những thay đổi mới của «*ông Tây*».

(1) Danh-từ chính-thức, bắt đầu thông-dụng thời bấy giờ, do các «*Quan An-Nam*» đặt ra.

Nhất là giới thanh-niên. Một lẽ dễ hiểu, là lớp người trai trẻ vừa mới lớn lên chưa kịp thâm-nhiệm cựu-học và đã tiếp xúc ngay với hoàn cảnh mới và sự hiện-diện chính-thức của người Pháp, đại-diện «*Nhà nước Bảo-Hộ*».

Cho nên các lớp thanh-niên Việt-Nam từ 1900 đến 1925 đều hòa nhau theo phong-trào «*bỏ chữ Hán, học chữ Tây*» để theo đời nếp sống «*Văn-minh tiến-bộ*» do người Pháp tạo ra.

Cho đến một số các ông Tú ông Cử nhà Nho, «*cựu-học*», cũng bắt đầu nhảy qua «*Tân-học*», và «*Nhà nước Bảo-hộ*» mở rộng cửa *Trường Quốc-học Huế, trường Hậu-Bồ, (collège des Interprètes)* Sài-gòn và Hà nội, để tiếp đón niềm-nở các nhà Nho-học trẻ tuổi ấy, cùng với các thanh-niên Tây-học : khởi-điềm của giới «*Trí-thức thượng lưu*» sau này.

Ở các tỉnh, trừ một số rất ít thanh-niên được ru-đãi, con các quan, thi đỗ bằng «*Ri-me*» rồi được ra Huế học trường *Quốc-Học*, còn thì hầu hết được bổ-dụng ra làm việc ngay ở các sở, làm «*Thầy Thông*», «*Thầy Ký*».

Lê-văn-Thanh, chàng thanh niên của chúng ta, con nhà bình-dân, ở vào lớp này.

Sau khi thi đỗ bằng «*Sơ-học Pháp-Việt*», — Bằng «*Ri-me*», — và được «*Quan Công-Sứ*» cho vào làm *Thầy Ký* ở *Tòa-Sứ*, lương tháng 10 đồng, chàng đã nghiêm-nhiên được một địa-vị sang-trọng ở ngay tỉnh nhà. Thân-sinh của chàng, là ông Xá-Quý, bấy giờ được lên chức «*Hương Cầm*» liền giết 2 con bò và 5 con heo để làm tiệc «*ăn mừng*».

Tiệc khao này kéo dài suốt 3 ngày đêm, toàn-thề dân phố ở cửa Bắc và cửa Tây, tức là dân làng sở-tại ở tỉnh-ly, đều nô-nức vui-mừng, và khen ngợi «*nhà ông Hương Cầm có phước*». Bấy giờ không ai dám gọi «*Cậu Bốn Thanh*» nữa, mà cung-khiah cúi đầu, xá : «*Thầy Ký Thanh*».

Hôm đầu cuộc lễ ăn mừng, ông Hương Cầm làm lễ «*Tế Thần*», có các hương-chức trong làng tham-dự, tức là lễ tạ ơn vị Thành-Hoàng ở Đình làng. Trong Đình, có trống lớn, trống nhỏ, chiêng, phèng-la, có nhạc bát-âm ; ngoài sân có cờ, có lọng, có dân chúng, đàn ông, đàn bà, con trai, con gái, bà già, con nít, tụ-hợp đông đủ để coi.

Thầy Ký Thanh bấy giờ không còn mang đôi guốc cũn như hồi

đi học nữa. Thầy được mang đôi « giầy Hạ ». thứ giầy bằng da đen bóng, chỉ có các quan và các Thầy Thông, Thầy Ký, Thầy giáo, mới được mang mà thôi. Giầy này do người Bắc làm ở Bắc, đem vào bán tại các tỉnh. Lúc bấy giờ, « giầy Tây » chưa có ai mang.

Tính ra, từ hồi Cậu Bốn Thanh còn để búi tóc trên đầu, trông thấy ông Tây bà Đằm, đã vội vàng chạy trốn, hoặc giả vờ đứng câu cá ở bờ mương, ngoài Cửa Bắc, để đợi cô Ba Hợi đi chợ mà leo-đèo theo sau tán-tĩnh bằng một câu chữ nào « nhất nhựt bất kiến như tam thu hề »... cho đến bây giờ là Thầy Ký Thanh chân mang giầy Hạ, đầu đội mũ trắng, đi làm việc trên Tòa-Sứ với chức « Thông ngôn, Ký-lục », cả sự biến-đổi lớn-lao và mới-mẻ ấy chỉ xảy ra trong khoảng 5 năm, từ 1910 đến 1915. Thực ra, sức hiểu biết chữ Pháp trong 5 năm sơ-học ấy có được là bao, nhưng Thầy Ký Thanh bây giờ hãnh-diện được « nói tiếng Tây », với tất cả mọi người. Thầy không còn xỏ những câu sách « Thánh-Hiền », của Đức Khổng Đức Mạnh nữa. Ở nhà, Thầy khoe tiếng Tây với bà con, hàng xóm, thiên hạ

bu lại nghe đông - nghệt. Ai cũng tò-mò muốn hỏi Thầy cái này cái nọ gọi bằng tiếng Tây như thế nào. Nhiều chữ để, thầy trả lời thông - suốt cả. Gặp những chữ khó, thầy chưa học tới, thì Thầy nói bậy - bạ họ cũng nghe mê.

— Cái chén, tiếng Tây gọi là gì, Thầy ký ?

— La tách-xơ.

— Cái bình-điếu ?

— La pip-pờ.

— Cái áo ?

— La rốp-bờ.

— Cái quần ?

— Lơ pâng-ta-lông.

Đó là những chữ để. Đến lượt bà Xã hỏi :

— Cái yếm, Tây nói sao ?

Thầy ký chưa học chữ « cái yếm », liền trả lời :

— Ông Tây bà Đằm có đeo yếm đâu mà thím Xã hỏi kỳ vậy !

Cả đám thính-giả cười rộ lên.

Thầy ký được thề, phê-bình :

— Thím Xã hỏi nhà-quê quá !

Cô Hai Nghĩa, con bà Hương Kiềm, em họ của Thầy ký Thanh, hỏi :

— Anh Ký ơi, Tây họ gọi cơm là gì ?

— Lơ-ri.

— Rau muống ?

Chữ này thầy Ký chưa học tới, nhưng không lẽ Thầy chịu dứt nên thầy bịa đặt nói bỗ-láo :

— Rau muống, Tây gọi là *légume-rampier-dans-l'eau*.

— Chữ *Rau muống* sao mà dài thượt vậy ?

— Tại rau muống nó dài, nó bò tràn lan, cho nên Tây đặt cho nó cái tên dài vậy chớ sao !

— Còn... con bò ?

— Bóp.

— Con heo ?

— Cờ-son

— Con heo sao gọi bằng « cờ » ?

— *Cờ-son* là con heo cái.

— Con heo đực ?

— Heo đực là... *Cu-son*.

Cô Hai Nghĩa và mấy người đàn-bà mắc-cờ, đỏ mặt, Bọn đàn ông con trai thì cười ầm-ĩ cả lên. Ông Hương Bồn nói :

— Tiếng Tây cũng có chữ « cu » he. Giống tiếng ta quá, há !

Thằng Đít, con chú thợ mộc, hỏi :

— Con heo kêu ụt-ít, Tây nói sao, Thầy ký ?

— Lơ cu-son ụt-xờ, ụt-xờ.

Thầy ký Thanh sợ người ta hỏi nhiều chữ khó quá, trả lời không được, thầy đứng dậy, bảo :

— Thôi, đừng hỏi nữa. Muốn

biết chữ Tây, thì đi học trường Nhà-nước, đừng học sách Khổng-Tử Mạnh-Từ nữa.

Ông Hương-Cả Quý cùng cậu con trai « Ký-lục », cũng bảo bà con hàng xóm :

— Đề anh Ký nó đi nghỉ cho khoẻ, sáng mai còn đi làm việc trên Tòa...

Thầy Ký Thanh vào nhà đi ngủ. Ông Hương Cả còn nói với bà con :

— Nó giỏi chữ Tây, cho nên Quan Sứ ngài thương nó lắm...

Sự thật, thì cái tiếng Tây của Thầy Ký Thanh là loại « tiếng Bồi », nhưng trong buổi sơ-giao, người Pháp cần gấp một số thông-ngôn tạm hiểu chút-ít tiếng của họ, một cậu « lặc - lẻo mè - dòng - ló » nói tiếng Tây « ba-xí ba-tú » như Thầy Ký Thanh vẫn được « nhà nước Bảo-hộ » trọng-dụng.

Nhưng Ký Thanh vào sở, chạm trán phải một « Quan Phán đầu Tòa » rất khó-chịu. Ông này, cũng là thanh-niên, chỉ lớn hơn Thanh độ 6, 7 tuổi thôi, nhưng nguyên là con một Quan Án-sát ở Hà-tĩnh, và tốt-nghiệp Trường Quốc-Học ở Huế, học giỏi hơn và được bổ làm « Thông Phán », chức vị cao nhất ở Tòa Sứ. « Quan Phán đầu

tòa», biết Thầy Ký Thanh mới có bằng sơ-học, tiếng Tây còn kém, nên thường tỏ vẻ khinh-khi thầy. Chỉ tại vì Thầy Ký được « Cự Sứ », thương, — vì thầy giỏi khoa nịnh-bợ, — nên Quan Phán phải nể đôi chút đó thôi. Có điều phân-biệt hẳn, là Quan Phán đến sở thì đi bằng xe-kéo, loại xe-kéo bánh sắt do quan Phán mua riêng một chiếc làm « xe nhà », và do một người « cu-li » kéo ngày hai buổi đưa quan đi đến tòa và rước quan về. Còn Thầy Ký Thanh vẫn phải đi bộ. Xe máy (xe đạp) lúc bấy giờ cũng chưa có. Bắt đầu từ 1919, mới có lựa-thừa vài chiếc xe máy bánh sắt, những nhà giàu mới mua nổi. Sự thù-ghét và ganh tỵ nhỏ-nhen giữa hai chàng thanh-niên công-chức địa-vị khác nhau. Quan - Phán - đầu - Tòa, và Thầy Ký Thanh, chỉ ngăm-ngăm mà thôi. Nhưng luôn luôn Ký Thanh vẫn hãnh-diện được « Cự Sứ » tin cậy hơn. Quan Phán ý mình là con quan Án và tốt-nghiệp trường Quốc-Học ở Huế, vì chút lòng tự-ái không thể bắt chước nịnh-nọt như Thầy Ký Thanh, con nhà bình-dân, mới đổ bằng « Bờ-Ri-me ».

Vì thế mà « Cự Sứ » đi đâu

cũng bảo Thanh đi theo để làm thông-ngôn.

Biết bao nhiêu lần Thanh thông-ngôn sai-lạc hẳn những lời nói của viên công-sứ Pháp, và dịch ra tiếng Pháp sai lầm những lời của đồng bào Việt.

Có lần, vào khoảng giữa mùa Hè, trời nắng bức oi-ả, ông Sứ sợ có hỏa - hoạn vì hầu hết các nhà ở quanh tỉnh đều lợp tranh, nên ông cho gọi hương-chức làng sở-tại đến, căn dặn phải coi chừng củi lửa để phòng nạn cháy nhà. Ông còn bảo 8 giờ sáng mai ông sẽ thân-hành đi thăm các xóm để xem-xét về vấn-đề thiếu vệ-sinh. Nhưng không rõ thầy Ký Lê-văn-Thanh hiểu tiếng Pháp như thế nào, mà thầy thông-ngôn lại cho các vị hương-chức như thế này :

— Cự lớn bảo trời nóng-nực, mà các nhà An - Nam không có vệ-sinh, nên 8 giờ sáng ngày mai Cự Sứ sẽ thân-hành đến đốt các nhà tranh trong làng cho cháy hết.

Các vị Hương-chức sợ hoảng-run cầm-cập. Ông Xã khúm-núm thưa :

— Dạ thưa Thầy Ký, nhờ Thầy bẩm lại với Cự-lớn, cụ lớn

đạy vệ-sinh như thế nào thì dân làng xin tuân lệnh làm theo, chứ Cự Sứ đốt nhà chúng tôi thì tội-nghiệp quá.

Lê-văn-Thanh thông-ngôn lại cho viên Công sứ Pháp bằng tiếng Tây đại khái ý-nghĩa như thế này:

— Thưa Cự Sứ, dân làng xin tuân-lệnh cụ sứ, nếu cụ sứ biểu họ đốt nhà để cho có vệ sinh họ cũng chịu.

Ông Sứ cười ha-hả, rồi bảo :

— Tôi không biểu họ đốt nhà. Tôi chỉ biểu họ để phòng mùa nắng, kéo cháy nhà. Tôi sẽ thân hành đến thăm từng xóm, và sẽ tự tôi bày cho họ cách thức vệ-sinh.

Lê-văn-Thanh thông-ngôn lại cho các vị hương chức như sau đây :

— Cụ sứ nói Cụ sứ sẽ thân-hành đến tự tay Cụ châm lửa đốt từng xóm rồi cụ bày cho cách thức làm nhà có vệ sinh.

Sợ nói nhiều, khó thông-ngôn, Lê-văn-Thanh liền đuổi các ông làng :

— Thôi, các ông đi về, đừng xin xỏ gì nữa, Cự-lớn bỏ tù đấy.

Các ông Hương chức về làng, lập tức nổi mồm nói trống lên vang động cả xóm, gọi dân làng đến báo tin cho biết rằng 8 giờ sáng mai

« Cự Sứ » về đốt hết nhà cửa để cho có vệ sinh. Dân làng không hiểu rõ lý-do, nhưng ai nấy đều hoảng hốt, chạy về dọn hết đồ đạc trong nhà ra ngoài vườn, ngoài sân, ngoài đường cái... Suốt buổi chiều và đêm hôm ấy, cả làng đều rối loạn, đàn ông đàn bà, người già, trẻ nít đều lo sợ, kêu khóc ầm-ĩ cả lên, bên cạnh những đồng giường, phản, nôi, niêu, bàn ghế, chum, vại, chắt đồng lổn ngổn ngoài các đám ruộng mía, chung quanh tỉnh thành... Suốt đêm đều có tiếng kêu la thảm thiết. Nhiều người bàn rằng : « Có lẽ Quan Sứ đốt nhà tranh, rồi cho tiền cất nhà ngói cho có vệ-sinh.»

Nhưng một số khác lại quá sợ sệt nghĩ rằng « Nhà-nước đốt nhà của dân, chắc là để phạt dân về chuyện gì đây.» Và họ bảo với nhau sáng ngày mai Cự Sứ đến thì họ sẽ sụp xuống lạy Cự Sứ và kêu khóc xin cụ tha tội...

8 giờ sáng mai, Quan Sứ và Quan Tuần-Vũ đi bộ đến làng, có thầy ký Lê-văn-Thanh và quan Phán đầu tòa đi theo. Viên Công sứ Pháp, và cả quan Tuần Vũ đều hết sức ngạc nhiên thấy một đám đông dân làng, cả đàn bà con nít, sụp xuống lạy và kêu khóc rất thảm-tham, bên cạnh

những đồ đạc trong nhà dọn ra
ngõn ngang ngoài đường. Nhờ
quan Phán đầu-toà hỏi kỹ mới
biết có sự hiểu lầm. Ông Sứ phi
cười nhưng rồi ông lắc đầu tỏ vẻ
thất vọng, truyền lệnh cho mọi
người dọn đồ đạc vào nhà, rồi ông
buồn-bực quay trở về Toà-Sứ.

Ông gọi Lê-văn-Thanh vào văn
phòng của ông, đập bàn đập ghế,
mắng một trận nên thân.

Hai hôm sau, dân làng hùn tiền
mua một con bò và một con heo,
cúng tạ Thành-Hoàng để ăn mừng

vụ α khỏi bị Cự Sứ đốt nhà ».

Thầy ký Lê-văn-Thanh lại nói
với làng rằng :

— Cự Sứ có lòng nhưn-đức,
thấy làng khóc xin, nên cុ tha cho
không đốt nhà của dân.

Dân làng biết ơn Thầy ký Lê-
văn-Thanh nhiều lắm.

Một tháng sau, Lê-văn-Thanh
cười cô Nguyễn-thị-Hội, con gái
ông Bá-Hộ.

Kỹ sau : Đám cưới của
chàng thanh niên, năm 1915.



* THI NÓI LÁO.

Một ông vua Ấn-Độ thời xưa một hôm bảo với ba người lính
hầu của ông : « Đứa nào nói láo hay hơn hết, Trẫm thưởng cho
1.000 ru-pi. »

Anh lính thứ nhất nói :

— Suốt đời tôi không bao giờ nói láo.

Anh thứ hai :

— Tôi, thì tôi không biết nói láo là gì.

Anh thứ ba :

— Tôi tin hai người kia không nói láo.

Ông vua cười, thưởng 1.000 ru-pi cho người thứ ba.

B.T.



Gởi khách Thiền - môn

Đốt cánh thời-gian mở khép hồ
Không-gian chiếc áo (1) đã nên thơ
Có người tao khách say sưa ngắm :
Kim cồ trào dâng sóng lững-lờ...



Dầu là hạt cát bãi sông Hằng
Cũng muốn san bao nổi bất bằng
Khói lửa hận lan-tràn cõi Phật
Trời Tây (2) liệu thoát dã-man chăng ?



Đời quá hoang-mang cuộc bề dâu
Rời đây nhân loại hướng về đâu ?
Áo thơ đẫm ố màu tang hải
Ngừng bút si mê hỏi Thiện-Châu (3)

TƯƠNG-PHỔ

(1) * Không-gian thành chiếc áo » Thi-phẩm đã xuất-bản của
tu-sĩ Thích Huyền-Không, chùa Linh-Sơn Đà-lạt.

(2) Tây-Tạng.

(3) Tu-sĩ Thích-Thiện-Châu, Phật-học viện Trung-Phần, sắp
du-học Ấn-Độ.

Mộng đêm trường

*Trong veo làn nước xanh,
Gờn gợn áng mây lành.
Êm à bơi thuyền mộng,
Nhẹ nhàng giữa sắc thanh.*

*Đường rải ngập muôn hoa,
Ý thơ màu thiết tha.
Đời vui trong nắng đẹp,
Hương khói ngát trời xa.*

*Tình thơ ngây ngất say,
Nào ngại nổi u-hoài
Dịu-voì đường sâu-muộn.
Tơ lòng lá-lướt bay.*

*Gió quyện tình muôn phương,
Hồn dâng niềm luyến thương.
Mong vơi sầu thế-hệ,
Thanh-thoát mộng đêm trường.*

*Hoàng-hoa gieo sỏi mơ
Tươi thắm dệt trời thơ.
Trang-nhã lồng khung nhạc
Không-gian chẳng bến bờ.*

THANH-NGUYỄN
(Saigon)

T Ề - T ỨC

M Ộ T
Q U Y Ệ N
T H Ầ N

TRONG hàng ngũ-bá không thấy tên Trịnh-Trang-Công nhưng thật sự thì uy-thể của Trang-Công đã gần bằng một ông bá-chủ, hiển-danh từ trên nửa thế-kỷ trước Tề-Hoàn-Công. Trang-Công lại là ông vua chư-hầu đầu tiên đã hiệp bực nhà Châu và coi thường uy-quyền của Thiên-Tử.

Ông vua ngang-tàng đó trước khi chết đã kêu Tề-Túc tới để gọi gắm việc nước và việc nhà. Ngoài người con lớn là Tử-Hốt đã được phong làm Thế-Tử, ông còn 10 người con trai nữa ở dòng thứ, trong đó ông yêu nhất là Tử-Đột. Ông muốn truất Tử-Hốt mà lập Tử-Đột

★ THIẾU SƠN

để nối-nghiệp ông. Nhưng Tề-Túc không dám phụng-mạng một việc làm trái phép như thế. Trang-Công chép miệng mà than rằng: «Đã biết Tử-Đột là con dòng thứ, nhưng mà ta xem chí-khí nó không chịu ở bực dưới ai, như lập Tử-Hốt thì phải đuổi Tử-Đột về bên quê ngoại của nó, thì mới an dặng». Tề-Túc thưa: «Biết ý con, không ai biết bằng cha. Vậy xin chúa công cứ tỉnh đi». Trang-Công nói: «Nước Trịnh rầy sắp tới, chắc là biến sanh nhiều việc.» Rồi ông đuổi Tử-Đột về quê ngoại là nước Tống.

Trang-Công chết, trào thần

tôn thế. từ Hốt lên tức-vị, lấy hiệu là Trịnh-chiêu-Công.



Công-tử Đột là con Ung. Kiệt và dòng họ Ung có nhiều người làm quan với nước Tống và được Tống-Trang-Công yêu dùng hết sức.

Công-tử Đột xin bà con bên ngoài ủng-hộ mình và nói với vua Tống giúp mình về cướp ngôi của anh. Vua Tống chịu lời.

Khi Tể-Túc đi sứ qua Tống thì liền bị gài bẫy, bắt giam và hãm giết. Vua Tống cho người nói với Tể-Túc muốn thoát nguy thì phải thế chịu giúp công-tử Đột về làm vua nước Trịnh. Tể-Túc lật đật nhận lời. Vua Tống còn ép phải gả một người con gái cho Ung-Củ thuộc dòng họ ngoại của Công-Tử Đột. Tể-Túc cũng vâng chịu. Tống-Công còn cho đòi Công-tử Đột tới và bắt phải hứa sẽ được lên làm vua nước Trịnh thì sẽ dựng 3 thành để đền ơn cho Tống. Công-Tử Đột cũng chịu luôn. Tể-Túc về Trịnh Công-Tử Đột và Ung-Củ thay hình đổi dạng theo về. Tể-Túc giả đau không đi châu. Các quan đại-phu rủ nhau tới thăm tại tư-dinh. Tể-Túc đã cho quân-sĩ

võ-trang mai-phục sẵn-sàng để ép các quan phải phụ-lực với mình mà làm việc đổi chúa. Ông còn nói gạt rằng đại-quân của Tống sắp sửa kéo qua để ủng-hộ Công-Tử Đột. Các quan đều riu riu vưng lời. Tể-Túc bèn làm một tờ biểu chương ép Trịnh-chiêu-Công phải nhường ngôi cho Công-tử Đột. Ngoài ra ông còn viết một bức thư riêng nói rõ những lý-do vì sao ông phải làm việc này, khuyên Chiêu-Công nên trốn đi cho qua hồi khủng-hoảng rồi ông sẽ kiếm cách phục nghiệp cho. Chiêu-Công trốn qua Vệ.

Tể-Túc lập Công-Tử Đột lấy hiệu là Trịnh Lệ Công, gả con gái cho Ung-Củ và xin phong cho làm đại-phu.

Lệ-Công được làm vua mà không sướng vì những người đã làm ơn cho mình nay đều xúm nhau lại làm khổ mình. Vua Tống cứ nâng - nặc đòi phải dâng ba thành như đã hứa. Nhưng mới lên ngôi mà cắt ba thành dâng cho ngoại quốc thì tránh sao khỏi sự thóa-mạ của dân. Vết của kho ra công-hiến mà Tống-Công cũng cứ nâng nặc đòi cho kỳ được

ba thành. Đòi không được thì sanh chuyện can-qua làm cho nước Trịnh không bao giờ được hòa-bình yên-ổn. Đã thế mà Tể-Túc lại lộng quyền không coi Lệ-Công ra gì thường hay phủ-quyết những ý-kiến của Lệ-Công. Chính Lệ-Công đã than rằng : «Ta bị Tể-Túc nó hiếp chế như vậy thì làm chúa có vui sướng gì đâu?»



Ngày kia Lệ-Công ra chơi vườn hoa có Ung-Củ theo hầu. Lệ-Công thấy chim bay tung-tăng, liu lo kêu hót lại càng ử-rũ buồn rầu. Ung-Củ thưa : «Gặp xuân-tiết ôn hòa, trăm thứ chim đều đặc-ý, Chúa-công làm chúa chư hầu có sao lại không được vui vẻ.» Lệ-Công nói : «Trăm thứ chim muôn bay thì bay, muốn kêu thì kêu, không ai hiếp-chế, còn ta đây có dặng tự-do như loài chim đâu?» Thế rồi Ung-Củ hỏi gât tới và tỏ dạ trung-thành tuyệt-dối với Lệ-Công. Lệ-Công nghi Ung-Củ không hết lòng vì là rể của Tể-Túc. Nhưng Ung - Củ đã thế thốt nặng lời và quyết - tâm vì Chúa

sẽ giết cha vợ của mình. Ung-Củ hiển kể như sau : «Ngoài Đông-giao bị binh Tống đốt phá, ngày mai Chúa-công khiến quan Tư đồ tu-bổ thành trì, lại sai Tể-Túc đem lúa, gạo, vải, sớ ra phát chẩn cho dân. Tôi ra đó đãi tiệc, lén đem rượu độc mà thuốc nó». Lệ-Công nói : «Ta phú-thác tánh mạng ta cho người, người phải làm cho cẩn-thận.»



Ung-Củ về nhà vợ là Tể-thị thấy sắc mặt có vẻ sớn sắc thì sanh nghi, bèn hỏi chồng có chuyện gì khác thường xảy ra ở trong tráo không? Ung-Củ đáp : «Không». Tể-thị hỏi dồn : «Thiếp chưa xét tiếng nói thì đã xem thấy ở dung nhan. Ngày nay lẽ nào trong Tráo lại không có việc lạ? Vợ chồng tin nhau, việc gì bất kỳ lớn nhỏ cũng phải cho nhau hay với, có đâu mà tẻ lấm vậy?» Ung - Củ nói : «Chúa-Công muốn khiến nhạc-gia qua Đông-giao mà an-ủi dân-cư, ngày đó ta sẽ thiết tiệc tại đó để mừng thọ nhạc-gia. Chỉ có thế thôi, không có gì khác nữa. Tể-thị nói : «Chàng muốn đãi tiệc cha tôi, sao lại phải đãi ở Đông-Giao mới được?» Ung-Củ đáp : «Việc ấy là do chúa-

« công biểu, nàng đừng có hỏi tới làm chi ». Tể-thị nghe nói lại càng thêm nghi, bèn đem rượu mà ép Ung-Củ uống thiệt say, nằm ngủ mê-mạn. Tể-thị nhân lúc chổng đương mê-mạn thì hỏi : « Chúa - Công khiến ông phải giết Tể-Túc mà ông đã quên rồi sao ? » Ung-Củ đương chiêm-bao mơ-màng bèn đáp : « Việc đó ai dám quên đâu. » Sáng ngày Tể-thị nói với Ung - Củ : « Tướng - công muốn giết cha tôi, tôi đã hay hết. » Ung-Củ chối : « Ai có lòng ác như vậy được ? » Tể-thị nói : « Hồi hôm Tướng-Công say rượu đã nói thiệt hết với tôi rồi. Bây giờ còn giấu gì nữa ». Ung - Củ luýnh - quýnh mà hỏi rằng : « Như thiệt có việc ấy thì nàng tính lẽ nào ? » Tể-thị trả lời : « Xuất giá tòng phu, còn phải nói chi nữa. » Ung-Củ bèn đem hết những chi-tiết của kế-hoạch nói hết cho vợ nghe. Nàng nói : « Vậy mà chưa biết cha tôi có chịu đi hay không. Để gần tới ngày đó, tôi làm bộ về thăm dặng dọ ý ông cụ. » Ung Củ nói : « Như việc xong, ta lên làm thượng-khanh thì nàng cũng dặng vinh-hiến. »

Tể-thị về tới nhà liền hỏi mẹ : « Cha với chổng bên nào thân

hơn ? » Mẹ nói : « Hai đảng đều thân hết ». Tể-thị lại hỏi : « Vậy mà nên thương ai nhiều hơn ? » Mẹ nói : « Nên thương cha nhiều hơn. » Tể-thị hỏi : « Vì có gì ? » Mẹ nói : « Khi còn con gái chưa chắc ai làm chổng mà đã chắc là có cha. Sách có chữ cái-giá không có chữ cái-sanh, hễ cha chết kiếm lại không dặng. Chổng là người định, cha là trời định, thương chổng sao bằng cha được ? » Lời ấy tuy là vô-tâm nhưng lại chạm đến sự hữu-tâm của Tể-thị làm cho nàng ứa nước mắt mà nói với mẹ rằng : « Bây giờ hễ con thương cha thì chắc con không thể thương chổng nữa dặng. » Nàng bèn đem hết những âm-mưu của chổng nói ra với mẹ. Mẹ nàng thất-kinh liền nói lại với cha nàng. Tể-Túc nói : « Chớ nói với ai để ta toan-liệu. »

Tể-Túc lựa mười dồng-sĩ tâm-phúc giấu dao nhọn theo mình đến Đông-Giao. Ngoài ra còn khiến một gia-tướng đem một trăm quân đi tiếp-ứng. Ung-Củ tiếp đón ân-cần và mời Tể-Túc dự tiệc. Chàng rót một chung rượu, hai tay bưng, quì

xướng mà dâng lên rồi nói : « Nơi Đông-Giao xuân-sắc tốt tươi xin dâng chung rượu chúc thọ nhạc - gia. » Tể-Túc cũng làm bộ ân-cần, một tay thì nắm tay Ung-Củ, một tay thì tiếp đón chung rượu rồi đổ luôn xuống đất. Rượu xông hơi độc lên. Tể-Túc liền hét lên : « Loài thất-phu sao dám ghẹo ta như vậy. Kia, quân tử hữu đầu, sao không hạ-thủ đi cho rồi ! » Dồng-sĩ nhảy ra thộp ngực Ung-Củ chém đầu rồi liệng thây xuống ao Châu-Trị. Bao nhiêu dồng-sĩ của Lệ-Công theo phục-vụ Ung-Củ cũng đều bị bắt và chém hết.

Lệ-Công nghe việc đổ bể thì cả kinh mà rằng : « Việc nước mà mưu với đàn-bà thì chắc chết lắm. Phên này Tể-Túc không dung ta đâu. » Lệ-Công chạy qua tị nạn bên nước Thái.

Tể-Túc nghe Lệ-Công bỏ ngôi mà chạy thì khiến người qua nước Vệ rước Chiêu-Công trở về phục-vị. Tể-Túc cười mà tự nói với mình rằng : « Thế là ta không thất-tín với Chúa cũ của ta. »



Trịnh - Trang - Công, trước khi chết đã biết trước rằng : « nước Trịnh sẽ sanh biến ». Quả thật những biến-cổ đó tiếp-diễn liền liền làm cho một nước hùng-cường trở nên suy-nhược. Chàng những suy-nhược mà còn có những chuyện như-nhước-xấu-xa, thương - luân bại-lý ! Anh em tranh ngôi, đoạt vị của nhau không phải là chuyện lạ ở thời-dại Xuân-thu. Nhưng tôi hiệp vua trước là bắt đầu từ Tể-Túc. Phải chăng bởi Trịnh-trang-Công đã hiệp Thiên-Tử mà nay chính con ông bị quyền-thần lấn-áp làm như có chuyện quả báo nhân tiên ?

Tể-Túc đối với Trang-Công là một trung - thần, qua với Chiêu-Công là một công-thần, nhưng qua tới Lệ-Công thì đã trở nên một quyền-thần, không coi vua ra gì nữa. Lệ-Công muốn giết Tể-Túc không có gì là lạ. Tể-Túc hạ được kẻ ám-hại mình, cũng không tài giỏi gì, vì đã có con gái cho biết trước để đề-phòng và đối-phó. Người tài giỏi hơn hết lại chính là Tể-thị, vợ Ung-Củ. Ngó sắc diện và cử-chỉ của chổng là biết ngay được chàng đương âm-mưu một

chuyện gì mà chàng cần phải giữ kín. Phục rượu cho chàng say rồi trong khi mơ-màng gọi cho chàng nói ra tất cả những bí-mật chứa chất trong lòng, một người đàn bà như thế thật là thông-minh và cũng thật là nguy-hiểm. Một phương-pháp điều tra áp-dụng từ 2700 năm do một người đàn-bà tới nay vẫn còn có thể áp-dụng và chưa hẳn đã lỗi thời. Nhưng thông-minh thì thông-minh thật mà sao nàng có thể nhân-tâm được như thế đối với một người chồng ? Đành rằng sách có chữ cái-giá mà không có chữ cái-sanh. Nhưng đó là lý mà không phải là tình. Nếu thật mình thương nhau thì tình chồng vợ nhứt định phải khẩn-khít hơn nghĩa cha con. Nói thế không có nghĩa là phải vì chồng mà để cho cha chết. Nhưng nếu nàng có lòng thì nàng có thể vừa cứu chồng và vừa cứu cả cha, dẫu có phải hy-sinh nghĩa vua tôi, việc đó cũng không có gì đáng trách cứ ở một người đàn-bà. Nhưng nếu nàng không có lòng thì cha nàng cũng là người thiếu hẳn một trái tim.

Trước mặt Trang-Công khi sắp chết, chính Tề-Túc đã từ chối một việc làm trái phép và hứa sẽ ủng-hộ Thế-Tử Hốt. Nhưng khi bị vua Tống uy-hiệp thì lật-đật trở cò và ủng-hộ ngay người mình đã từ chối giúp đỡ vì cho là việc làm trái phép. Phải chi chỉ hứa đỡ cho qua, rồi khi về nước lại thay đổi thế cò mà giữ cho Chiêu-công ngồi vững trên ngôi khỏi phải bôn-đào tị-nạn thì ông mới thiệt là giữ đúng lời hứa với Trang-Công.

Nếu Lê-Công không âm-mưu giết ông và nếu con gái ông không giúp ông khắc-phục được kẻ thù thì không biết ông có còn nhớ tới lời hứa đó không ? Vậy mà sau khi Chiêu-công đã trở về phục-vị, ông còn dám mở miệng ra nói rằng : « Thế là ta không thất-tín với chúa cũ của ta ». Thật là tráo-trở, trắng-trợn, vô lương-tâm và thiếu cả liêm-sĩ.

Nhưng con người Tề-Túc không đáng cho ta phê-bình. Ta chỉ lấy Tề-Túc làm điển-hình của những kẻ làm quan trong

thời loạn. Phần nhiều không phải là những người vì dân, vì nước, vì lý-tưởng hay vua chúa của mình. Họ vì họ, vì quyền lợi của họ mà tỏ ra trung-quân, ái-quốc đó thôi. Họ càng đắc-thời đắc vị thì họ càng ý thế, ý-thần. Rồi từ công-thần họ thành ra quyền-thần và tất cả những quyền-thần đều có thể lộng-hành và gây nên tội ác.

Tề-Túc là điển-hình của những người đó, những bầy tôi thiếu hẳn một tấm lòng. Họ cũng nói đến những chữ trung, tín, nhưng thật sự họ không trung-tín với ai và luôn luôn để quyền lợi của họ lên trên quyền lợi của quân-vương và tổ-quốc. Vua còn thiếu lòng thì bầy tôi sao có thể trung-tín được ?



★ DANH NGÔN

Nàng đẹp như vợ của người khác.
(Elle était belle comme la femme d'un autre)

PAUL MORAND

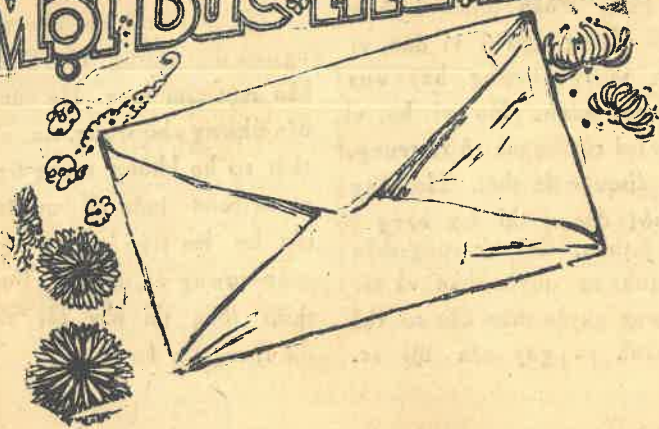
★ HÊN VÀ XUI

Giáp và Ất kể lại chuyện hồi còn thanh-niên.

Giáp : *Tớ không có hên với phụ-nữ. Lần đầu tiên tớ ôm hôn đại một cô gái, cô ấy gọi ngay cảnh-sát !*

Ất : *Thế là cậu có hên đấy chứ ! Tớ mới là xui. Lần đầu tiên tớ ôm hôn một cô gái, cô ấy dẫn tớ đến vị Linh-mục để xin làm lễ cưới !*

Một bức thư tình



* CHIỀU THIÊN THƯƠNG



GIỮA đêm yên - lặng, nghe tiếng mõ vang lên đều-đều của sư ông tụng kinh ở bên cạnh buồng, chú Đực không ngủ được. Chú

hối-hận về chuyện hôm qua. Chú lo rằng chú sẽ nương tựa vào nơi nào khi bị sư ông đuổi ra khỏi chùa!

Chú nhớ rõ lại gương mặt hiền-hậu của cô Thương trở nên giận dữ vì bức thư tình mà thằng

Ri đã viết cho chú. Nó bảo rằng Thương là cô gái đẹp đã đau-khờ vì tình, nên cứ ngày rằm hoặc ngày hai mươi chín, hay ba mươi, cô Thương đến chùa lễ Phật để cầu chồng.

Chú cảm thấy mến người con gái ấy vì mỗi khi lễ Phật xong, cô Thương cho chú vài đồng bạc để chú xài. Chú nghĩ rằng cô Thương cho chú tiền vì có ý làm phước, vì thấy chú có một chân què, miệng méo diêm thêm vài chiếc răng hô và giọng nói ngọng-ngịu.

Từ khi nương vào chùa, chú

thấy đời sống dễ chịu hơn những lúc còn vất-vả van xin ăn theo xóm. Đêm đêm, thằng Ri trốn ba má nó để đến ngủ với chú. Ri nghe chú khen cô Thương tử-tế, dễ thương, nó bảo rằng cô Thương yêu chú. Mấy lần chú cho thằng Ri nói bậy. Chú sợ có tội với Phật. Nhưng hôm đó, vì cô Thương nhét vào túi chú mười đồng và biếu chú một chiếc bánh tét, thằng Ri nói rằng cô Thương có ý yêu chú thật qua những cử-chỉ rõ rệt ấy. Chú tin thằng Ri nói có lý vì nó có đi học và đã đỗ bằng Tiểu-học.

Chú thấy nhớ cô Thương. Hình bóng nàng thường lảng-vảng trước mắt chú. Từ đó, chú nói thật lòng chú cho thằng Ri. Nó nói với giọng kính-nghiêm:

— Ở đời thường có nhiều chuyện xảy ra như vậy. Các cô gái thất-tình chỉ muốn chọn người yêu chung-thủy, dù người đó có xấu như thế nào đi nữa. Nếu cô Thương được chú làm chồng, chắc cô ấy hết chán đời và sẽ cưng chú lắm.

Ri nói tiếp:

— Âu cũng là mối duyên tiền định. Nhờ Phật trời xui-khiến, chú và cô Thương mới gặp nhau

ở cửa thiền này.

Chú Đực hỏi ý-kiến:

— A... mà mày có... có biết gàm... gàm sao đề... gò có... Khương không?

Ri thích quá nói:

— Dễ như ăn cơm sườn. Nhưng tấm ảnh của bác Tám chụp cho chú hôm Tết ở cổng chùa chú còn giữ không?

— Cao còn... còn để ở cong... cong củ áo.

Ri gạt đầu:

— Được, hay lắm, mai này tôi viết vài chữ phía sau tấm ảnh rồi chú đem tặng cô Thương và xin lại một tấm ảnh của cô ấy.

— Mày kính... kính cao... kể quá. Gồi cao... cao ngồi ao với cồ hả mậy?

— Cứ nói: Tôi tặng cô một tấm ảnh làm kỷ-niệm, kỳ sau cô cho tôi một tấm ảnh của cô để tôi nhớ cô.

Đêm đó chú Đực lập đi lập lại lời của thằng Ri đã dạy, Sáng đến, chú thức sớm và mặc bộ đồ bà-ba đen mới may hồi Tết. Lần này, chú thấy bóng áo dài vàng tha-thước của cô Thương hiện ở cổng chùa, chú muốn mắt thờ vì tim đập mạnh. Không như mọi khi, chú ngồi trên chiếc

ghế mây ở nhà bếp, chú lại đi ra công chùa giả bộ nhờ cô để đợi cô Thương.

Khi ra về, cô Thương cho chú tiền. Chú lấy tấm ảnh và nói ngập-ngừng câu của thằng Ri đã dạy chú hôm qua. Cô Thương lễ-phép nói :

— Mô Phật ! Chú Đực có lòng tốt quá. Ảnh chú chụp hồi nào mà đẹp vậy, ? Đề ba mươi tới, tôi sẽ tặng chú một tấm ảnh của tôi. À, chú nói cũng phải, vì có lẽ tôi sẽ thôi làm ở đây về Sài Gòn sống gần cha mẹ tôi. Chừng đó, chú thấy tấm ảnh cũng như thấy tôi vậy.

Tối đến, chú khoe chuyện cô Thương hồi sáng cho thằng Ri nghe. Nó hứa sẽ giúp chú thành công.

Suốt mấy hôm, Ri lục những bức thư tình trong mấy quyển tiểu thuyết xưa của ba nó để bắt chước viết một bức thư tình cho chú Đực. Hai đêm trước ngày ba mươi, Ri đọc cho chú nghe từng đoạn thư rồi giảng nghĩa cho chú. Chú thích lắm và khen thằng Ri giỏi đáng bậc thầy của chú.

Giữ lời hứa, hôm qua, khi lễ Phật xong, cô Thương tặng chú Đực một tấm ảnh. Chú run run

tiếp nhận ảnh của người đẹp. Chú vội vàng bỏ vào túi rồi đưa cô Thương ra tận công. Nhìn ngoài lại không thấy ai, chú gọi nhỏ :

— Cô cô... Khương.

Cô Thương vui-vẻ hỏi :

— Chú Đực bảo gì ?

— Cô... cô đưa cô bức... bức này của... của cô viết... viết cặng cô.

Lúc ấy có một chiếc xe chạy ngang qua đấy, cô Thương nhận bức thư rồi vội-vả lên xe.

Sáng sớm hôm nay, chú thấy cô Thương đến chùa với vẻ mặt buồn-buồn. Cô đi thẳng vào chùa trong lạy Phật rồi đến thưa với sư ông câu chuyện hôm qua. Cô nghẹn-ngào nói :

— Mô Phật, con bạch với thầy, hôm trước, chú Đực có tặng con tấm ảnh của chú và có xin lại một tấm ảnh của con để chú làm kỷ-niệm. Con nghĩ rằng nếu chẳng nhận ảnh của chú và chẳng tặng ảnh của con mà chú muốn xin, như vậy, con khinh-khi chú xấu. Con sợ có tội với Phật-Trời. Nhưng hôm qua, chú lại đưa con một bức thư tình mà con tưởng là những lời chân-thật của chú có cảm-mến đối với

con. Trong thư có những lời như thế này : « Em Thương là vợ yêu quý của anh... Chúng ta sẽ cùng nhau mãi-mãi xây mộng đẹp và sống hạnh-phúc trên đời này... »

Sư ông hỏi :

— Bức thư ấy con còn giữ không ?

— Mô Phật, thưa con đã đốt vì quá tức giận.

Sư ông mỉm cười như thỏa lòng rồi nói :

— Mô Phật, đó cũng nhờ lòng nhân-dức của con, nên Phật-Trời xui-khiến con đem đốt thư ấy. Nếu còn bức thư, thầy mới có tang vật để đuổi chú Đực ra khỏi chùa này. Thầy ngại quý vị thiện nam, tín nữ cho rằng thầy có ác ý đối với chú là người tàn-tật hiền-lành.

Ra dáng suy nghĩ một lúc rồi sư ông nói tiếp :

— Có lẽ vì sự tu-hiền của con nên Phật khiến cho chú Đực làm

như vậy để thử lòng con chăng ? Con nghĩ sao ?

Rung - rung nước mắt, cô Thương nói dịu lại :

— Mô Phật, nhờ thầy giảng dạy, bây giờ con không còn giận chú Đực nữa. Con xin thầy tha tội cho chú ấy. Có lẽ suốt đời, chú không có vợ được vì tấm thân xấu-xí của chú. Nghĩ kỹ thì chú yêu con chứ chẳng phải ghét con.

Sư ông gật đầu ra vẻ vừa lòng, rồi nói :

— Mô Phật, con sáng-suốt lắm. Thầy tin rằng con sẽ được nhiều phước suốt đời.

Cô Thương vui-vẻ từ-giã sư ông về ở luôn Sài Gòn ngay buổi trưa hôm ấy.

Trong buổi cơm chay trưa, mấy chú tiểu thấy vắng chú Đực. Tối đến, thằng Ri thấy chú về chùa mức một gáo nước để uống, rồi đi ngủ và chẳng nói chuyện gì với nó.



★ DANH NGÔN : HẠNH PHÚC

Tất cả hạnh phúc mình có đều do hạnh phúc mình cho.

Tout le bonheur qu'on a vient du bonheur qu'on donne

SULLY PRUD'HOMME.

(Thi sĩ Pháp, Thế kỷ XIX)

12. — những
người
yêu
của

NAPOLÉON I



II
JOSÉPHINE

(Tiếp theo P. T. số 57)

● TÂN-PHONG

Ở Ý, Bonaparte thắng hết trận này đến trận khác : Castiglione,

Arcole, Rivoli... Liên tiếp thu-hoạch những chiến thắng về-vang làm rung động cả Âu-châu, viên Đại-trưởng trẻ tuổi đem lá cờ Cách-mạng Pháp rực-rỡ ba màu hiên ngang dưới vòm trời Italie. Nhưng, sau mỗi cuộc hành quân, say-sưa oanh-liệt, có ai ngờ Bonaparte ngồi một mình trong trại, viết những giòng thư nào nùng như sau đây cho vợ :

« Sao em có thể quên được kẻ yêu em nồng-nàn tha-thiết thế, hả em ? Ba ngày không có thư em, sự vắng em là đau khổ vô biên !.. »

« ..Xa em, anh không sống được, em ơi ! Hạnh phúc của anh là ở gần Joséphine... »

Nhưng bao nhiêu thư đi mà không có thư về, sau cùng, Bonaparte đe dọa nếu Joséphine không sang Ý với ông, ông sẽ bỏ rơi quân đội, bỏ rơi cả những chiến thắng, để trở về Paris. Hoàng-hốt, Barras, Chủ tịch Chính phủ, phải mời Joséphine

đến để năn-ni bà đi thăm chồng, và Josph Bonaparte, anh ruột của Napoléon, cũng rầy la người em dâu, bắt buộc nàng phải lên đường tức khắc.

Joséphine gượng gạo ra đi, nhưng, "đã quen mất nết đi rồi", nàng vẫn không quên dẫn theo Trung-úy Hippolyte Charles, kẻ-kè bên cạnh, người tình nhân đã cùng nàng chẵn-gối trong những ngày vắng đức lang-quân ! Thế mà khi nàng đến Milan, Bonaparte reo mừng tiếp đón nàng, quên hết cả buồn phiền, hết cả ghen-tuông, đưa nàng đến ngự-trị trong lâu đài Serbelloni. Chàng vui mừng sung-sướng, ôm lấy nàng, hôn lấy hôn để, nâng niu âu yếm, rồi nghĩ đến nhiệm-vụ với Tờ-quốc, chàng lại để nàng đó, lên ngựa chạy ra chiến trường chỉ-huy chiến-cuộc.

Được ít lâu, Joséphine lại trở về Paris. Bonaparte lại nhớ thương, viết thư liên tiếp hằng ngày, và hằng ngày mong chờ tin nhận. Nàng vẫn thờ-ơ, lãnh đạm, thỉnh-thoảng mới trả lời một vài giòng.

Bonaparte, luôn luôn với giọng hiền lành, nỉ non oán trách :

« Em tệ lắm, nữ lòng nào phản bội một người chồng khờ-»

khô, một người yêu thiết tha. Nếu không có Joséphine yêu quý của anh, nếu anh không tin chắc rằng em yêu anh thì trên Trái đất này anh còn gì nữa đâu? Thì anh sẽ làm sao? »

Và cuối thư, Bonaparte có một câu tuyệt đẹp sau đây :

« Thôi chào em, Joséphine yêu quý ! Một đêm gần đây, anh sẽ rầm rầm rộ rộ xô cửa vào phòng em như một người ghen, thế rồi anh sẽ nằm trong hai cánh tay của em ! »

(Adieu, adorable Joséphine ! Une de ces nuits, les portes s'ouvriront avec fracas, comme un jaloux, et me voilà dans tes bras !)

Quá yêu vợ, và đau khổ vì bị vợ phản bội, nhưng Napoléon Bonaparte không phải là một người đàn ông bị lụy vì đàn bà. Chiến thắng anh đứng ở Italia, (1797), Bonaparte lập nước Cộng-Hòa đầu tiên của Ý, rồi trở về Pháp, được chánh phủ Cách mạng giao phó một nhiệm-vụ mới vẻ-vang hơn nữa, vì ngoài Bonaparte không còn vị tướng lĩnh nào đảm-đương nổi :

cuộc viễn chinh sang Egypte (Ai-Cập,) 26-5-1798, để đánh lại kẻ thù duy nhất là Anh - Quốc. Napoléon Bonaparte từ già vợ ra đi, cầm đầu một đạo quân 36.000 người, đã lừng danh là Đạo quân hùng dũng nhất ở Âu-châu. Ông còn đem theo một phái đoàn văn hóa gồm các nhà Văn sĩ, Thi-sĩ, Khoa học, với mục đích là đem cả Văn-hóa đi truyền bá xứ người.

Ở Egypte, Bonaparte cũng chiến thắng oanh liệt như ở Italia. Ông đánh tan các đạo quân của Anh, của Egypte, của Turquie, làm bá chủ Địa-trung-Hải, và rúng động cả một vùng Tiểu-Á.

Nhưng ông cũng được tin tức từ bên Pháp gửi sang cho biết là Joséphine ở Paris vẫn ham chơi-bời, xài phí xa-hoa, và gần như công khai ăn ở với viên trung úy Charles Hippolyte !

Napoléon Bonaparte giận dữ lắm. Xong nhiệm vụ, ông trở về Paris, quyết định ly dị vợ. Được tin Bonaparte hồi hương, Joséphine hoảng hốt, cảm thấy rõ lần này người chồng quá hiền lành âu yếm kia sẽ không còn tha thứ những tội lỗi của nàng được nữa.

Joséphine vội vàng từ bỏ tình

nhân, để đi đón chồng. Nàng muốn gặp Bonaparte trước khi ông về tới Paris, và sẽ dùng các lời nói yêu đương tha thiết, các cử chỉ nũng nịu, dịu dàng, để mong chàng yêu thương trở lại.

Nhưng, rủi ro cho nàng, nàng đi đón chồng trên đường Bourgogne trong lúc Bonaparte về ngã Bourbonnais. Joséphine đến thành phố Lyon mới biết là mình đã đi lộ đường.

Bonaparte về tới Paris ba ngày rồi mà Joséphine còn lạc lối ở các tỉnh miền Nam, chưa trở về kịp. Trong lúc Bonaparte hăm hăm giận dữ, và nhất định khi gặp Joséphine ông sẽ gây một trận lôi-đình rồi xé bỏ hôn thú, không thèm nhìn mặt con mẹ đàn bà ấy nữa, thì ba cô em gái của ông và cả gia đình ông lại mê với ông tất cả những việc làm xấu-xa bỉ-đi của Joséphine trong lúc vắng ông. Bonaparte không còn nghi ngờ gì nữa về những tội lỗi tày đình của người vợ tệ lậu, vô liêm-sĩ, và quyết định đuổi bà ra khỏi nhà. Ông đã truyền lệnh lấy tất cả áo xống và đồ đạc của bà, vứt bỏ nơi nhà người gác dang.

Nghe tiếng Joséphine về đến công, và sắp vào nhà, ông đóng cửa, không tiếp vợ. Joséphine sợ

xanh mặt, khóc kêu thảm-thiết, và năn-ni ông tha lỗi. Nhưng Bonaparte nhất định không mở cửa. Bà phải chạy đi gọi cô con gái của bà là Hortense và người con trai là Eugène, đến van xin. Bonaparte tuy là cha ghê nhưng vẫn thương hai người này như con ruột vậy. Nghe tiếng hai người kêu xin, ông động lòng thương xót, liền mở cửa cho ba mẹ con vào. Joséphine quỳ xuống chân ông, khóc-lóc, tỏ vẻ hối hận những lầm lỗi đã qua, và xin chịu tội.

Bonaparte tha thứ ngay, và từ hôm ấy Joséphine cũng hoàn-toàn hối-cải, đem hết lòng yêu kính chồng, chịu chuộng chồng, giữ một dạ trung-thành với Napoléon cho đến già, đến chết.

Ngày 9 tháng 11, năm 1799, Bonaparte gây cuộc đảo chính, lên nắm chính quyền, thì chính Joséphine đã hăng hái giúp một phần trong sự thành công của ông, nhờ những cuộc vận-dộng khôn-khéo của bà trong các chính giới. Ngày 18 tháng 5, năm 1804, Napoléon được dân chúng tôn lên ngôi Hoàng-đế, ông không ngần-ngại phong cho bà chức Hoàng-hậu của nước Pháp.

HOÀNG HẬU KHÔNG CÓ CON

LỊCH sử công-nhận rằng Hoàng-hậu Joséphine rất xứng đáng với địa-vị của bà. Bà yêu quý và tôn thờ Hoàng - đế Napoléon với một lòng trung thành tuyệt-đối, không còn lãng-mạn bừa-bãi như trước nữa. Hai người con riêng của bà đều được Napoléon xây-dựng cho những địa-vị cao-quý. Hortense được Hoàng-đế gả cho người em út của ngài là Louis Bonaparte, ông này được ngài đặt lên ngôi vua Hòa-lan, và nhờ đó mà Hortense được làm Hoàng-hậu xứ Hòa-lan Con trai của Joséphine, là Eugène de Beauharnais cũng được Napoléon cho làm vua nước Italie. Cũng như tất cả các anh em trai và ba cô em gái của Napoléon đều được Ngài cho làm Vua rải-rác khắp các ngai vàng Tây-Âu, và triều-đại Napoléon là một biến-cổ vẻ-vang nhất của Lịch-sử nước Pháp và lịch-sử Tây-phương.

Nhưng Napoléon cần một Hoàng-nam đề nối dòng, mà Joséphine lấy ông không có con. Mặc dầu Joséphine uống đủ các thứ thuốc và nhờ các vị lương-y danh tiếng nhất của Âu-châu điều trị, bà vẫn không có thai, và không hy-vọng sinh một Hoàng - tử để kế nghiệp Napoléon. Lúc đầu bà còn chờ thừa cho chồng vì chính bà lấy đời chồng trước đã sinh được hai người con, một trai, một gái. Hoàng - đế Napoléon thấy thế cũng hơi tin vợ và tự mình ngờ-vực khả-năng sinh-sản của mình. Nhưng tức giận, ông muốn thí-nghiệm với một người đàn bà khác để xem cái lỗi tuyệt-tự về ai. Một hôm, sau khi Napoléon thắng trận Austerlitz trở về kinh đô, Hoàng-hậu Caroline là em gái của ông, vợ của Murat vua xứ Naples, và là người thù ghét Joséphine hơn hết, giới thiệu với Hoàng-đế một cô gái 18 tuổi, hầu cận của bà, trong một buổi tiệc. Cô gái tên là Eléonore

Danuelle, được Hoàng - hậu Caroline tuyên vào cung của bà để đọc sách cho bà nghe. Khi nói, ai cũng biết rằng Eléonore có sắc đẹp vô cùng quyến rũ, và còn trinh-tiết, tính-nết rất thuần hậu. Trong thấy Eléonore, Napoléon ưa ngay, và truyền lệnh đưa nàng về cung-diện của ngài. Tháng sau nàng có thai, và tháng 12 năm 1806, nàng sinh được đứa con trai giống Napoléon như đúc. Napoléon liền bảo với Joséphine :

— Em thấy không ? Anh lấy Eléonore có con đấy ! Em còn đổ lỗi cho anh nữa thôi ?

Từ đấy, Joséphine hết sức buồn rầu, chỉ lo sợ Napoléon bỏ rơi mình để tôn người khác lên ngôi Hoàng-hậu.

Khi Eléonore sinh con trai, vị quan hầu-cận hỏi Hoàng-đế đặt tên hoàng-nam là gì, Napoléon không do-dự bảo :

— Lấy một nửa cái tên trăm đặt tên cho con trăm.

Thế là người con trai đầu lòng của Napoléon được mang tên là Léon...

TÂN-PHOHG

KỲ SAU :

● Joséphine bị lỵ đi



● Danh ngôn : TRÍ KHÔN

Người là một cây sậy biết suy nghĩ
(L'homme est un roseau pensant)

PASCAL

(Triết-học-gia Pháp, thế kỷ XVII)

AN H, chị đã bước vào nghề bằng cách nào? Trong bước đầu, anh, chị đã chịu ơn ai, đã phải nợ ai cái gì không?

Đó là một câu hỏi mà người ta thường đặt ra cho những người đã nổi danh khi đạt được tuyệt đích trong nghề-nghiệp của họ. Với nàng, một Nữ tài-tử sần tuyết đang nổi danh, nàng ném lại tôi một cái nhìn tinh-ranh. Đứng ra thì nàng không mấy đẹp, nhưng nàng có một vẻ mặt dễ-ưa.

— Đó đúng là một câu hỏi cô-diễn! nàng kêu lên. Nhưng không quan trọng gì, tôi có thể trả lời cho anh câu hỏi ấy. Tuy nhiên, chúng ta cần trở ngược lại quãng thời gian gần mười lăm năm trước đây.

— Trở ngược lại! tôi bảo. Nhưng chúng ta ở đây được bao lâu?

— Chúng ta có năm phút, quá đủ rồi.

Và, trong bầu không khí vui vẻ, nàng kể lại cho tôi như thế này:

* ARTHUR GORDON

● TRẦN CHU dịch

Vào thời mà nàng mới lên tám, nàng chỉ là một đứa bé gái phục phịch, mũm-mĩm như một con ngựa sơ sinh; và khi nàng nhìn mình trong một tấm kính — tuy nàng ít khi nhìn như thế —, tất cả những điều nàng thấy chỉ là một đôi mắt to tròn và một hàm răng xiên xẹo dễ sợ. Nàng nhút nhát, hay

NGÔI SAO

bẽn lẽn, có đơn và nàng tự thấy mình gớm ghiếc, xấu xa. Nàng tên là Maggie.

Thêm vào những điều bất hạnh ấy, nàng lại có Sybil, một người chị gái dường như cô được tất cả những phẩm hạnh mà chính nàng không có. Sybil mười sáu tuổi, một mái tóc vàng hoe đẹp như tranh vẽ. Sybil lại có những ý tưởng rất đáng chú ý, và, trong buổi chiều

đông có tính cách định mệnh ấy, nàng cao giọng đề xuất một ý kiến:

— Ôi, Mẹ ôi! nàng than khóc, mình đem Maggie đi một chỗ khác, có phải chẳng là một việc không thể dùng được, Mẹ? Nó chỉ là một con bé, và ngay cả đến việc trượt tuyết, nó cũng không biết nữa là!

— Gia đình ông Bancroft đã quyến rũ nó rồi, cưng ạ. Việc đó sẽ không làm phiền con lắm, vì nó sẽ không còn vướng víu với con nữa.

Sybil đưa bàn tay trái nỏn nà đưa mái tóc màu bánh mật lộng lẫy ra sau vai.

— Nhưng Larry đến tìm con kia. Tất cả đều được sắp đặt rồi. Anh ta..

— Anh ta rất có thể dẫn cả hai đứa con đi. Người mẹ cất lời, với một giọng mà Sybil cảm thấy có vẻ quyết định.

Sybil ném về phía em gái nàng một cái nhìn thâm trầm.

— Đừng có lo lắng gì, chị ạ, Maggie bảo Sybil với một giọng nhỏ nhẹ. Em sẽ ngồi trên chiếc ghế nhỏ phía sau xe, và em sẽ không mở miệng ra làm gì.

Larry đến vừa đúng lúc ba giờ. Chàng hơi cao, mảnh khảnh và mềm mại. Chàng mới mười bảy tuổi nhưng có vẻ hơi già hơn. Gần chàng, dường như có một

cái gì yên tĩnh chắc chắn.

Với cái giọng của một nữ diễn viên bi kịch, Sybil giải thích cho chàng rằng chàng và nàng sẽ có một nữ khách qua đường. Larry mỉm cười:

— Tốt lắm. Chàng giản dị nói thế.

Bọn họ dò từng bước theo lối đi phủ tuyết cho đến đường lớn, Sybil nương theo cánh tay Larry, Maggie theo sau, khập khễnh như một con chó con lạc đường. Sybil mở cánh cửa sau của chiếc xe hòm cho em gái nàng leo lên. Larry hơi ngạc nhiên, mấy sợi lông mày màu nâu có vẻ dựng đứng dậy, nhưng chàng không nói gì.

Và rồi bọn họ tiến đến chiếc hồ bên cạnh nhà của gia đình Bancroft. Dưới bầu trời thăm xám của tháng chạp, chiếc đồng hồ tựa một mảnh giấy vàng bạc vĩ đại, hung hoàng. Trên mặt hồ óng ánh, hai, ba mươi người trượt tuyết đã lướt qua, lướt lại và quay cuồng, nhưng những tiếng nô đùa cũng đều bặt bởi bầu không khí giá băng.

Larry giúp Sybil buộc những chiếc patins của nàng, rồi chính chàng cũng buộc cho Maggie như thế, nhưng nàng từ chối, lấy cớ rằng để nhìn họ trượt thì thích hơn.

Nàng ở lại trên bờ hồ, một mình nàng nhỏ xiêu, đơn độc.

và cảm thấy chân tay nàng dần dần tê buốt đi. Những người trượt tuyết thì lại lẹ làng, nhẹ nhàng như những con chim, lướt qua lướt lại trước mắt nàng với những tiếng vun vút nhịp nhàng của những chiếc patins. Nhìn bọn họ mà nàng lại nghĩ đến một điều ân hận, một điều ao ước, cũng mãnh liệt, cũng gay gắt như là một sự đau đớn về xác thịt của nàng. Nàng đã ao ước biết bao nhiêu cho nàng được duyên dáng như bọn họ, cũng đẹp đẽ như họ, cũng tự do như họ...

Larry được ngắm nàng từ nãy giờ, vì bỗng nhiên chàng lại đến chỗ nàng, và, nhìn nàng, chàng hỏi :

— Này, Maggie ! Maggie hãy thử trượt một chút nào !

Khốn khổ đến khóc được, Maggie lắc đầu; không nói lời nào.

— Tại sao không ? Larry nhấn mạnh. Trượt tuyết vui lắm mà !

— Tôi trượt không đẹp lắm.

— Đẹp với không đẹp, có can gì ?

Nàng cúi gằm đôi mắt, mân mê chiếc bao tay :

— Cha tôi đã bảo rằng khi làm một việc gì, nên làm cho hay, cho đẹp cơ.

Larry yên lặng suy nghĩ một lát, rồi vờ nghiêng mình, chàng vừa cởi đôi patins của chàng ra, và mang đôi giày da vào.

— Đi nào !... Chúng ta lại phía đằng kia !

Nàng sừng sờ nhìn chàng.

— Đằng kia nào ? Ở đâu ?

— Ở phía sau khu rừng nhỏ này. Đi ! Mang theo đôi patins của em.

— Ô, không đâu ! Nàng cãi lại. Tôi không trượt được đâu, Sybil.

— Em chớ có nghĩ tới Sybil.

Và bàn tay cứng cáp, chắc chắn của chàng nắm lấy khuỷu tay Maggie ; và tuy không nghĩ ngợi gì về việc ấy, nàng vẫn thấy mình đi bên cạnh chàng trong buổi hoàng hôn óng ánh vàng.

— Anh không yêu Sybil sao ? Nàng nhỏ nhẹ hỏi Larry.

— Ô ! Nếu tôi yêu Sybil bao nhiêu, Larry trả lời, tôi cũng yêu em bấy nhiêu ; sợ còn hơn thế nữa kia.

Phía sau khu rừng nhỏ, một vũng nước đã đóng giá trải rộng

— Đây là cả công chuyện của chúng ta. Larry bảo. Nào ! Em mang đôi patins vào.

— Nhưng em...

— Mang nó vào. Anh buộc cho em bây giờ.

Chàng mang patins vào cho Maggie, cho chàng, rồi nhảy nhẹ trên tuyết.

— Nào, Maggie, đi !

Chàng kéo tay nàng. Nhưng

nàng lắc đầu. Mắt nàng đắm địa lệ.

— Tôi không thể trượt được ! Tôi sợ lắm !...

Bấy giờ Larry hiền dịu bảo nàng :

— Anh sắp nói với em rằng tại sao em lại sợ : Em sợ vì em cảm thấy cô độc. Anh biết điều đó, vì chính anh ngày xưa, anh cũng như em bây giờ. Anh đã sợ khi thử một việc gì, anh đã dẫn hay không ; sợ người ta chế nhạo anh... Và rồi cuối cùng, anh đã tìm ra một cái gì rồi.

Nàng mở tròn đôi mắt, nhìn chàng băn khoăn. Cảnh vật cũng lặng lẽ tịch mịch đến nỗi nàng nghe rõ tiếng đập của quả tim.

Chung quanh chàng và nàng, những cây thông cao vút vì vu như những người lính tuần dò sộ, đen thui thủi và bất động. Và thỉnh linh, trên những ngọn thông cao, vì tịch tú đầu tiên bùng nổ.

— Thật là lạ lùng, Larry nói tiếp. Anh không nói với Sybil điều này bao giờ. Anh tin rằng anh cũng không bao giờ nói với một người nào... Nhưng với em, anh có thể nói với em điều đó : điều mà anh đã tìm ra được rất là giản dị : Chính là người ta không bao giờ thật là cô độc.

Ngay cả khi không có một người nào ở quanh em. Một người nào đó luôn luôn có ở đấy, bên cạnh em ; Một người nào đó đã sáng tạo ra em và lý lẽ ấy, đã lo lắng đến những người có thể đến với em. Nhưng em có thấy cô độc, em có làm nên cô độc, em cũng không thể nào hoàn toàn cô độc. Và chính điều đó là cái bí quyết của niềm hạnh phúc, cái bí quyết của tất cả...

Chàng lại đưa tay ra cho nàng :

— Nào, hãy tiến lên, Maggie !

Nàng đứng dậy, hơi lảo đảo trên đôi patins, nhưng chàng choàng tay qua người nàng, bàn tay trái nắm chắc tay nàng.

— Tốt lắm, chàng nói. Bây giờ, em dẫn ra. Trượt chân trái lên trước và đẩy nó bằng chân phải... Kia !... Chính đấy !... Bây giờ, trượt chân phải và đẩy với chân trái... Hoàn toàn... Nào ! Một lần nữa..., nữa..., nữa..., nữa...



Đó là câu chuyện mà nàng kể cho tôi gần năm phút. Rồi trên diễn trường, ánh sáng tắt dần, âm nhạc lại nổi lên cuồng loạn. Chiếc đèn chiếu làm cho người đã đối thoại với tôi trở nên những nét vẽ mờ nhạt, và, để tôi ngồi lại nơi hậu trường, nàng đã nhảy vọt ra sân tuyết, nối tiếp với đoàn biểu diễn từ bên đối diện đổ ra, lấp lánh trên

những đôi patins làm thành những vạch chói ngời.

Đám người vui thích thét lên rộn ràng trong khi đoàn xiếc biến hình thành chiếc kính vạn hoa xoay tròn muôn màu sắc, muôn nhạc điệu, biến đổi, quay cuồng — «Cảnh đẹp nhất trên sân tuyết!» , bao nhiêu chương trình quảng cáo lên như thế, và tôi tin chắc rằng những quảng cáo ấy đã nói đúng như vậy.

Trong đám khán giả trong bóng tối; tôi thấy thấp thoáng người chồng nàng nhìn vào sân tuyết chăm chú cũng như mọi buổi tối khác. Tôi lại gần chàng. Chàng khẽ trao tôi một nụ cười nhưng chàng vẫn chăm chú dán

tia nhìn vào đoàn biểu diễn đang quay cuồng trên sân tuyết sáng ngời. Rồi chàng nói với tôi một câu :

— Nàng thật là phi thường, phải không anh ?

Tôi thấy mặt chàng rực rỡ với đam mê và kiêu hãnh. Thường thường trong những cảnh ấy thì một ký giả, một phóng viên như tôi cũng có hơi chán nản. Tuy nhiên, trong lúc ấy trong cái uân khúc của chính tôi, tôi cảm thấy có một cái gì nóng nóng không quen.

— Cả anh chị cũng đều phi thường, Larry ạ. Tôi trả lời cho anh. Nhưng anh cũng không cần nghe tôi nói...



*** CẤP CỨU**

Một con chuột chạy vô ý té trong thùng rượu, kêu cứu om sòm.

Mèo đi ngang qua, trông thấy bảo :

— Tôi sẵn sàng cứu anh ra khỏi nơi nguy-hiểm này, nhưng anh khỏi bị nạn phải để tôi ăn thịt anh. Anh bằng lòng không ?

— Bằng lòng, Tôi thích như thế hơn là chết đuối.

Mèo thông đuối xuống thùng cho chuột bám vào leo lên. Chuột thoát nạn chạy vào hang trốn. Mèo giận, hét lên :

— Lúc này anh hứa với tôi là tôi cứu anh khỏi thùng rượu thế anh để cho tôi ăn thịt anh, sao bây giờ anh không giữ lời hứa ?

Chuột trả lời :

— Xin lỗi ông, lúc này tôi say rượu, nói tầm bậy.

B. T.



S Ữ A

Tượng Nữ-thần ISIS, của Ai-Cập, hình người Đàn-bà âm Con (Horus) đầu có sừng của Bò-cái, tượng-trưng SỮA MẸ NUÔI LOÀI NGƯỜI

BÀ Tú đi chợ về, đặt một giỏ xoài trên bàn, nét mặt quau-quọ :

— Không có sữa, Minh ơi !

Ông Tú nằm vông, mê đọc sách không để ý đến vợ về. Bà ngồi xuống sàn gạch hoa, dựa vào vông, âu-yếm nắm tay chồng :

— Minh ơi, không có tiệm nào bán sữa hết ! Làm sao, hả Minh ?

Ông Tú tùm - tùm cười ngó vợ, không nói gì cả.

Bà Tú nói tiếp :

— Gần nửa tháng nay Minh phải uống cà phê đen với đường, em không chịu đâu. Hay là em đi kiếm mua với giá chợ đen, 14 đồng ? Họ giấu dưới đáy thùng, Minh ơi, nhưng nếu em năn-nỉ thì chắc cũng mua được vài hộp.

— Thôi, em à. Việc gì phải đi cầu - cạnh người ta vì một vài hộp sữa ?

— Em sợ Minh rầy, chứ không thì em đã mua rồi ...

Ông Tú bỏ sách xuống, lấy tay sờ - trón mái tóc của vợ.

Bà Tú hỏi :

— Quý gì thứ sữa bò mà họ cũng bán chợ đen, Minh nhỉ ? Em tưởng sữa bò chỉ để cho con - út uống, người lớn thì

uống chơi vậy thôi, chứ bổ-khoẻ gì, phải không Minh ?

— Sữa bò bổ lắm chứ ! Một trong các chất bổ nhất trong các chất ăn.

— Sữa nào bổ cho bằng sữa mẹ. Thế mà con-nít bú sữa mẹ đến một hai tuổi, hay ba tuổi, rồi cũng bỏ bú... Nghĩa là đến hai ba tuổi thì sữa mẹ không còn bổ nữa.

— Anh đến 10 tuổi còn bú thì sao !

Bà Tú cười :

— Ai lại 10 tuổi mà còn bú vú mẹ ? Ha ! Ha ! Ha !

— Hồi 10 tuổi, anh học lớp Ba sắp thi bằng Tiểu học, nhưng tối nào học thuộc bài xong anh cũng xin mẹ cho anh một tý bú. Ngậm vú Mẹ một lát rồi anh mới đi ngủ. Nhờ vậy mà anh mập thù-lù, học trò đặt tên riêng cho anh là « ông Thỏ-Đĩa ».

Bà Tú cười ngặc-ngheo :

— Ê ! Mắc cỡ ! 10 tuổi mà còn bú vú Mẹ !

— Vậy chớ, anh hỏi em, người Ai-Cập và người Assyriens thời thượng cổ, 10 tuổi hãy còn bú thì sao ? Hoàng-hậu Cléopâtre, người đàn bà đẹp nhất Thế-giới, hồi 8 tuổi hãy còn bú vú mẹ, lớn lên còn bú sữa dê thì sao ? Em nên biết rằng

bất cứ sữa người hay sữa thú cũng đều bổ cả, bất-cứ đối với tuổi nào. Hẳn em biết chuyện hai anh em Romulus và Remus bị bỏ hoang trên bờ sông Tibre, được con Chó Sói cho bú mà cũng sống.

— Romulus là ai hả Minh ?

— Là vị Hoàng-đế sáng-lập kinh-thành Roma (La Mã) và là Hoàng - đế đầu-tiên của Roma, 754 năm trước J.C. Trong sách Phật cũng có chuyện Đức Thích-Ca-Mâu-Ni, sau khi cắt tóc đi tu, chịu mười năm khổ-hạnh, đã có một hôm kiệt sức bị xỉu người trên bờ sông Nairandjana, thế mà chỉ uống một bát sữa bò của hai cô sơn-nữ Nanda và Sudajata dâng Ngài, là Ngài khỏe lại liền. Như thế, sữa bò bổ-dưỡng biết ngần nào !

— Sữa bò có chất gì mà bổ, hả Minh ?

— Sữa là một nguồn sinh-lực. Nó có đủ các chất albumine, lactose, sel de potassium, de magnésium, de phosphore, de chlore... Nó có sinh-tổ A, sinh-tổ D, và các sinh-tổ B. Cho nên không những nó là một món ăn căn-bản, cần - thiết cho hết thảy mọi người, lành-mạnh

hay ốm-yếu, già hay trẻ, nó lại còn là một món thuốc công-hiệu cho rất nhiều chứng bệnh. Sữa nóng trộn với mật ong có thể chữa được các bệnh trúng - gió, cảm thương-hàn, crème sữa xoa hết được các chỗ da bị nám nắng hay bị nứt, bị lác ăn, fromage trắng và tươi đắp lên những chỗ da bị rần cắn, rút được hết chất độc, và làm lành vết thương. Nhờ có sữa mà đứa con-nít sơ-sanh trong năm tháng đã nặng cân gấp hai, (từ 3 kí lên được 6 kí), con bò con thì một tháng rưỡi, con ngựa con hai tháng, con heo con 14 ngày, con thỏ con 6 ngày.

Người Việt-nam ta trước kia chỉ dùng con bò để cày và để ăn thịt, chứ không biết dùng sữa nó. Người Tàu và người Nhật cũng thế. Có lẽ tại vì các cụ nhà ta xưa chê con bò là loài thú vật, khinh khi nó là « ngu như bò », « dốt như bò », cho nên sợ uống sữa nó sẽ ngu dốt như nó chăng ? Nhưng từ thời Thượng-cổ, các Dân-tộc Tây-phương, Ấn-Độ qua Ba-Tư, Ai-Cập, Chaldée, Assyrie, Hy-Lạp, La-Mã... con Bò rất được kính-nể, và sùng-bái nữa. Ngay trong

Thánh-Kinh của Đạo Gia-tô, (*Exode*, chương XXIV) ta đã thấy dân Israel thờ con Bò Vàng (Veau d'or), cũng như dân Ai-cập thờ con Bò Apis, tượng-trưng sự sinh-dưỡng. Nữ-thần Isis, và Nữ-thần Athor, mà các dân La-Mã, Hy-Lạp, A-Rập, cả vùng Bắc Phi-Châu, Đông Phi-Châu, đều lập đền cúng tế, từ các Hoàng-đế César cho đến ngày nay nhiều nơi hầy còn thờ, hình người Đàn-bà, đầu Bò-Cái (có cặp sừng), tượng-trưng sự sinh-sản luôn luôn đầy nhạ sống, và có ý nghĩa rằng Sữa Bò và Sữa mẹ, nuôi sống loài người.

Trong cổ-sử Egypte, còn có sự-tích một vị Pharaon nằm mộng thấy bảy con Bò-cái mập thật đẹp, từ dưới sông Nil hiện lên bờ, rồi sau đó lại có bảy con Bò-cái ốm, thật xấu, cũng từ dưới sông Nil hiện lên bờ và ăn thịt bảy con bò-cái mập. Vua tỉnh giấc, lo sợ, bèn hỏi các nhà Bác-học : giấc mộng ấy nghĩa là thế nào ? Joseph, con của Jacob (*Genèse*, XLI) cũng được Pharaon hỏi ý kiến, Joseph bảo : "Bảy con Bò-cái mập là tượng-trưng sự sinh-nở, phát đạt trong bảy năm, bảy

con bò cái ốm tượng trưng sự nghèo đói bệnh-hoạn trong bảy năm. Joseph bảo nhà Vua phải cần-kiệm dự-trữ các lương-thực trong 7 năm phát-đạt, để đề-phòng 7 năm đói sắp tới... Đó là câu chuyện tích cổ phòng cơ trong Lịch-sử Egypte, mà đề-tài là con Bò-Cái. Ngày nay trong văn-chương quốc-tế, người ta vẫn thường dùng câu "Thời-kỳ con Bò-Cái mập" để chỉ thời-kỳ phồn-thịnh nhất của một quốc-gia.

Bà Tú cười :

— Dân Việt-nam mình thì luôn luôn được hân-hạnh sống trong thời-kỳ con Bò-Cái ốm !

— Người Việt ta không ưa con Bò, bất cứ bò đực hay bò cái, trừ có mỗi một ông Nguyễn-công-Trứ. Nhà Thi-sĩ của đất Hà-tĩnh, sau bao nhiêu năm lên voi xuống chó, về quê-nhà chỉ thích cỡi con Bò-vàng đi ngao-du sơn-thủy..., con bò vàng với chiếc lạc leng-keng nơi cổ :

Đò môn giải tổ chi niên,

Nhạc ngựa bò vàng đeo ngất.
ngưỡng.

Kìa núi nọ phau-phau mây trắng
Tay kiếm-cung mà nên dạng từ-bi.

Gót Tiên theo đùng-đình một đôi
đi !...

Chẳng có thú nào hơn là cái thú cỡi một con Bò vàng, — nhất là con Bò-cái vàng, đi lang-thang trên đỉnh núi, đầu uon, với một đôi nàng Tiên đứng-đình theo sau..!

Bên Âu-Mỹ, như đã nói lúc nầy, người ta rất quý con Bò, nhất là Bò-cái.. Cũng như luôn luôn giống cái được người ta quý vậy ! Anh nhớ có đọc báo Tây, năm 1956, Tổng-thống Pháp René Coty đi kinh-lý tỉnh Provence, được người ta giới-thiệu một con Bò-cái sản-xuất sữa nhiều nhất trong tỉnh, ông Tổng-Thống Pháp liền ôm lấy con Bò, hôn hai bên má nó. Dân chúng nhiệt-liệt vỗ tay, hoan nghênh cách tuyên dương công-trạng ấy, rất dân-chủ và rất nhân đạo. Bên Mỹ, những con Bò-cái sản-xuất nhiều sữa hơn mức-độ trung-bình, đều được thưởng mề day. Vì thế nên có những con Bò sữa được nhiều huy-chương hơn cả các vị Đại-trưởng.

Bà Tú nghe mê, âu-yếm bảo chồng :

— Mình nói chuyện, em thích nghe quá.

Xong, bà cúi xuống hôn hai hôn trên má ông Tú. Ông Tú cười :

— Em bắt chước ông Tổng-Thống Coty hôn con bò cái, phải không ?

Cò vợ kiều-diễm của ông Tú cười hăng-hắc. Nàng lại hỏi tiếp :

— Minh ơi, một con Bò-cái sản-xuất mỗi lần được mấy lít sữa, hả Minh ?

— Cứ để tự-nhiên, thì một con Bò-cái mỗi năm phải sinh được một con bò con, và sản-xuất được 166 lít sữa để nuôi con. Trong một tháng rưỡi con bò con hết bú, thì vú sữa của bò mẹ cũng vừa cạn. Nhưng ngày nay nhờ sự nuôi-dưỡng của người theo phương pháp khoa-học, cho bò ăn những loại cỏ có nhiều chất bổ, săn-sóc vệ-sinh, và lựa chọn giống bò tốt, một con bò-cái có thể sản-xuất được trên 2000 lít sữa trong 10 tháng.

Bò của các xứ Holland, Belgique, Danemark, Suisse, sản-xuất sữa theo một mức lượng trung-bình cao hơn hết Bò các xứ khác. Nhưng mấy năm sau đây, một giống Bò bên Mỹ, ở Michigan, đã sản-xuất một số lượng kinh-khủng : 18.840 lít

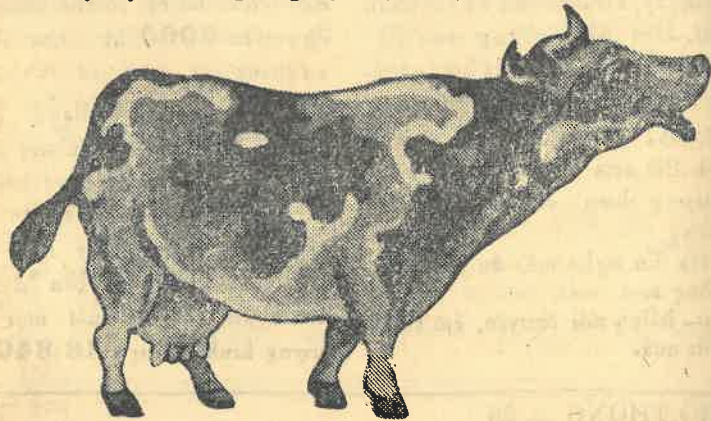
một năm ! Tính trung-bình, mỗi con Bò cái tốt giống, ăn 2 kí rươi cỏ (cỏ tốt) thì sản-xuất 1 kí sữa. Mình nên nhớ : sản-xuất, không phải là cung-cấp. Vì Bò-cái thông-minh lắm, và cũng khó tính lắm. Nếu nó vui lòng cung-cấp thì nó để cho người ta tha-hồ vắt lấy sữa nó, trái lại, khi nào nó quạu, nó không bằng lòng, hoặc không có cảm-tình với người vắt, thì người ấy vắt thế nào cũng không ra sữa. Nàng Bò của ta « giữ » sữa lại, « nín » lại, không cho sữa chảy ra ! Con bò-cái cũng biết nhõng nhẽo như...anh xin lỗi em nhé...

Bà Tú cũng cười với ông Tú :

— Mình muốn so-sánh con bò-cái với em, chứ gì !.. Mình cứ nói đi..

— Con bò-cái là... một cô bạn gái thích sự dịu-hiền, ngọt ngào,

êm-ái, và rất ghét những kẻ cộc-cần kịch-cỡm. Nếu gặp người chăn bò hay môn-trờu võ-về cô-ả, thì mỗi lần anh ta xách cái thùng tới để vắt sữa, là cô ả vui lòng đứng dạng hai cẳng sau ra để cho anh ta tha-hồ vắt lấy sữa. Trái lại, nếu anh chàng say rượu, mặt đỏ bừng và bước xiên bước xẹo, hoặc anh-ta vừa cãi nhau với vợ, mặt còn hầm-hằm đáng ghét, cô-ả Bò đứng trong chuồng nhìn ra trông thấy thế là bất mãn rồi. Chàng ta xách thùng đến đặt dưới bầu vú xinh-xắn của nàng, nàng chỉ rót cho độ 30, hoặc 40 phần trăm số sữa trung-bình mỗi ngày. Hoặc-giả, nàng đang vui-vẻ để cho sữa chảy vào thùng, mà nàng trông thấy một con chó nào lạ hay con mèo lạ ở đâu đi tới, thế là nguồn sữa tự nhiên tắt-tịt !



— Tại sao thế, hả Mình ?

— Tại nàng mắc-cổ ! Cũng như đàn-bà đang vạch áo cho con bú, bỗng-dưng có người lạ đến thì họ vội-vàng kéo áo xuống. Có điều này nữa cũng lý-thú, do một người nuôi bò ở Canada thuật lại, là một hôm anh ta thử đặt một chiếc máy radio nhỏ-nhỏ nơi chuồng bò và vặn âm-nhạc ru-dương trong lúc vắt sữa, thì hôm ấy Madame Bò cung-cấp thêm được hai lít sữa ngon lành !

— Mình ơi ! trên thế-giới ở đâu dùng sữa bò tươi nhiều nhất ?

— Theo các bản thống kê vừa rồi thì tiêu-thụ sữa tươi nhiều nhất là xứ Ireland (Ái-nhĩ-Lan, ở phía Bắc nước Anh) rồi đến New Zeland (Tân-tây-Lan), Suède, Australia (Úc), Canada, Mỹ, Anh, Pháp. Tính đồ-đồng, một người thường dân Âu-Mỹ mỗi năm uống trên 100 lít sữa tươi. Người Nhật, từ sau kỳ Đại-chiến thứ hai, uống sữa tươi gấp hai lần trước Đại-chiến. Ở Cao-ly, trái lại, mỗi năm mỗi người trung-bình không uống được nửa lít. Ở Việt-Nam, còn ít hơn nữa, ít lắm. Bên Pháp, mỗi năm trên 8 triệu con bò cái sản-xuất được trên

16.000 triệu lít sữa tươi.

Người xứ họ biết xử-dụng các chất bổ-nhiều như thế, cho nên họ mới khoẻ-mạnh và to lớn hơn người xứ ta.

— Mình ơi, sữa bò làm sao thành ra sữa hộp, và để lâu được ?

— Nhờ các phương-pháp khoa-học tối-tàn, biến hóa sữa tươi cho nó đặc lại, thêm đường vào, tẩy-trừ hết các mầm vi-trùng, và giữ đủ tất cả các chất bổ và các chất sinh tố của sữa. Ngoài ra các máy lọc sữa còn làm thêm các chất phụ-, cũng bổ-dưỡng không kém : bơ, fromage, yaourt, caséine, crème glacée, v.v.. Hãng sản-xuất sữa hộp đầu-tiên trên thế-giới là hãng Nestlé, ở Suisse (Thụy-sĩ) do ông Henri Nestlé sáng lập năm 1868. Vì cái tên Nestlé của ông, theo tiếng Anh là « làm ổ chim » (to Nestle. Nest = ổ chim), cho nên hộp sữa của ông cũng lấy biểu-hiệu là một ổ-chim. Người Việt ta gọi là « Sữa con chim ». Hãng ấy hiện nay có đến 122 hàng nhánh ở rải-rác 30 xứ trên thế-giới, và có đến 48.000 nhân công, nuôi 1.200.000 con bò-cái khắp các nơi, nhiều nhất ở Chilí.



HENRI NESTLÉ

Lúc đầu, ông mới lập ra hãng làm sữa hộp, hãng còn nhỏ — ông đã phải nuôi đến 10.000 con Bò-cái trong một chu-vi 80 ki-lô-mét để có đủ cỏ cho bò ăn. Tuy vậy, cỏ không tốt, giống bò cũng không mạnh, nên có nhiều con bò ốm-teo mỗi ngày chỉ sản xuất được 1 lít sữa thôi. Sau, ông phải nhập-cảng các loại Bò-tốt (taureaux) lực-lượng ở Mexico và các xứ Nam-Mỹ, để gầy giống.

— Minh ơi, sữa bò có thể thay thế cho sữa mẹ được không?

— Có những trường hợp con đẻ thiếu tháng, hoặc con yếu lắm, thì phải nuôi bằng sữa mẹ.

— Nếu người mẹ ốm yếu, không đủ sữa nuôi con thì sao?

— Thì phải đi xin sữa của những người mẹ khác. Ở bên Mỹ có một Hội gọi là «The Milk Road» (con đường sữa, nghĩa là con đường đi xin sữa), ở Evanston, do một thiếu-phụ, Mrs David Feagans, chủ-trương. Ở Anh, Pháp, Bỉ, Ý, v.v..., cũng có những Hội như thế, gọi là Lactarium, theo tiếng la-tinh, là những nơi chữa bệnh thiếu sữa cho con nít sơ-sinh, bằng sữa xin hoặc mua của những người mẹ dư sữa. Nguyên - thủy, bà David Feagans là một họa-sĩ về khoa kiến-trúc, sinh đứa con đầu lòng mà thiếu tháng. Tuy được săn-sóc rất chu-đáo, đứa nhỏ vẫn ốm yếu, không lớn được. Bác-sĩ Robbins Kimball bảo phải xin sữa những người mẹ khác cho nó bú, thì nó mới lớn được, Thế là bà Feagans đi kiếm những chị « vú ». Bà phải kiếm 8 chị vú thay phiên nhau cho con bú. Có khi phải đi đến 60 ki-lô-mét mới tìm được một chị. Thế rồi, tháng Bảy năm 1953, cũng tại bệnh - viện Evanston, một

người đàn-bà khác sinh ra một đứa con gái tên là Portia Zeivel mới 5 tháng rưỡi, cân chỉ được 750 gờ-ram. Bà Feagans liền tổ-chức « Con đường sữa », đi xin sữa khắp nơi. Nhờ thế mà đứa bé Zeivel sống được. Lúc nó 2 tuổi, nó cân được 12 kí. Ngày 26-11-1953, Hội « Con đường Sữa » được chính-thức thành lập, và từ đó, bất cứ ở đâu có bà Mẹ nào sinh con thiếu tháng và không đủ sữa nuôi con, thì Hội « Con đường Sữa » liền tổ - chức ngay cuộc đi xin sữa. Các bà mẹ dư sữa đều sốt-sắng gửi sữa đến cho. Hội « Xin Sữa » — Lactarium — ở Paris xin hoặc mua sữa mẹ trung - bình mỗi ngày được 40 lít. Mua thì giá tiền 1800 F. một lít, do Hội trả tiền để cứu giúp những trẻ con nghèo ốm mà không có sữa mẹ.

Ở Bruxelles, kinh-đô Belgique, ở Liège, Anvers, Turnhout, giá mỗi lít sữa mẹ là 180 quan... Nếu ở xứ ta, các bà nhà giàu, và các « bà-lớn », rảnh-rang công việc, chịu khó làm công tác từ-thiện ấy, và nếu các bà mẹ dư sữa cũng sốt-sắng như các bà mẹ bên Mỹ, bên Pháp, thì biết bao nhiêu trẻ em sinh thiếu tháng ở các nhà thương Từ-Dũ, Hùng-vương, và ở khắp nơi, được cứu sống một cách nhân-đạo vô cùng.

Bà Tú thờ dài, có vẻ chán nản :

— Ở xứ ta ! Ví-dụ em có kêu gào một việc như thế thì đa số cho em là « con mẹ điên » !

Diệu-Huyền



* DANH NGÔN : CÓ NGHỀ

Có ruộng muôn đằm, không bằng có một nghề (nụon trong tay.
(Lương điền vạn khoảnh bất như bạc nghề),

THÁI-CÔNG

TRUYỆN DẠI NGOẠI QUỐC
RÚT NGẮN 2 KỲ ĐĂNG HẾT

PAUL et
VIRGINIE



★ *Bernardin de Saint-Pierre*
● HOÀNG-THẮNG lược-dịch

Trong những tác phẩm của Bernardin de Saint-Pierre đã sáng-tác : Le premier voyage à l'Isle de France, La Chaumière indienne, Voeux d'un solitaire, Vie et ouvrages de Jean Jacques-Rousseau, cuốn Paul et Virginie đã được nhiều người đọc nhất.

Cuốn này xuất bản năm 1786, được dịch ra tiếng Anh, Ý, Đức, Hòa-Lan, Nga, Tây-ban-nha và đã gây cảm hứng rất nhiều cho các nhà thơ, nhạc, họa.

VIRGINIE chạy, chiếc váy kéo ngược lên đầu để che mưa. Cô nắm tay Paul và cười nắc nẻ khi dẫm phải một vũng nước làm bắn tung toé lên đôi chân đi đất. Trời mưa đã gấn những hạt ngọc trên những lọn tóc

vàng hoe của cô gái mười hai tuổi cũng như trên đầu Paul.

— Cúi thấp xuống một chút đi anh, Virginie kêu. Thiệt em khó nhọc quá khi phải che cho anh. Anh cao hẳn hơn em một đầu người.

Giữa hai đứa trẻ không hề có

PAUL ET VIRGINIE

một sự liên hệ gia đình, nhưng từ khi chúng biết nói, chúng đã gọi nhau bằng tiếng anh anh, em em.

Hai đứa trẻ chạy tới hai chiếc lều, cắt dưới rặng chuỗi và chui vào chiếc gần hơn cả. Đó là căn nhà của bà De la Tour, mẹ của Virginie, còn Paul thì ở với mẹ — bà Marguerite, ở căn lều sát cạnh.

Hai bà mẹ đang ngồi xè chỉ sợi. Sự về bất thành linh của lũ trẻ làm ngưng cuộc nói chuyện của hai người đàn bà.

— Ông De la Bourdonnais, thống đốc đảo này có cho mẹ hay, mẹ có một lá thư ở bên Pháp gửi sang chuyến tàu qua. Đó là thư của bà cô của mẹ.

Virginie ôm choàng lấy mẹ:

— Thấy mẹ cầm động, con chắc lá thư đó không mang lại cho mẹ những tin tức mới mẻ, vui vẻ gì.

— Mẹ tới Port-Louis, bà De la Tour nói tiếp, không có để ý tới chiếc áo vải xấu xí, bởi đây là lần đầu tiên mẹ nhận được thư của bà cô.

Bà De la Tour kể cho con gái nghe chuyện xưa của bà mà bà hằng dấu diếm. Hồi năm 1726, khi bà lấy chồng, gia đình bà đều chống đối cuộc hôn nhân đó. Hai người phải rời bỏ xứ Normandie để sang đảo Isle-de-France lập nghiệp. Khi tới đảo, chồng bà để bà ở lại Port-Louis,

còn ông thì sang đảo Madagascar, một đảo lớn kề cạnh, để mua vài tên da đen rồi sau đó sẽ trở về đây lập nghiệp. Sau khi ông lên đảo vào tháng mười, vì thời tiết xấu nên ít lâu sau...

— Ba con chết vì bệnh sốt rét và những thứ mang theo đều mất hết, bà Marguerite vội nói tiếp khi thấy bà bạn xúc-động không nói được nữa.

— Chỉ còn mình mẹ với con, ở da đen Marie. Mẹ phải rời bỏ Port-Louis để đi nơi khác tìm một khoanh đất để trồng trọt sống cho qua ngày.

Nắm chặt tay bà Marguerite, bà De la Tour nói:

— Và Thượng-Đế đã ban cho tôi một người bạn tốt.

Rồi bà nói tiếp:

— Trong khi mẹ tìm chỗ ẩn náu để sửa soạn sanh ra con vì ngày sanh nở cũng gần rồi, mẹ đã gặp tại nơi đây bà Marguerite và cháu Paul, lúc đó mới được vài tháng.

— Hôm gặp chị, tôi vui mừng khôn kể.

— Chị đã niềm nở tiếp đón tôi dù tôi chỉ là người xa lạ, trong khi gia đình tôi bỏ rơi tôi.

— Chính tôi cũng phải rời bỏ nơi chôn nhau rất rón — xứ Bretagne — để sang đây và cũng không hề quen biết một ai. Tôi chỉ có mỗi tên da đen Domingue giúp tôi cày cấy.

— Và cả cha đỡ đầu của con cũng giúp mẹ nữa chứ mẹ? Paul vội hỏi mẹ.

Paul và Virginie ngồi ở chiếu trải trên nền nhà. Đầu cô bé ngả trên vai Paul. Cả hai đều xúc-dộng lắng nghe hai bà mẹ kể chuyện mà từ trước tới giờ chúng chưa hiểu rõ.

— Phải, bà Marguerite trả lời con trai, cha đỡ đầu của con hiện giờ, hồi đó, khi mẹ mới tới ông đã giúp đỡ mẹ rất nhiều... Như con đã biết, ông ở cách đây có hơn một dặm đường.

Bà Marguerite vừa nói xong thì một bóng người hiện ra nơi cửa. Đó là một ông già, râu tóc bạc phơ, diện mạo cao quý. Ông già chống chiếc gậy bằng gỗ mun và, cũng như mọi người, đi chân đất.

— Tôi tự coi tôi như người lân bang của chị. Marguerite ạ. Ở bên Âu-châu, chỉ một bức tường đôi khi cũng có thể ngăn cản những người trong gia - đình không xum-hiệp được với nhau hằng nhiều năm, còn như bên thuộc địa, người ta coi nhau như lân-bang, những người bị ngăn cách bởi rừng và núi.

Bọn trẻ nhỏ vội nhảy bám vào cổ người cha nuôi, còn ông già, sau khi chào hai người đàn bà, cũng ngồi xuống bên hai đứa con nuôi.

— Ông bạn ơi, tôi vừa mới nhận được tin của bà cô tôi.

Nhân cơ hội này, tôi và chị Marguerite đã nói cho các cháu nhỏ nghe duyên do tại sao chúng tôi ở đảo nay.

Bà Marguerite tiếp lời:

— Chúng tôi vừa nói thì ông tới, chắc ông cũng đã nghe thấy khi chúng tôi nói về ông.

— Sự giúp đỡ đó không cứ là hồn phận mà còn là một sự thích thú đối với tôi. Khi mà tôi biết chị Marguerite mới có một người bạn nữa, tôi vội tới thăm ngay để xem có giúp ích được chuyện chi cho cả hai không.

— Chính vì muốn cho chúng tôi luôn luôn ở bên nhau, nên ông đã cất hai cái lều nhỏ này.

— Sao? Chính cha đã cất hai căn nhà này ư? Paul ngạc nhiên hỏi.

— Nhờ Domingue giúp sức, cha đã đốn gỗ trên núi và ra bờ biển lấy lá gỗ về để cất nhà.

— Khi căn nhà dựng xong thì con mở mắt chào đời. Ông bạn của mẹ nhận làm cha đỡ đầu của con cũng như ông đã nhận Paul làm con đỡ đầu vậy.

— Thành ra chúng ta mỗi người có hai đứa con.

— Và bọn nhỏ lại có hai mẹ.

— Rồi đây chị tha hồ hưởng thụ hoa lợi của những thửa đất trồng trọt. Ông già nói.

— Đó cũng là nhờ ông bạn nên mới được như vậy.

— Ồ, không phải thế đâu.

Chính là nhờ bọn nô lệ da đen đã tận tâm làm việc. Giờ đây con Marie và thằng Domingue đã lấy nhau.

— Đứng đấy, Virginie nói theo, chị Marie khéo léo lắm. Chị ấy biết đan thung, dệt vải rất đẹp. Chị còn nuôi gà, dê giải nữa, thỉnh thoảng chúng ta còn mang số súc vật dư tới Port-Louis bán bớt.

— Còn Domingue? Paul cũng nói. Anh ấy biết cách thức trồng trọt đấy chứ? Anh trồng lúa mì nơi đất tốt, trồng ngô nơi đất xấu, lúa nơi đồng lầy, khoai nơi vùng khô ráo. Trồng bông trên đất cao, cà phê trên đồi.

Virginie chuyên làm công việc ở nhà, tự xách nước ở suối về cùng làm cơm nước. Còn Paul thì theo Domingue làm việc ngoài đồng, hoặc vào rừng chặt củi.

Cả hai đều không biết đọc, biết viết như hầu hết bọn trẻ nhỏ da trắng sanh bên thuộc địa thời đó. Chúng cũng chẳng hề bận tâm tới những chuyện x.y ra thời xa xưa hoặc xảy ra ở những nơi khác bởi sự tò mò của chúng không vượt qua bên kia ngọn núi. Đối với chúng, thế giới chỉ vón vụn quanh hòn đảo nơi chúng ở mà thôi.

Thỉnh thoảng bà De la Tour cũng lo ngại cho tương-lai đứa con gái.

— Nếu tôi chết đi, bà than phiền với bà Marguerite, con Virginie sẽ ra sao khi mà nó không có tài sản?

Bởi vậy, dù tình tình kiêu hãnh, thỉnh thoảng bà cũng viết thư về cho bà cô bên Pháp, mong sao làm rung cảm được trái tim sắt đá của bà già.

Ngay lúc đó ông già hỏi:

— Còn lá thư? Bà già ấy viết những gì?

— Sự kiên nhẫn của tôi đã có kết quả, bà De la Tour đáp. Tôi đã nhận được tin trả lời mà tôi hằng mong đợi. Nhưng buồn thay, tin tôi tan nát hơn nữa khi biết rõ kết quả của mười một năm chờ đợi. Đây, bà ấy viết cho tôi đây:

Cháu,

Có quyết định trả lời Cháu, mặc dù cháu không đáng nhận. Đừng than trách cho số phận hiện tại, bởi vì đó là do lỗi nơi cháu. Cháu đã lấy một kẻ phiêu lưu, chống lại ý muốn của gia đình và cai chết yểu của chồng cháu là do sự trừng phạt của đấng Thượng-Đế...

Giọng bà De la Tour nức nở và bà không thể tiếp tục đọc nốt được những dòng chữ ác độc. Mắt đầy lệ, bà trao lá thư cho ông già đọc tiếp, bởi lẽ nhỏ và cả bà Marguerite nữa, không biết chữ. Và không chịu đựng được nữa, bà òa khóc. Bà Marguerite vội an ủi bạn. Virginie

cũng vừa khóc vừa chạy lại chỗ mẹ ngồi. Paul, mặt đầy giận dữ, chẳng biết nói gì chỉ đứng dậm chân, còn ông già cũng tìm lời an ủi.

Nghe ồn ào, Domingue và Marie ở lều gần đó vội chạy tới. Marie xum xoe hỏi, còn Domingue nắm chặt tay, mắt lão liên, áp úng kêu trời.

Thấy mọi người tỏ tình thương mến mình, bà De la Tour ngưng khóc. Bà kéo Paul và Virginie vào trong tay, nói với chúng:

— Các con ơi, chính các con đã làm cho mẹ khổ nhưng cũng là nguồn sung sướng của mẹ. Còn chị Marguerite à, chị nói đúng, hạnh phúc ở chung quanh tôi.

MỘ T sáng chủ nhật, Bà De la Tour và bà Marguerite có Domingue theo, như thường lệ, đi dự lễ mi-sa ở nhà thờ tại khu Pamplémousses. Mặc dầu đường tới nhà thờ xa hơn là từ nhà ra thành phố Port-Louis, hai bà chỉ hoá hoãn mới ra tỉnh còn không bao giờ hai bà bỏ sót buổi lễ nhất.

Hai bà đi giày (chỉ đặt biệt những ngày này) nên bước đi hơi khó nhọc. Vì đi chậm, nên các bà phải đi từ lúc mặt trời mới mọc.

Paul và Virginie không đi theo, nhưng nếu chúng không có câu chuyện ở nhà thờ, chúng vẫn

luôn luôn cảm ơn Thượng Đế đã ban phước cho chúng bất cứ nơi nào: ở trong nhà, ngoài cánh đồng hoặc trong rừng.

Bọn trẻ ở nhà sửa soạn cơm nước chờ hai bà mẹ về. Marie đã dẫn đàn dê ra đồng cỏ cùng con chó Fidèle. Một sự im lặng bao trùm quanh những căn lều. Paul và Virginie đứng lặng ngắm những tia nắng đầu tiên đang chiếu lấp lánh trên những chóp núi cùng lắng tai nghe những tiếng thì thầm của lá cây.

— Ô lửa tắt ngúm rồi! Virginie bất thình lình kêu lên. Anh chạy lẹ đi kiểm ít củi khô về đây. Mẹ chúng ta cần có một bữa cơm nóng khi về tới nhà.

Khi Paul chạy đi rồi, Virginie vụt rú lên. Cô nhìn thấy, phía trước mặt, một người đàn bà da đen từ sau hàng lá chuối bước ra. Người này ốm như bộ xương, chỉ có mảnh vải nhỏ quấn quanh hông. Người đàn bà khổ sở run rẩy dưới chân Virginie. Hết hoảng hốt, Virginie định kéo người đó đứng lên nhưng người này cứ nằm trườn dưới đất, chấp tay lấy, xin cô bé đoái thương mình.

— Người ở đâu tới đây?

— Tôi ở đồn điền Rivière Noire trốn tới đây. Ông chủ tôi ác lắm. Cô trông đây này.

Người đàn bà da đen chỉ vào người hần. Trên làn da đầy những vết sẹo của những làn roi.

— Tôi muốn chết dưới sông

cho rồi, nhưng nhiều đồng bào tôi nói nơi đây xử tốt với chúng tôi và khi mà còn có những người da trắng tốt thì chưa đến lúc phải chết.

— Rồi khổ, cơm đây người ăn đi.

Virginie trao chén cơm cho người đàn bà. Chỉ trong khoảnh khắc người này đã ăn hết. Chờ cho họ ăn no xong, Virginie mới khuyên người này nên trở về đồn điền. Cô cũng đi theo để xin hộ cho với người chủ. Virginie gọi Paul, lúc đó đang lấy củi ở sau căn lều. Cô nói cho Paul hay rồi cả hai sốt sắng lên đường cùng người đàn bà da đen.

Người đàn bà nô lệ, quen dẫm trên đá, trên gai thản nhiên bước không chút rụt rẻ, riêng Paul và Virginie lặng lẽ theo sau, lúc trượt chân, lúc dẫm phải gai.

Sau khi vượt qua ngọn núi, ba người phải lội qua một con suối cạn, băng qua một cánh đồng. Mặt trời lúc này đã lên cao, bắt ánh nắng xuống làm mọi người thấm mệt. Người đàn bà da đen vẫn thản nhiên bước, không một lần quay lại nhìn vì hần tin chắc hai cô cậu vẫn theo. Tới trưa, ba người mới tới nơi. Đó là một căn nhà lộng lẫy cất giữa đồn điền rộng mênh mông bát ngát. Bọn người nô lệ đi lại tấp nập, trên đầu đội thùng hoặc vò. Bọn khác đang đồn mĩa ngoài đồng. Người chủ, miệng ngậm ống điếu, tay

cầm roi mây, đi đi lại lại coi chừng. Ông ta vóc người cao lớn, mắt đen, lông mày rậm.

Virginie mạnh dạn nắm tay Paul tiến lại phía người đàn ông. Riêng người đàn bà nô lệ thì run rẩy theo sau khi nghĩ tới tội đi trốn của mình.

— Thưa ông, Virginie nhỏ nhỏ nói, tôi tới đây để xin ông, vì Thượng-đế, ông hãy tha thứ cho người đàn bà nô lệ này.

Lúc đầu người chủ đồn điền còn nguyên rủa khi thấy hai đứa nhỏ ăn mặc một cách nghèo nàn lại dám tới đây để can thiệp chuyện riêng; nhưng đến khi nhìn rõ Virginie với vóc người thanh lịch, mái tóc vàng, đôi mắt đẹp, dịu, hần liền bỏ ống điếu ra lặng ngắm Virginie một lúc rồi cười lớn:

— Ta sẽ tha cho con chó cái kia không phải vì Thượng-Đế, mà vì con, đứa bé xinh đẹp của ta.

Paul nắm chặt tay lại như muốn nhay sỏ vào người đàn ông vạm vỡ kia, nhưng Virginie đã ra hiệu cho người đàn bà nô lệ tiến lại phía chủ rồi cô nắm tay Paul kéo chạy theo nàng.

Trong khi bỏ chạy, hai người còn nghe rõ tiếng cười phũ phàng đuổi theo.

Chạy tới ngọn núi, cả hai đứng lại, ngồi dưới một góc cây đa thối.

— Chúa ơi, sao em mệt đến thế ! Em vừa đói lại vừa khát nữa. Virginie thở dài nói. Sáng nay chúng mình vội đi quá nên không có nghĩ tới chuyện ăn sáng.

Bây giờ chắc đã quá trưa lâu rồi. Em coi, mặt trời đã ngã về phía chân trời. Chúng ta không thể kiếm đồ ăn ở đây được. Tiện hơn hết là hãy quay trở lại đồn điền Rivière Noire đề hỏi xin.

— Ồ, không, không. Hẳn làm em sợ quá.

— Vậy bây giờ chúng ta phải làm sao ? Những trái cây này không ăn được.

— Suyt, anh lắng tai nghe coi có phải tiếng thác nước chảy không ?

Cả hai đồng chạy tới núi đá bên cạnh và tìm thấy mạch suối sáng lóng lánh như kim cương. Sau khi uống đã khát, hai người nhổ rau cresson mọc bên bờ suối để ăn tạm.

Để chịu hơn trước, chúng lại lên đường, tiến vào trong rừng, hy vọng tìm được món ăn ngon lành. Sau đó chúng lại đi.

Paul, dù không có người dẫn đường, vẫn không e ngại, bảo Virginie :

— Nhà chúng ta ở về phía mặt trời lặn, vậy chúng ta phải đi qua, như hồi sáng, ngọn núi xa xa có ba chóp kia. Đó là núi

« Ba Vú ».

Một tiếng sau, chúng tới bờ một con ngòi rộng. Virginie tỏ ý lo sợ không dám qua.

— Đừng có sợ, em gái của anh. Đề anh công em qua. Anh không sợ gì hết, bởi với em, anh thấy anh khoẻ lắm. Như lúc trưa, nếu tên chủ đồn điền khổ kia còn nhục mạ em nữa, anh sẽ đánh hẳn ngay.

— Sao ? Anh dám đánh cái người vừa to lớn, vừa dữ tợn ấy ư ? Ồ, nếu vậy em không sợ gì nữa. Em tin anh.

Paul cũng Virginie bước qua những hòn đá nằm ngổn ngang trong lòng con ngòi. Khi qua bờ rồi, Paul vẫn công cô gái trên lưng đi nữa. Nhưng khi thấy Paul bước chậm lại, hơi thở hỗn hển. Virginie vội nhẩy xuống đất. Cả hai nắm tay nhau tiến bước. Nửa tiếng đồng hồ sau, vì mệt quá, Virginie đứng lại nói :

— Anh ơi, trời sắp tối rồi mà em thì không thể đi được nữa. Hãy để em ở đây rồi anh về trước báo cho mẹ chúng ta biết đề các bà yên tâm. Không có em anh sẽ đi nhanh được.

— Không, không đời nào anh bỏ đi một mình. Nếu chúng ta không về kịp trong khi đêm xuống, anh sẽ đốt lửa rồi lấy lá làm tổ để ngủ tạm qua đêm.

Một chập sau, Virginie cảm

thấy đỡ mệt hơn trước, lại muốn đi. Cô bé bứt lá cây quấn quanh chân làm giày, rồi một tay chống gậy tre, tay nắm Paul cùng đi xuyên qua một cánh rừng. Vì cây cao, cành lá xum xuê che kín nên cả hai không nhìn được ngọn núi « Ba Vú ». Hai người đi lạc tới chỗ đây giầy leo, cây cối rậm rạp không có lối đi nữa.

Paul đề Virginie ngồi một chỗ rồi chạy khắp phía để tìm con đường đi ra khỏi chỗ kẹt nhưng không được. Mặt trời đã sắp lặn, chỉ còn le lói ánh sáng yếu ớt, trên những ngọn cây cao. Cảnh vật hoàn toàn im lặng, chỉ thỉnh thoảng bị xáo trộn bởi những tiếng kêu của những con nai đi kiếm chỗ trú.

Paul phải trèo lên cây và kêu thật lớn, thầm mong có người đi săn nào nghe thấy tiếng. Nhưng chỉ có những tiếng vang của khu rừng đáp lại !

Paul đành phải trèo xuống. Cả hai quỳ lạy Thượng-đế cứu giúp. Trời đã tối đen, vì không có củi khô nên cả hai đành ngồi yên trong bóng đêm. Đang lúc mơ mơ màng màng, chúng giật mình tỉnh giấc bởi những tiếng chó sủa.

Virginie kêu lên :

— Hình như là tiếng con Fidèle anh ạ. A, đúng rồi, anh lắng nghe coi. Em nhận đúng nó rồi.

Một chập sau, con Fidèle chạy tới, lăn tròn bên chân hai người. Con chó hú, rên rĩ và vẫy đuôi mừng rối rít. Ngay lúc đó, Domingue cũng chạy tới. Bọn nhỏ ôm chầm lấy Domingue và òa lên khóc làm người đàn ông da đen cũng lặng người đi không nói được câu nào.

Khi Paul hỏi làm cách nào mà kiếm được chúng, Domingue mới kể cho hai đứa nhỏ nghe. Khi mọi người ở nhà thờ về thì không thấy ai cả. Mọi người đổ đi tìm. Domingue vội lấy quần áo của hai đứa đưa cho con Fidèle ngửi rồi ra hiệu cho nó chạy đi tìm. Con Fidèle đã dẫn Domingue tới tận đồn điền Rivière Noire. Hẳn thấy người đàn bà da đen đi trốn bị người chủ cột giầy xích. Sau đó con Fidèle lại quay lại và tìm được chỗ ngủ của hai người nơi rừng rậm.

— Thôi bây giờ ăn đi. Ăn đi, đừng nói chuyện nữa. Domingue lấy bánh cùng đồ giải khát ra cho hai đứa nhỏ dùng.

Trong lúc bọn nhỏ ăn, Domingue tìm được một thứ cây để đốt lửa.

— Thôi bây giờ thì lên đường, lão da đen nói. Nhưng khi đứng dậy, Paul và Virginie thấy chúng không thể nào cất bước nổi được nữa. Domingue cũng không biết làm cách nào.

— Hồi xưa, tôi có thể công được hai người, nhưng giờ đây

hai người thì lớn mà tôi thì già rồi.

Ngay lúc đó con Fidèle sửa dữ dội. Ba người nhìn thấy cách họ độ hai chục bước, một đám đông người da đen đang tiến lại phía họ. Virginie hơi sợ hãi vội đứng sát vào người Paul và nắm chặt lấy tay cậu bé.

— Mấy cô cậu da trắng có lòng tốt kia ơi, đừng có sợ hãi gì hết, một người da đen đáng chừng là thủ lãnh lên tiếng. Hồi sáng chúng tôi có thấy có cậu dẫn người đàn bà khốn khổ kia tới trại Rivière Noir để xin hộ với lão chủ đồn điền. Bây giờ chúng tôi đưa cô cậu về nhà. Không thể ở lại trong rừng suốt đêm được.

Theo lệnh của người chỉ huy bốn người da đen vội làm ngay một chiếc cang bằng cây và giầy leo để cho Paul và Virginie ngồi. Domingue cầm đuốc đi trước dẫn đường. Con chó Fidèle chạy theo, vẫy đuôi sửa mừng.

Trên đường về, đoàn người da đen reo mừng hơn hờ, riêng người chỉ huy ca bài :

Cô cậu da trắng có lòng tốt

*Đã thương người đàn bà nô lệ
khốn khổ.*

Những người da đen tốt

Khiêng cô cậu da trắng !

Virginie không còn nghĩ tới sự mệt nhọc nữa. Cô bé cảm

động, cười nói với Paul :

— Anh coi, không bao giờ Chúa quên chúng ta khi chúng ta đã làm được một điều thiện.

Tối nửa đêm, cả bọn về tới nhà. Từ đằng xa, chúng đã nghe thấy tiếng gọi của bà De la Tour và bà Marguerite. Hai bà ôm chầm lấy con hồi rớt rít. Khi chúng kể xong câu chuyện, hai bà trách yêu con rồi mời tất cả những người da đen có lòng tốt vào nhà dùng cơm. Sau đó, cả bọn cảm ơn rồi trở về khu rừng. Khi cả bọn đi đã xa rồi, mọi người còn nghe rõ lời hát :

Cô cậu da trắng có lòng tốt

*Đã thương người đàn bà nô lệ
khốn khổ...*

THẤY Virginie thích hoa, Paul trồng đủ thứ hoa quanh nhà. Cậu còn theo Domingue vào rừng đào những cây chanh, cam, me còn nhỏ mang về trồng chung quanh nơi ở. Bất cứ chỗ nào chúng thường ngồi chơi. Paul đều sửa sang, dọn dẹp cho đẹp mắt. Chúng đặt những tên đẹp đẽ, thơ mộng cho những nơi đó. Nơi mồm đá chìa ra bề mà chúng thường ngồi chơi mỗi buổi chiều tà để ngắm cảnh hoàng hôn, nghe tiếng thì thầm của con suối, ngửi hương hoa ngào ngạt, chúng đặt tên là « Découverte de l'Amitié ».

Domingue và Marie cũng bắt chước lấy tên Angola và Fonlepointe là hai chỗ sinh đẻ của họ tận bên Phi-châu và đảo Madagascar để đặt cho hai nơi mọc những thứ cây mà họ thường lấy để đan thúng.

Nơi chân một hốc đá, có giòng suối chảy uốn khúc tới tận cánh đồng cỏ, Paul đặt tên là « Nơi nghỉ ngơi của Virginie. »

Khi Paul mở mắt chào đời, cha đỡ đầu của nó có trồng một cây dừa thuộc giống xứ Indes và khi có Virginie, ông cũng trồng thêm cây nữa. Hai cây này mang tên Paul và Virginie.

Vì không có đồng hồ cũng như lịch để xem ngày tháng, bọn trẻ chỉ biết giờ giấc mỗi khi xem bóng cây, biết mỗi mùa khi cây có trái, và hoa nở và biết năm tháng nhờ những vụ gặt hái, mùa màng.

— Đã tới giờ ăn rồi, Virginie tuyên bố. Bóng cây chuối đã ngã xuống chân rồi.

— Sắp tới rồi, Paul nói. Những lá me đã rụng lại.

Và nếu những người lân bang có hỏi chúng : « Khi nào cô cậu tới chơi ? », Virginie sẽ đáp : « Mùa mía tới ».

Một lần Virginie tỏ ý muốn được nghe tiếng chim hót mỗi buổi sớm mai — nơi đây chim chỉ tới mỗi khi bóng đêm chụp xuống — lập tức Paul vào rừng

lấy những tổ chim mang về đặt trên những chạc cây quanh nhà. Lũ chim vội theo tới và lần sau chúng đẻ trứng luôn tại chỗ ở mới. Virginie cho chúng ăn thóc và kê. Chim chóc sa xuống, lần quần bên chân như đàn gà.

Thỉnh thoảng Virginie tổ chức những bữa ăn ngoài trời. Mỗi lần tổ chức, nàng lại cho mời cha đỡ đầu tới dự. Nhiều khi, họ dùng bữa nội bờ biển và ông già lại mang theo mấy chai rượu chát để nếm nháp với cua, sò tươi. Sau đó, họ ngồi dưới bóng cây để ngắm những ngọn sóng biển theo nhau đổ tới và tan đi bên chân họ. Một lần thấy Paul hơi quá xa, bên những hòn đá ngầm, Virginie đã hoảng hốt reo gọi cậu quay vào.

Có lần cả gia đình dự cuộc vui trong rừng, sau khi Paul và Virginie diễn xong một màn kịch thì trời tối hẳn. Trở về thì hơi xa, và, vì thấy bọn trẻ thích thú, hai bà mẹ sai Domingue và Paul dựng lều bằng cây để ngủ luôn tại đó. Hai bà bỏ mặc cửa nhà không người trông. Vào thời đó, hầu hết những nhà trên đảo đều không có khoá cửa và ổ khoá là một vật rất lạ lùng đối với bọn trẻ sanh bên thuộc địa. Hai bà đã phải giăng giải cho bọn nhỏ biết những ổ khoá mà bên Pháp người ta thường dùng.

Trong những ngày tươi đẹp nhất là ngày bọn trẻ tổ chức ngày lễ của mẹ chúng. Chúng bí mật tổ chức những cuộc vui đến nỗi bà De la Tour hoặc bà Marguerite không hề nhận thấy. Nhờ người cha đỡ đầu giúp sức cùng với Domingue và Marie, chúng dựng đóng kịch.

Đoạn kịch mà Virginie ưa thích nhất là màn Moïse gặp nàng Séphora tại Egypte, xứ sở của Madian. Theo nhịp trống do Domingue đánh, Virginie đóng vai nàng Séphora nhịp nhàng mang bình đi múc nước. Domingue và Marie đóng vai những người chặn cửa cho Madian ngăn không cho nàng lấy nước. Đan cửa chỉ là con chó Fidèle. Còn Paul đóng vai Moïse chạy lại bình vục Séphora, đuổi bọn chặn cửa đi. Trước khi múc nước dùm nàng, chàng còn đặt lên đầu nàng một vòng hoa đỏ. Ông già, cha đỡ đầu của bọn nhỏ đóng vai Raguel, cha của nàng Séphora, chạy tới cảm ơn chàng trai đã cứu con gái ông.

Sau buổi trình diễn, tất cả mọi người cùng ngồi quây quần ăn uống vui vẻ.

Virginie thường làm dư bánh để tặng những gia đình người da trắng nghèo nàn trên đảo.

Họ nghèo đến nỗi, ngoài gạo và khoai mì, họ không có biết thứ gì khác. Đó là những món quà mà nàng có thể biểu được và nàng nhờ Paul mang đến cho họ. Virginie còn dặn Paul nhớ mời họ tới thăm để dự cuộc khiêu vũ gia đình cùng ăn uống. Khi họ về, nàng còn ép họ mang thêm bánh về và nàng còn gói thêm quần áo dặn Paul lên mang tới để trước cửa nhà họ.

Hầu hết những gia đình nghèo đều quý mến họ. Những người giàu có, khi tới nhà thờ dự lễ cũng kiếm cách làm quen với hai bà De la Tour và Marguerite cũng mời hai bà tới nhà họ chơi, nhưng các bà đều khéo léo từ chối.

Vào mùa mưa, mọi người, từ chủ tới tớ đều ở chung trong căn lều suốt ngày. Những người đầu bà thì đan chiếu và đồ, còn Paul và Domingue thì dọn dẹp những nông cụ cho gọn gàng. Chiều tới, mọi người quây quần bên ngọn đèn để ăn cơm rồi bà De la Tour đọc một vài đoạn sách hoặc là Marguerite kể chuyện xưa. Sau đó, hai gia đình chia tay về nhà ngủ trong tiếng mưa rơi trên giọt mái gianh.

(Còn tiếp)

★ ★ ☆ ★ ☆ ★

Giải thưởng OSCAR

năm nay



★ Mac Brow

BUỒI lễ phát phần thưởng giải Oscar năm nay của Hàn-Lâm-Viện Điện Ảnh và Khoa học không có gì là khác với những buổi lễ trước đây. Đúng thế, chỉ có một điều khác là địa điểm lần này không phải ở Hollywood mà là ở giảng đường Santa Monica cách kinh-đô chiếu bóng khoảng 20 phút xe hơi.

Ngoài số hàng mấy ngàn người thuộc ngành điện ảnh chen nhau trong giảng đường lại còn đến hàng triệu khán giả vô tuyến truyền hình ở Hoa-Kỳ và Gianná-dại chăm chú theo dõi những kết quả của buổi lễ.

Rất ít người ngạc nhiên về kết quả của cuộc phát phần thưởng này. vì lễ báo chí đã tiên

đoán được nữ minh tinh Elizabeth Taylor xứng đáng là một nữ diễn viên màn ảnh hay nhất đoạt giải Oscar trong vai trò xuất sắc trong cuốn phim « Butterfield 8 », — đây là lần thứ tư Elizabeth Taylor được đề cử.

Nữ minh tinh Elizabeth Taylor đã diễn tả khéo léo trong vai trò một thiếu phụ trẻ đẹp trên đường tìm kiếm tình yêu và sự kính mến.

Và ta cũng không ngạc nhiên khi thấy tài tử Burt Lancaster đoạt giải thưởng nam diễn viên xuất sắc nhất với vai một mục sư trong cuốn phim « Elmer Gantry », chuyện phim của Sinclair Lewis. Lancaster cũng đã được phần thưởng

«Golden Globe» của Hiệp Hội Báo Chí Ngoại Quốc ở Hollywood nhờ vai trò đóng trong cuốn phim trên. Cũng trong phim này tài tử Shirley Jones cũng đã được phần thưởng nữ diễn viên phụ xuất sắc nhất trong vai một thiếu phụ đau khổ hay mang lòng oán thù. Có điều đặc biệt là khi vào nghề điện-ảnh nữ minh tinh Shirley Jones chuyên thủ vai nữ ca sĩ trong các phim âm nhạc. Phim Elmer Gantry cũng được một giải thưởng quan trọng khác dành cho Richard Brooks, nhà đạo diễn và mô phỏng chuyện phim «Elmer Gantry».

Mặc dầu những phần thưởng của cá nhân đã đoạt được trong phim Elmer Gantry những phần thưởng cuốn phim hay nhất trong năm lại rơi vào cuốn phim «The Apartment», một phim hài kịch chua cay đã được phần thưởng của Hàn Lâm Viện Anh-Quốc vì được xem như là một cuốn phim hay nhất. Điều này đã xảy ra trước khi các nhà phê bình, bình luận gia cho rằng cuốn phim «The Apartment» là cuốn phim hay nhất theo cuộc trưng cầu ý kiến của tờ «The Film Daily». Ngoài giải thưởng Oscar với danh hiệu là một cuốn phim hay

nhất, nhà đạo diễn Billy Wilder của phim The Apartment lại được giải thưởng Oscar với tư cách là đạo diễn và cũng là tác giả cuốn phim (chung với I. A. L. Diamond). Một cuốn phim cũng được khen ngợi về phương diện điều khiển nghệ thuật.

Giải thưởng chính Oscar cuối cùng dành cho một nam tài tử vai phụ hay nhất được trao cho Peter Ustinov trong vai một chủ nhân ông của trường dạy những tay giặc đầu trong phim Spartacus. Đây là lần đầu tiên phần thưởng này được trao cho một nam tài tử người Anh vừa là nhà văn vừa là nhà đạo diễn cuốn phim.

Nhiều cuốn phim ngoại quốc đã được nền kỹ nghệ điện ảnh ở Hollywood lên tiếng ca ngợi : cuốn phim «Never On Sunday» của Hy Lạp về giọng ca đặc biệt ; cuốn phim «Giuseppina» được xem là một phim tài liệu hay nhất ; cuốn phim «The Virgin Spring» của Thụy Điển do tác giả và đạo diễn Ingmar Bergman phóng-tác theo điệu ca thời trung cổ được xem như là cuốn phim ngoại quốc hay nhất.

Những cuốn phim được giải

thường là phim «The Horse with the Flying Tail» của Walt Disney, cuốn phim tài liệu hay nhất ; phim «Day of the Painter» (một sự châm biếm về trường biểu hiện tượng trưng), được xem là cuốn phim ngắn với đầu đề sống động hay nhất ; và phim «Munro» phim hoạt họa ngắn hay nhất.

Một số giải thưởng đặc biệt được trao cho Stan Laurel, tài tử hài hước nổi tiếng về «tài sáng tạo tiền phong trong địa hạt hài hước» ; cho Gary Cooper về «nhiều tài diễn xuất đáng ghi nhớ» ; và cho cô bé Hayley Mills nước Anh. Phần thưởng Jean Hersholt — được thành

lập đề tưởng nhớ đến tài tử đáng mến người Đan - Mạch — dành cho nhà sản xuất lão thành Sol Lesser.

Ngoài ra lại còn có những phần thưởng dành cho những người đã âm thầm đóng một vai trò quan trọng cho việc sản xuất những cuốn phim ở Hollywood trong những địa hạt ít được đề ý tới trong ngành điện ảnh. Đó là một cử chỉ tỏ lòng tri ân của 2.397 nhân viên Hàn Lâm Viện Điện Ảnh và Khoa Học đối với những người vô danh nhưng đã giúp rất nhiều cho nền điện ảnh.



TIN MỪNG

Được tin ông **VÕ-BÁ-LINH** tức **PHƯƠNG-HẢI**, thứ nam của Ông Bà **Võ-văn-Chờ**, ngụ tại 942, Bến Lò Gốm Cholon, đẹp duyên cùng cô **NGUYỄN-THỊ HỒNG-HOÀ**, thứ nữ của ông bà **Nguyễn-văn-Lễ**, 932 Lò Gốm, Cholon. Hôn lễ sẽ cử hành tại Saigon ngày 9 tháng 6 năm 1961.

Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi thành thật chúc tân-lang và tân-giái-nhân được muôn vàn hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ

đã có «Mèo»? «Có Mèo», ha! ha! Danh-từ ngộ-nghĩnh làm sao chứ!
Thường ngày chị Mai cứ la mắng Hồng, ra vẻ «ta đây», nghiêm
trang, đứng đắn lắm! Không ngờ! Ha! Ha! không ngờ hôm nay
Hồng đã biết được chuyện bí-mật của bà ấy rồi! Để xem Hồng đoán
thế mà có đúng hay không?

● Ngày Mười-Bốn — 3 giờ trưa

Chả biết tuổi Hồng và tuổi chị Mai có khác nhau không, mà cứ
mỗi lần hai người nói đến một vấn đề gì là y như đã sẵn sàng gây
chuyện với nhau. Vừa rồi chị ấy mắng Hồng: «Trông cái bộ mặt con
Hồng sao mà đáng ghét thế!» Vàng a, đối với chị Mai thì con bé
Hồng này đáng ghét thật, đáng ghét lắm cơ, chỉ trừ «cái bộ mặt» của
cái anh chàng cặp tay dạo phố với chị chiều hôm qua là đáng thương
thôi! Hồng nói thật, Hồng không thích anh chàng ấy đâu! Người với
ngọn gì mà to lớn đầy-đà như ông Hộ-Pháp, còn để một bộ râu ria
trên mép, trông làm sao ấy! À, nếu được cái nét râu duyên dáng như
Clark Gable thì còn tạm «ngửi» được đi! Chứ cái mặt sần-rôm của
anh chàng kia rõ thật là kịch côm. Thế mà bà Mai lại «yêu được»,
mới lạ chứ!

À, Hồng sực nhớ lại đoạn văn tiểu thuyết hôm nọ: «Chàng và
nàng gặp nhau trao đổi chuyện tâm tình, thiết tha, âu yếm. Gặp nhau
độ năm bảy lần như thế thì nàng có thai» Thế thì, không khéo chị Mai
đã có thai rồi cũng nên? Ông bà đã gặp nhau mấy lần rồi? Có trao đổi
chuyện tâm tình có «thiết tha âu yếm» với chàng nhân ngãi ấy không?
Nói thật ra, Hồng chả hiểu «thiết tha và âu yếm» là như thế nào!
Hồng chả muốn nghĩ đến những danh từ lối thói lác-thắc ấy nữa!

● 10 giờ tối

Đang học bài, bỗng sực nhớ hôm nọ ngồi xem ciné, Hồng
đã thẹn chết đi được vì thấy người đàn ông ôm siết chặt lấy
Elizabeth Taylor rồi mới ông dè lên môi bà... À, «hôn» là thế
đấy! «Hôn», là môi người ta dè lên môi... mình? Rõ khi!... Chả

Một giấc Mơ hoa



★ DUYÊN-HỒNG

(Xem P.T. từ số 54)

● Ngày Mười-Ba — 8 giờ 15 tối

Thào nào người ta bảo con số 13 là con số xui-xẻo! Xui-xẻo cho
chị Mai nhà này! Trưa hôm nay Hồng đi Saigon mua quyển sách Văn-
vật, túc về trên đường Lê-Lợi Hồng thoáng thấy một dáng người
giống hệt chị Mai. Hồng nhìn kỹ thì đúng là chị Mai thật, chẳng còn ai
nữa! Nhưng lạ chưa, sao chị ấy lại đi chung với một người đàn ông nào thế
kia? Lúc này chị Mai xin phép Mẹ đi đến nhà một người bạn ở Cholon
cơ mà! Hay là... Hồng đoán không nhầm chăng?... Hay... là chị Mai

nhê họ mớm cho nhau ư ? Thường ngày Thầy Me hôn bé Thừa bằng mũi, mà hôn trên má, trên trán, trên tay, Hồng hôn bé Thừa cũng thế, chứ ai lại đưa môi mình kề sát vào môi người ta ? Thế ra hôn thế là hôn «yêu» đấy ! Thế thì Elizabeth và người yêu đã «tâm-tinh», đã «thiết tha âu yếm» với nhau rồi chứ còn gì nữa ? Mà sao nàng không có thai ? Hay là nàng đã «có thai» rồi ? Ồ, chuyện đời khó hiểu quá !

★ Ngày 15 ● 9 giờ tối

Sáng hôm nay Hồng chưa vào lớp thì Mỹ-Thanh đã chạy vội đến tìm Hồng. Thanh trao cho Hồng một phong thư, bảo là của anh Hải gửi. Giời ơi, thật là Hồng không ngờ ! Sao anh Hải lại gửi thư cho Hồng ? Gửi thư cho Hồng để làm gì ? Hồng bỡ ngỡ hỏi : «Cái thư gì thế, Thanh ?». Thanh cười bảo : «Thì Hồng cứ nhận đi đã, rồi vào lớp xem». Hồng còn do-dự chưa dám nhận thì chuông vừa reo đến giờ học, Thanh nhét vội thư trong tay Hồng rồi chạy nhanh về lớp. Sao có chuyện lạ thế nhỉ ? Suốt một giờ đầu học Vật-lý, Hồng sốt cả ruột, chả dám ngó đến bức thư... Hồng cũng chả nghe cô giáo giảng bài nữa. Giờ Vật-lý hôm nay sao mà chậm thế ! Rồi chuông reo đến giờ chơi, Hồng đợi cho các bạn ra ngoài hết, Hồng mới khê rút phong thư ra xem. Ồ, một tấm «*Bonne Année*» in hình hai cánh hoa hồng xinh xắn kề nhau, có kim tuyến lấp-lánh đẹp tuyệt. Anh ấy lại viết sau tấm ảnh như thế này : «*Mến tặng Duyên-Hồng, là hình ảnh diễm-lệ nhất của mùa Xuân bất diệt*». Sao anh ấy gửi thiệp chúc Tết cho Hồng làm gì nữa ? Đã hết Tết rồi, hôm Tết Hải đã chúc cho Hồng rồi, sao hôm nay lại còn gửi thiệp *Bonne Année* ? Hồng thoáng nghĩ thế, nhưng trái tim của Hồng vẫn hồi-hộp... vui vui...

Hồng có nên gửi tặng lại anh ấy một cái souvenir gì không nhỉ ? Chả nhê lại im-lặng ? Mình im lặng thì anh ấy sẽ cho là bất lịch sự... Kể ra, thì Hải cũng khéo lựa đấy : hai cánh hoa đúng

với cái tên của Hồng, để tặng Hồng. Giá-sử anh ấy tên là Trúc, hay Mai, Đào, Lý, v.v... thì Hồng cũng chọn loại Hoa có tên ấy, để tặng lại, dễ-dàng biết bao ! Anh ấy lại tên là Hải thì tặng lại cái gì bây giờ ? Sao không đặt tên là Hải-đường, để mình tặng cho một cành hoa hải-đường, có phải hay không ? Không hiểu đàn ông họ thích gì... Chả nhê tặng gói thuốc hút, hay cái cravate, lọ *brillantine* ư ? Khó nghĩ thật. Hay là Hồng thử đánh bạo hỏi chị Vân xem... Ồ ! Không được đâu, Giời ạ ! Đùng có đại, Hồng nhé, Hồng mà hỏi chị Vân, thế nào chị ấy cũng sẽ mét lại với chị Mai rồi bà Mai lại học lại với Me, thì thế nào cũng phải ăn đờu ! Ồi thôi, rắc rồi... rắc rồi... rắc rồi...!

★ Ngày mười sáu ● 4 giờ trưa

Sáng nay, Hồng định đem chuyện anh Hải gửi thư cho Hồng, ra bàn với bọn con Lan con Huệ, xem chúng nó bảo sao. Biết đâu lũ nó có ý kiến gì hay để giúp Hồng, nhưng xem cái «bộ gió» của Lan, và Huệ còn ngốc hơn Hồng nữa là khác. Hồng lại định hỏi ý kiến chị Tuyết-Hoa vì trong lớp ai cũng đồng ý là Tuyết-Hoa nhón tuổi, thạo đời, mà diện cũng «một cây», có vẻ làm «quan sự quạt mo» được. Nhưng Hồng chả... muốn cầu cứu bà ấy đâu, vì nhê không chơi thân lắm, rui bà ấy nói rùm lên là con Hồng nó có «mèo», thì chỉ còn có nước độn thổ !

(Còn nữa)



● Mê-mải

Chàng và nàng đang âu-yếm ngoài phòng khách, thấy một em bé độ 6,7 tuổi đang rình coi.

Anh chàng gọi lại và nói :

— Em lấy 5 đồng này đi mua bánh ăn.

Thằng bé móc trong túi 10\$ và nói :

— Tôi cho anh 10 đồng, anh để tôi xem một chút !

NGUYỄN BÌNH TRỌNG (CHOLON)

MỒ HÔI TRƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

● NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 57)

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC

Ánh đến xóm đình Tân-Kiến, tìm Hoàng cả một buổi nhưng không gặp.

Ánh gặp cậu Định, một bạn học cũ, và hỏi tin-tức Hoàng. Định không biết, và tán-tĩnh Ánh, tỏ ý muốn hỏi Ánh làm vợ. Ánh cười đùa nói lảng sang chuyện khác rồi tránh đi. Ánh gặp cô Hoa, cũng một bạn học cũ, hiện làm thợ đóng sách ở một nhà in. Hoa rủ Ánh đến đây xin việc. Hoa sẽ giới thiệu với ông Quản-lý nhà in.

HỌ trả lương khá không?
— Lương công nhật,

mỗi ngày 30\$ làm việc 8 giờ. Bữa nào nghỉ ở nhà thì không có lương.

— Thợ làm có đông không?

— Đông lắm. Ê-kíp đóng sách làm riêng một phòng, có 20 chị.

— Toàn phụ-nữ à?

— Ừ. Tụi con gái như cỡ mình. Hiện giờ công việc dòn lại nhiều quá, ông Quản-lý đang kêu thêm thợ. Nếu Ánh muốn làm thì sáng mai Ánh đến mình đưa vô giới thiệu với Thầy Tư, không khó gì đâu.

— Thầy Tư là ai?

— Là Quản lý, em ông chủ.

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

Thầy tư-tế lắm. Có lúc cục bộ xừ, nhưng thường thường cũng thấy dễ chịu.

— Ừ, sáng mai Ánh đến, nhờ Hoa giới thiệu giùm nghe? Có phải lo lót gì không, cứ nói thiệt đi?

Đôi bạn gái đùa nhau rất thân thiện, vui vẻ.

Hoa có cặp mắt lơu, mỗi lúc cô cười cặp mắt híp lại, mà cái miệng thì rộng toe toét, xinh đáo đê. Hoa kể vào tai Ánh nói nhỏ:

— Cái Thầy Tư đó 35 lắm, nghen! Thầy có 4 vợ, 12 đứa con gái, hồng có đứa con trai nào. Mà ngộ quá, 12 đứa nhỏ cùng một khuôn mặt, như một cái Cliché mà in ra 12 bản, vậy đó.

Ánh cười:

— Cliché là cái gì?

— Cái bản kẽm để in hình trong sách báo... Thôi, Hoa phải về, kéo bà già ở nhà chờ. Bữa nay làm việc về trễ, sợ bà đợi.

— Sao làm việc về trễ vậy?

— Bữa nay có công việc gấp, phải làm súp-lê-măng. Sáng mai 7 giờ, Ánh tới sớm, nghen, Hoa chờ ngoài cửa, nghen?

— Ừ. Cám ơn Hoa nhé!

Sáng hôm sau Ánh đến nhà in Minh-Tân, đường Thành-Thái. Ánh mặc áo bà-ba đen, đi chun không, tay cầm chiếc nón lá. Nhờ Hoa giới thiệu với thầy Tư, Ánh được nhận vào làm ngay trong phòng đóng sách. Thầy Tư ngó trân-trân cô gái mới vô làm, đôi mắt thầy như bị thôi-miên bởi sắc đẹp hồng hào điểm lệ của cô. Thầy tùm tùm cười bảo:

— Công việc đóng sách nhẹ nhàng thích hợp với đôi bàn tay mềm-mềm của cô lắm.

Ánh trả lời rất lễ phép:

— Dạ, cám ơn thầy Tư.

Thầy Tư nhìn theo Ánh bên lên đi với Hoa vào phòng đóng sách...

Ánh theo phép lịch sự chào các bạn đồng nghiệp mới, nhưng cũng có vài ba cô trông thấy Ánh đẹp hơn mình, trẻ hơn mình, đã thăm thì với nhau, trẻ môi bĩu miệng. Không biết họ xầm xì những gì, nhưng xem những cặp mắt họ liếc Ánh và những nét mặt lạnh lùng hay vênh-váo, cũng biết là mấy cô ganh tỵ với cô á mới vào. Thế là ngay từ buổi đầu nhận công việc làm chung với trên hai chục phụ-nữ, Ánh đã có thêm đợc nhiều bạn mới, mà

cũng có nhiều người chị em ghen ghét, dèm pha. Ánh chỉ lo làm phận sự, vui vẻ tử-tế với hết thầy mọi người. Nhưng Ánh hết sức bực mình vì thái độ của thầy Tư thường ngày kiểm cơ-hội lẫn la trò chuyện với cô. Và cứ mỗi lần thầy kê-cà gạ gẫm, thì Ánh dù có đang vui vẻ với bạn gái cũng đổi sắc mặt nghiêm trang liền, không cười đùa tự nhiên nữa.

Làm việc ở nhà in Minh-Tân, lương đủ trả tiền cơm cho bà Cô và giúp đỡ thêm cho bà chút ít, Ánh hết sức tận tụy còn để dành được một số tiền nhỏ. Nhận thấy buổi tối về nhà không mệt mỏi gì lắm và chơi không vô ích, thay vì đọc tiểu thuyết nhảm và đi coi cải lương, hoặc tùm năm tùm ba ngồi lê đôi mách như các bạn gái khác, Ánh đi học đánh máy lớp ban đêm, từ 7 đến 9 giờ. Tối nào Ánh cũng đi học đúng giờ, từ Bàn-Cờ đến trường ở đường Cao Thắng. Đi bộ về đến nhà 9 giờ rưỡi, Ánh thay đồ rồi quẩy đôi thùng đi gánh nước. Dạo này Ánh khỏi gánh nước thuê, nhưng mỗi tối từ 10 giờ đến 11 giờ cũng phải chầu chực ở phong-ten để gánh cho được 3 đôi về đồ lu

nước ở nhà bà Cô, để đủ dùng trong một ngày. Ấy là nhà chỉ có ba người: bà Cô, Ánh và Nhung, con gái của bà, còn nhỏ tuổi. Đồ nước xong, Ánh tắm, giặt, rồi đi ngủ, gần 12 giờ đêm.

Sáng, Ánh dậy bảy giờ, đi bộ đến sở làm. Ánh làm việc rất chăm chỉ, và tận tâm. Tính nét dịu hiền và đứng đắn của cô dần dần thu phục được hầu hết ê-kíp phụ-nữ đóng sách, chỉ trừ ra có hai người, chị Ba Ngọ và cô Sáu Hà hình như không ưa Ánh. Chị Ba Ngọ ghét Ánh vì vấn đề tiền, do một hôm chị mượn Ánh một trăm đồng mà bốn kỳ lãnh lương chị không chịu trả, Ánh hỏi, thế là chị giận. Giận mà nợ vẫn không trả rồi Ánh cũng không muốn đòi nữa. Còn cô Sáu Hà vì không đẹp được như Ánh, lại thấy Ánh biết chữ nghĩa hơn mình, rồi nghe Ánh còn đi học đánh máy nữa, cho nên Hà không thích chơi với Ánh và luôn luôn đặt chuyện nói xấu Ánh với các bạn đồng-nghiep.

Một hôm, lòng ganh ghét của Sáu Hà nổi bùng ra, làm xôn xao dư luận của toàn thể nhà in Minh-Tân, từ lao-công đến các nhân viên Văn-phòng. Hôm ấy là chiều thứ Bảy, không biết cô Sáu Hà

đã nghe lỏm câu chuyện của ai mách lẻo với cô từ hồi nào, mà trong lúc đang xếp báo, cô nói lớn cho tất cả chị em cùng nghe:

— Nè, các bồ ơi, trong tụi mình có con sâu làm rầu nồi canh đó nghe!

Mọi người quay mắt ngó cô Sáu Hà. Cô Liên cất tiếng hỏi:

— Ai vậy?

— Em nói người nào thì người ấy biết, chớ vạch mặt chỉ tên nó ra làm chi?

Cô Thúy hỏi:

— Ờ, nhưng mà chị phải nói rõ ra chớ. Trong tụi mình đây có ai làm chuyện gì bậy sao mà chị nói con sâu làm rầu nồi canh?

Chị Tư Ngọ xen vô:

— Tôi không cần hỏi, tôi cũng biết Hà ám-chỉ đứa nào rồi..

Mọi người im lặng, xăm xì... Bỗng chị Tư Ngọ lại lên tiếng:

— Cái con dĩ ngựa đó mà tụi bây hồng biết sao? Nó làm bộ mặt phách chó vậy. Chớ hồi trước nó đi ở đầy-tớ cho người ta!

Sáu Hà trề cái môi dày-dịch ra, nói tiếp:

— Hồi nó ở xóm An-Bình, nó có thằng cha ghê làm ma-cô, mẹ nó chứa nhà thờ, chớ hay ho gì!

Cái ngữ bán khu nuôi miệng, ai người ta còn lạ nữa mà giấu, hẻo?

Sáu Hà nói xong cười rồ lên, có vẻ đắc chí lắm.

Nhưng cô Hoa, bạn thân nhưt của Ánh, hỏi gắt-gông:

— Mày nói ai thì mày nói rõ ra, nghe Hà?

Hà cự lại:

— Tao nói ai kệ tao, can gì mày mà mày bình?

— Tao không bình ai hết, nhưng mày phải nói trắng ra trắng, đen ra đen, chớ nội đám này ai là dĩ ngựa? Ai là nhà thờ?

— Tao không nói mày.

— Ừ thì mày nói ai, nói ra đi?

Liếc thấy Ánh ngồi cúi xuống làm thinh. Sáu Hà cười gằn, hậm hực bảo:

— Coi nội đây đứa nào mặt dạn mày đây, thì là biết..

Thấy hầu hết mọi người đều ngo-ngác nhìn Ánh, Ánh chịu không được nữa gục đầu xuống bàn khóc nức nở.

Hoa liền đứng dậy chạy đến đánh Hà một bạt tay:

— Đồ khốn nạn! Chỉ ngậm máu phun người!

Hà tức mình đập lại Hoa, thế là hai người đánh lộn. Tư Ngọc

nhảy vô binh Hà, đập vào lưng Hoa thúi thụi. Liên và Thúy binh Hoa, thoi vào mặt Tư Ngọc và nắm tóc Hà dẫn xuống. Ánh, tuy còn khóc nhưng vội vàng chạy đến can gián hai bên :

— Em lạy các chị... Thôi các chị...

Ánh gỡ tay Thúy và Liên không để cho đánh Hà, và kéo Hoa ra. Mấy cô khác cũng xúm lại can gián, làm náo động cả phòng. Anh em thợ sắp chữ, thợ máy, cũng ủa tới coi đông nghịt. Mấy cô kia thuật chuyện lại cho mấy anh nghe, và nói đúng ra thì chưa ai biết rõ thực-hư thế nào. Bỗng thầy Tư quản - lý đi vắng vừa về. Nghe ồn-ào trong phòng đóng sách, thầy hoảng - hốt chạy vô :

— Chuyện chi vậy ?.. Chuyện chi vậy ?

Một lúc sau, nghe rõ đầu đuôi, và hỏi chứng cứ mọi người, thầy nổi giận hăm-hăm bảo Tư Ngọc và Sáu Hà ra Văn phòng :

— Hai đứa mày ra đây. Tao trả lương rồi đuổi luôn.

Sự thực thì Thầy Tư Quản-lý cũng đâu có biết rõ đời tư của Ánh trước khi cô vô làm thợ đóng

sách ở nhà in của thầy, nhưng thầy vẫn mê sắc - đẹp của Ánh, muốn lợi dụng cơ-hội này để tỏ cho Ánh thấy rằng thầy binh- vực Ánh, để mua chuộc trái tim của Ánh mà từ lâu thầy vẫn chưa làm sao chiếm được. Một lẽ nữa, là theo lời khai của tất cả chị em đóng sách, quả thật là cô Sáu Hà và Tư Ngọc đã gây ra cuộc ẩu-đả trong giờ làm việc, phá rối kỷ - luật và trật-tự trong nhà in, cho nên thầy nhứt định đuổi cô hai người này.

Đã 5 giờ rưỡi rồi, là giờ trả tiền lương cho thợ theo lệ chiều thứ Bảy. Nhân công nhà in đã nghỉ việc, chờ lãnh lương. Anh chị em đứng đông nghịt trong Văn phòng, bu chung quanh bàn giấy thầy Tư Quản-lý, để chứng kiến cảnh tượng xảy ra, chưa kết-thúc. Chị Tư Ngọc và cô Sáu Hà khóc bù-lu bù-loa, năn-nỉ thầy Tư cho họ làm lại, nhưng thầy Tư thì nhứt định đuổi. Thầy viện một lý lẽ không thể nào cãi lại được, là hai người đã gây ra cuộc rối loạn trong nhà in giữa giờ làm việc. Thầy trả thêm cho mỗi người một tháng lương và cương quyết không nhận cho họ làm việc lại nữa. Mặc dầu cả hai đều thiết-tha

xin lỗi Thầy Tư, nhưng thầy cứ một mực không nghe, lại còn nổi giận la lên :

— Nhà in của tôi từ trước đến giờ không hề có chuyện gì lộn-xộn hết thầy. Nay hai người gây ra cuộc ẩu-đả, làm mất hết kỷ luật, thì nhứt định là tôi tổng cò. Đừng có kêu nài vô ích, đi ra để tôi còn trả lương cho anh chị em khác.

Trong lúc cô Sáu Hà và chị Tư Ngọc khóc-lóc trước mặt anh chị em nhân công mà không một ai thương-hại và can thiệp dùm cho, vì ai nấy đều công-nhận là hai người kia có lỗi, thì bỗng đứng Ánh bên lên bước đến bàn giấy. Mọi người trở mắt nhìn cô. Cô dẹt-dẹt nói với Thầy Tư :

— Thưa Thầy Tư, tôi xin thầy tha - lỗi cho hai chị ấy, và xin Thầy Tư đừng đuổi hai chị. Tôi xin tự nhận rằng tôi cũng có một phần lỗi, và thà tôi tình-nguyện xin thôi, để hai chị ở lại.

Thầy Tư cũng ngạc nhiên :

— Ánh có lỗi gì ?

Cô Hoa tiếp lời :

— Nếu có lỗi thì tội tôi có lỗi, tôi với Liên và Thúy, vì tội tôi phải binh vực cho Ánh, chớ từ đầu tới cuối Ánh không nói một

tiếng to, và không có đập-lộn với ai. Nếu Ánh xin thôi thì chị em chúng tôi cũng xin thôi hết.

Ông Quý là xếp thợ sắp chữ liền can-thiệp :

— Thôi, thưa Thầy Tư, Hà và Tư-Ngọc đã biết lỗi thì xin Thầy Tư tha cho hai cô ấy, để cho hai cô làm việc lại như thường. Nhưng từ nay các cô phải trọng kỷ - luật trong giờ làm việc, chớ phòng đóng sách các cô cũng thường hay nhiều chuyện lảm đó !

Ánh không oán giận chị Ba Ngọ và cô Sáu Hà đã đặt chuyện bêu xấu mình, mà cô lại còn xin thầy Tư đừng đuổi hai bạn đồng nghiệp, cử-chỉ ấy khiến toàn thể anh chị em thợ ở Nhà in cảm phục và quý mến Ánh. Chị Ba Ngọ và cô Sáu Hà đã ăn-năn, Ánh mà họ thù ghét nhất từ mấy tháng nay bây giờ lại là ân-nhân của họ. Họ thấy rõ là nếu không có Ánh năn-nỉ xin Thầy Tư thì họ không thể nào ở lại làm việc trong nhà in được nữa. Tuy nhiên, có lẽ vì lòng tự-ái quá mạnh nên cả hai người không ai nói với Ánh được một tiếng cảm ơn. Họ cũng không vồn vã thân-mật gì với Ánh. Khác một điều là sáng ngày thứ Hai, chị Ba Ngọ đưa

100 đồng bạc trả Ánh, và nói cười già-lã với cô.

— Xin lỗi cô Ánh, nghen ! Mượn cô 100 đồng mà để lâu quá bây giờ mới trả được.

Ánh mỉm cười có vẻ thành-thật :

— Cám ơn chị.

Còn cô Sáu Hà thì mãi ba ngày sau, bị các chị em chỉ trích, cô mới nói với Ánh một câu :

— Ánh đừng giận tôi, ghen Ánh. Bữa trước tôi nói chơi đó.

Ánh không giận, nhưng rồi Ánh nói với Sáu Hà và chị Ba Ngo, cùng các chị em khác, biết rõ rằng quả thật Ánh có người cha ghê không lương thiện, nhưng chính vì vậy mà Ánh đã phải bỏ nhà ra đi làm đày-tớ, để giữ vẹn đời mình trong sạch và lo đi kiếm việc làm nuôi sống. Ánh bảo :

— Em thiết tưởng đi làm đày-tớ cho người ta, đâu có phải là một việc dễ tiện ? Chị em mình làm công cho nhà in thì cũng khác nào làm đày-tớ cho chủ ? Miễn là mình lấy mồ hôi của mình mà đổi lấy chén cơm, chớ có khác gì nhau ? Trong đời lao-động đâu còn phân biệt nghề sang nghề hèn nữa, phải không các chị ?

Ánh nói như vậy thì còn ai cãi vào đâu được nữa. Cho nên, trong đám hai chục phụ-nữ làm thợ xếp báo ở nhà in, tuy có chín mười chị đã có chồng hoặc đã lớn tuổi hơn Ánh, nhưng họ cũng đều mến phục Ánh, và chơi rất thân với cô. Tôi đã nói chỉ trừ có cô Sáu Hà và chị Ba Ngo. Nhất là cô Sáu Hà trẻ tuổi hơn, (Hà mới có 18) nên thiếu kinh-nghiệm ở đời, và ích-kỷ, lại hay ganh ghét những bạn bè đẹp hơn mình và có khả-năng hơn mình. Nhưng sau vụ lộn xộn vừa rồi, hai người này cũng hết kiêu chuyện nói xấu Ánh nữa.

Một hôm, bỗng dưng một tin sét đánh làm xôn-xao cả ê-kíp phụ-nữ. Ánh đang xếp báo vui vẻ với chị em, bỗng anh tùy-phái ở trên văn-phòng xuống báo :

— Cô Ánh, thầy Tư kêu cô.

Ánh nghe đến hai tiếng « Thầy Tư », liền chau mày, tỏ vẻ khó chịu.

Cô hỏi lại anh tùy-phái :

— Có chuyện chi vậy anh ?

— Ai mà biết.

Ánh do-dự một lúc, xếp thêm vài ba tờ báo nữa rồi mới đứng dậy đi. Tất cả chị em trong phòng đều nhìn theo Ánh, không ai hiểu chuyện chi.

Ánh lên văn phòng, đã thấy Thầy Tư Quản-Lý ngồi chờ cô. Có cả ông Giám-đốc, là anh ruột của thầy Tư, đứng dựa vào bàn giấy. Ánh lễ-phép chào hai người. Thầy Tư hỏi :

— Cô Ánh học đánh máy đã mấy tháng rồi ?

— Dạ thưa thầy Tư, em biết đánh máy đã 6 tháng rồi ?

— Cô có bằng-cấp của nhà trường không ?

— Dạ thưa thầy Tư, có.

— Cô ngồi bàn kia, đánh cái thư này cho chúng tôi coi.

— Dạ.

Thầy Tư đưa Ánh một bản thảo bức thư bằng Pháp-văn gửi một hãng buôn lớn bên Pháp.

Ánh ngạc-nhiên thấy bản thư-ký vắng người. Cô Năm thư-ký mọi ngày vẫn ngồi làm việc tại đây, sao sáng nay không đến ? Thầy Tư bảo Ánh ngồi bàn ấy, cách bàn của thầy chừng ba thước, và chỉ máy đánh chữ, bảo :

— Cô đánh nhanh lên nhé.

— Dạ, để em thử coi.

Sự thực, Ánh đánh máy đã thạo lắm rồi. Ánh chỉ trả lời khiêm tốn như thế, diềm-nhiên cho hai tờ giấy lót carbone vào máy. In lạng, ông Giám-Đốc và ông Quản-Lý đến gần xem cô

làm việc.

Máy bắt đầu kêu tách... tách... tách... đều-đều... Mười ngón tay búp-măng, tuy là ngón tay của con gái lao-động, nhưng sạch-sẽ và non-nà mềm-mại, khế nhấn trên các phím chữ, lanh-lẹ, dju-dàng.

Thầy Tư dè mê đứng nhìn cô thiếu-nữ diềm-kieu mà đơn-giản, chiếc áo bà-ba đen càng làm bật gương mặt hiền lành thanh-khiết của nàng, khuôn mặt trái xoan đều-dặn với đôi má mơn-mỏn đào-tơ, làn môi thắm tươi như nụ hoa hàm tiếu, và đôi mắt huyền thơ-ngây đượm nét sâu-mơ.

Ba phút sau, Ánh đánh máy xong bức thư dài một trang, với một khoảng trắng chừa cuối tờ giấy vừa đủ tên ký và con dấu của ông Giám-đốc. Ánh rút giấy ra, đứng dậy lễ phép đưa thầy Tư. Hai anh em cùng xem. Thầy Tư muốn « lấy le » — theo tiếng lóng bình-dân thông-dụng hiện nay — với cô Ánh, thầy lấy giọng đọc lớn bức thư bằng Pháp-văn :

—... *Monsieur le Directeur de la Nouvelle Librairie de France., 61, rue de Vaugirard, Paris 6è..*

(Còn nữa)

Ơ N T
H Ê U Ô
T L R

● DIỆU HUYỀN

NHÀ ĐỘT

Đêm qua trời mưa,
Nhà tôi bị đột.
Gió đánh đòn-đưa,
Cây kèo, cây cột,
Bốn bức tường thưa
Đất rơi đập-đập.
Cả bàn thờ xưa
Thờ các Cụ Tổ
Cũng bị gió mưa
Muốn sụp, muốn đổ.

Sáng nay tôi bảo ông chủ,
Ông thờ-ơ, nhủ :
« Phải kiểm giấy nhứt-trình cũ,
Dán lại mái nhà.
Dựng mấy khúc củi già
Thay mấy cây cột.
Khuấy một chút bột

Trét lại vách tường.
Kè bên góc giường
Cái bàn thờ Tổ !
Tôi bảo :
« Tôi sợ cái nhà sụp đổ,
Vì đã mục-nát nhiều chỗ.
Chuột đã khoét bốn vách tường,
Vào làm ổ ngay bên giường.
Sâu một đực mấy cái sườn,
Mỗi ăn mấy góc cột.
Cho nên ngày nay nhà phải đột.
Vợ, chồng, anh, em, ướt như chuột lột !
Trông thật lâm-than, đau khổ !
Tại sao ông không chọn cây, thay gỗ,
Đổi ngói, thêm vôi,
Chất gạch, quét hồ,
Xây ngôi nhà mới ?

Chủ nhà không nghe, cứ để mưa xối,
Áo-ạt đêm khuya.
Đột chỗ này, ông vá chỗ kia,
Thủng phía sau, ông trét phía trước,
Rớt cuộc : ướt vẫn ướt.
Tường vẫn ngã, cột vẫn xiêu,
Càng che đậy bao nhiêu
Cửa nhà càng sụp đổ !

Tôi sợ nay mai một luồng gió
Thổi ào-ào, bay ngôi nhà cổ,
Bay cả bàn thờ tổ,
Tội lắm, ông ơi !

Chủ nhà không nghe, tưởng tôi nói chơi !
DIỆU HUYỀN

CỤ UNG BÌNH, Thúc - gia - Thi

- NHỨT ĐỢI ĐẠI NHO 一代大儒 của HƯƠNG BÌNH THIXÃ
- HÀ THUẬT YÊN 何述焉 của NGUYỄN-PHƯỚC TỘC
- THIÊN BẤT NGÂN DI 天不慙遺 của Các cụ UNG-DINH, TÔN-THẮT-QUĂNG, HỒ-ĐẮC-HÀM, TÔN-THẮT-NGÂN
- HƯƠNG SƠN XÃ LÃNH 香山社冷 của Ô. LA-HOÀI
- THIÊN TÁN TƯ VĂN 天喪斯文 của cụ KINH-CHỈ
Bác sĩ PHAN-VẤN-HY

● Khóc Cựu

Cảnh còn như cũ, Cựu đi đâu?
 Bỏ cả Tao-Đàn, cả Hạc-Lâu!
 Một giấc lơ-làng duyên cựu lão,
 Ba-sinh dồn-dập nợ thiên thu.
 Sông Hương lai-láng, trăng trào lệ,
 Núi Ngự bơ vơ, gió cuộn sầu.
 Hương đốt, trầm xông, lòng lạnh lẽo,
 Trông vơi mây bạc suốt canh thâu...!

NGŨ XUYẾN Hoàng-xuân-Vịnh

● ĐIỀU THÚC GIA TÔN-CÔNG

Ơi ông Thúc-Gia, hỡi ông ơi!
 Nỡ bỏ Hương-Bình bạn chúng tôi!
 Đem khối văn-chương, chôn chặt đất,
 Lấy kho trăng gió, ném tung trời.

Người về tiên cảnh, vui bao nã,
 Kê ở trần gian, tẻ bấy thôi!
 Ngoảnh lại vườn xưa tìm dấu cũ,
 Hồn thơ lại láng, lệ đầy vơi.

An-Đình TRẦN KINH bài vãng

★ Lộc-Minh-Đình đó, bóng người đâu?
 Núi Ngự sông Hương âm đạm màu.
 Cổ-lao vội đi, không một đoái,
 Tân-thi để lại, có nghìn câu.
 Tám năm hội ngộ bao niềm cảm,
 Năm chuyển phân ly mấy đoạn sầu.
 Tưởng nhớ tri âm ngao ngán nhẽ,
 Năm vẫn kính điều mực hòa châu.

ĐÔNG-VIÊN PHẠM-HUY TOẠI, Saigon

喜	Hỷ	菽	★ Thúc
臣	Thần	野	Gia
不	bất	何	hà
敏	mẫn	之	chi
南	Nam	屏	Bình
都	Đô	嶺	Lãnh
羈	ky	騷	tao
客	khách	壇	đàn
最	tối	誰	thùy
悲	bi	作	tác
秋	thu	主	chủ

Hỷ-Thần NGUYỄN-HY (Cựu Tổng-Độc)

● Một quả sao văn rụng ngọc lâu,
 Mây buồn mù mịt khóa nam châu.
 Non cao chạnh nhớ người cao đức,
 Nước bạc thêm thương khách bạc đầu.

Sự nghiệp mấy văn thi để lại.
Tài danh muôn thuở trúc ghi sâu.
Từ nay tiếng mới không nghe nữa.
Thu nguyệt xuân hoa cũng ngậm sầu.

NGŌ-DIỆU (*Hoa Kiều, Nha-Trang*)

★ Thúc-Giạ Tiên-sinh quá cỡ rồi,
Làng Thi mất hẳn một văn khôi ;
Mười lăm năm thọ, trời không rớt,
Một vị già Nho, đất nở vui.
Non nước Hương, Bình đã tham thiết,
Gió trăng Phan, Diệm cũng bụi ngùi ;
Vô tuồng Lộ Địch còn tro đó,
Tác giả nay đã bật tiếng hơi.

Liên Hoa CHÁU NGỌC NHỊ (*Liên Thành Thi Xã, Phanhiết*)

★ Xuân về nội-lách thấy xinh tươi,
Bỗng chốc nghe tin sóng gió vui !
Nguyên-soái tao-dàn nay lánh tục,
Hương-Bình Thi-Xã biết tìm ai !
Lá cây núi ngự gan khô héo,
Giòng nước sông hương lệ vẫn dài !
Thôi ! bấy nhiêu lời xin kính điệu,
Vong linh nhờ PHẬT đến LIÊN-ĐẠI.

BÁI KHẮP
NGUYỄN-THÁI-SƠN (*Huế*)

THƠ KÍNH ĐIỀU

★ MƯỠU

Nửa đêm mười chín tháng hai,
Hạc vàng ai cưỡi xa nơi hồng trần.
Bùi ngùi thi-hữu xa gần,
Tìm đâu cho thấy Chủ-nhân « Hương-Bình » ? (1)

(1) *Cu Thúc-Giạ* lúc sinh-thời là Chủ-súy Hương-Bình thi-xã ở Huế.

NŌI

Thành XUÂN (2) mây phủ,
Cỏ hoa trông ủ-rũ nhớ THI-HÀO...
Mai Ngự-Bình vắng bóng trăng sao,
Lệ Hương-Thủy, dạt-dào thêm ảo-nào...
Hỏi bạn trúc, tìm đâu cổ-lão ?
Động lòng son, đọc lại tân-thi...
Ngắm trăng ngà, ai nhắc-nhở tương-tri ?
Buồn man-mác, bán đi khôn bán nổi !
Chón Nguyệt-điện, mua vui (3) ai phó-hội ?
Bạn làng thơ, sớm tối ngẩn-ngờ hoài...
Tịnh-Hồ gió lướt thổi dài,
Hương-Bình vắng khúc NAM-AI đêm trường.
Nghe ra muôn nhớ ngàn thương !...

HOÀI-QUANG BÙI-ĐÌNH-SAN

(*Nha văn-hóa, Bộ Q. G. G. D. — Saigon*)

(2) *Thành Xuân* là Cổ-đô Huế

(3) *Cụ Thúc-Giạ* là tác giả cuốn « Bán buồn mua vui »

I

● Nhớ nhau chừ biết gặp nhau đâu ?
Hai ngã âm-dương xiết nỗi sầu.
Mây nước hững-hờ ngoài Bến-Cạn (1)
Hương trầm nghi ngút giữa Đờng-Lau (2)
Văn-Lâu (3) khúc cũ ngơ câu hát,

(1) *Bến Cạn* là bến đò ở gần nhà *Cụ*, chỗ *Cụ* thường qua lại.

(2) *Đờng-Lau* là *Vỹ Dạ* chỗ phủ *Tuy Lý Vương*, tức là chỗ *Tô Đình của Cụ*.

(3) *Văn-Lâu* là khúc hò mái nhì của *cụ* đã được truyền trung câu hát : « Chiều chiều trước bến Văn-Lâu, ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thăm, ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông, thuyền ai thấp thoáng bên sông, đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non »

Lộ-Địch (4) tưởng xưa lưng tiếng châu,
Ôn lại tập thi Tình Thúc-Giạ, (5)
Bao giòng chữ mực bảy giòng châu.

II

● Bao giòng chữ mực bảy giòng châu,
Tác-phẩm dày mà tác giả đâu ?
Nội lách xuân về oanh gọi nhỏ,
Non tùng sương tỏa quốc kêu sầu,
Đường Tây-thượng (6) cũ rêu in dấu,
Đình Lộc-Minh (7) xưa trúc lọt màu,
Trông cảnh kẻ còn người mất ấy,
Thi nào tả hết nỗi lòng đau.

Bác sĩ PHAN VĂN HY Kinh chi Nhấtrang

● Cổ thụ Bình sơn đã héo rồi,
Tiếc thay thi bá thể là thôi !
Thần-Kinh ướt mắt mưa trời đổ
Đà-Nẵng ù tai sóng biển sôi
Tạo-hóa ghen chi người lỗi lạc
Tao-Đàn nhớ mãi bạn xao thôi
Quyết lòng dứt áo đi không hẹn
Để mặc mây ngàn, mặc nước trôi.

NHO SINH — Hành văn Thi-Thoại (Đà-nẵng)

● Tám mươi lăm tuổi đã qui thân,
Thúc-Giạ thi-Ông tốt phước trần,
Thượng thọ ít ai rằng tỷ cập !
Trường sanh mấy kẻ sánh đồng cân,
Kim chi ngọc điệp, tài hàn-mặc,

(4) Lộ-Địch là tuồng hát bộ, Cụ tựa theo Cid Corneille làm ra.

(5) Tình Thúc-Giạ là một tác phẩm của cụ

(6) Tây Thượng : Xóm Tây Thượng là nhà cụ ở.

(7) Lộc Minh : là hưu đình của cụ

Quý tộc hoàng triều, rạng cát lân.
Thi-Xã Hương-Bình buồn vắng cụ.
Tiên đàn Lý-Bạch tiếp văn nhân.

PHẠM-KỶ-XUÔNG (Châu-Độc)

● Thúc-Giạ thi-Ông vinh biệt rồi !
Trông về Hương-Ngự lệ tuông roi...
Danh sơn nghĩa thuở lời thơ vọng,
Thi-Xã từ đây vắng bóng người.
Nhớ điệu thanh bình trăng quạnh quẻ,
Lắng hò mái đẩy nước đầy voi.
Lời vàng lưu niệm còn tươi nét,
Hoài mộ tao nhân xiết ngậm ngùi !

Hoài-Mai PHẠM PHÚ THỐNG, Giáo-sư (Quảng-Nam)

Lời tòa soạn.— Quý Thi-Hữu xa gần có thi-văn phúng
điều cụ Thúc-Giạ, xin gửi về địa chỉ sau đây :

Cô Tôn-Nữ Hỷ-Khuong, 45, Trần-Hưng-Đạo, HUẾ

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

★ **Cụ Nguyễn-Khuyến chết năm nào ?**

(của cô Vương-Nguyên-Đán, Phú-Nhuận)

...Trong quyển « Luận đề về Nguyễn-Khuyến » của Giáo sư Vũ-khắc-Khoan (trường Trung-học Chu-văn-An và trường Trung học Trường-Son), trong trang 15 dòng 13 có in năm sinh của cụ Nguyễn-Khuyến là năm 1836, và trang 16 dòng 15 có in là Nguyễn-Khuyến mất năm 1910, như thế cụ Nguyễn-Khuyến thọ được 75 tuổi, Trái lại trang 93 (cũng trong sách của Giáo sư Vũ-khắc-Khoan) trong bài thơ « Di chúc » của cụ Nguyễn-Khuyến cụ nhận cụ đã 88 tuổi : « Kém hai tuổi xuân đầy chín chục ».

Thưa cô, như thế thì cụ Nguyễn-Khuyến mất năm 1910 hay 1923 (vì nếu 88 tuổi thì cụ phải mất năm 1923) và có phải cụ thọ 75 tuổi hay 88 tuổi ?..

Lời tòa soạn : Xin Cụ Đạm-Nguyên, cháu đích-tôn của cụ Yên-Đỗ, cho biết tôn-ý về vấn-đề này.

★ **Tự-điền Anh-Việt... và Việt-Anh.**

(của ông V.T.K. Trung-học Nguyễn-Thông, Vĩnh-Long)

..Nhân nói về những khuyết-điểm trong cuốn *Bách-khoa Từ-điền*, tôi có những thắc-mắc sau đây xin trình cùng bạn đọc :

1.— Trong Từ-điền ANH-VIỆT của N.V.KH. tác giả dịch « *retailer of filth* » là *thùng rác*. Có lẽ tác giả tham-khảo tự-điền *Harrap's* thấy chữ *ordurier*, rồi dịch là *thùng rác*. Nhưng, *dust-bin*, *garbage-box* mới có nghĩa là *thùng rác*; còn *retailer of filth* là văn-sĩ viết những mẩu chuyện bần thiêu, nhà báo viết những tin tức bậy bạ.

2.— Trong Tự-điền VIỆT-ANH của Mrs và Dr. Lê-văn-Hưng (in tại Pháp, giá 600đ) tác giả dịch : *các-có* = *obstacle*, *obstruction*. Đòn gánh : *shoulder-piece*. Nhưng đúng ra thì *obstacle* là *trở ngại*,

obstruction là *bế-tắc*; *shoulder-piece* là cái *é-bô-lét*. Các cô phải dịch là *playfully mischievous*; đòn gánh là *yoke*. Có điều làm cho chúng tôi ngạc nhiên nhất là tác-giả hiểu chữ *thời-phong* là mùa gặt, rồi dịch là *harvest*. Có lẽ tác giả làm việc nhiều mệt-mỏi nhìn trong tự-điền Việt-Pháp chỗ : *thời-phong* = *mousson*, nhưng đọc chữ *mousson* thành *moisson* rồi dịch *thời-phong* là *moisson*, mùa gặt, *harvest*, *reaping* !

3.— Trong một tác-phẩm giáo-khoa Anh-văn, tác-giả, một giáo sư cử-nhân Anh-văn ở trường P.K., dịch : *giai-cấp trưởng-giả* là *nobility*; *ký ức* (một cuộc du ngoạn) là *souvenir*. Theo chúng tôi thì *nobility* là *quí-tộc*, *souvenir* là *vật kỷ-niệm*; vậy *giai cấp trưởng giả* phải dịch là *bourgeoisie* hay *middle-class*, *middlebrow*, và *ký-ức* là *recollection* hay *remembrance*. Thưa ông, vậy có đúng không ?..

Tôi sẽ làm mất thì giờ quý báu của ông nếu phải kể nhiều thí-dụ khác...

★ **Sự thật có phải « CHẾT » vì một bài thơ ?**

(Của ô. Hà-trùng-Quang, Quảng Nam)

.. Có mặt trong cuộc họp của Tỉnh-Hội Cờ-học Quảng-Nam tại Chiên-Đàn, tôi được nghe từ 1 nhóm hội-viên quận Tam-Kỳ ngâm đàm luận về một bài thơ và người ta cho rằng bài thơ ấy đã kết liễu một mạng người. Ghê gớm thật.

Nhưng tôi đâu có vội tin một câu chuyện vừa mới xảy ra, tôi còn e là thất-thiệt. Trong xã hội hiện tại đâu có thể tàn nhẫn đến như vậy, nhất là bài thơ mà tôi nghe ra cũng không tìm thấy gì là quan trọng. Vì vậy tôi không thể bỏ qua mà không đi tìm cho ra sự thật. Công vụ bề-bộn, tôi để trễ mất gần một năm rồi mới tìm đến trụ-sở Hội-đồng xã Kỳ-Anh quận Tam-Kỳ. Vàng, vì bài thơ ấy « *Tả cảnh trú-sở Hội-Đồng xã Kỳ-Anh* » như vậy :

Chen bên xóm liễu, cạnh rừng cời,

Một cái gì đây, ? Đứng lại coi...

Bảy mái ganh-ganh khoe sắc thắm,

Bốn tường sừng sừng thị hùng oai,
Thâm nghiêm cửa dưới gương lồng bóng
Tráng lệ sân trên đức vọng đài
Cảnh trí sao mà khiếu-hành nhĩ ?
« Kỳ ANH TRÚ SỞ », công nghiêm bài.

(— Tôi chỉ chép lại bằng lời truyền miệng e chưa phải đúng như nguyên tác). Khi đến nơi tôi đã phải thán-phục ngay kỳ tài của tác-giả, thật là một bức họa tuyệt-mỹ không thể xem thường người làm ra nó. Qua phút giây ngần ngại tôi tìm ngay đến nhà tác giả. Nhưng than ôi ! Quả như lời dư luận. Cửa nhà vắng ngắt, một bàn thờ tang hương-khói lạnh-lùng ; Dừng đợi dăm phút chẳng thấy bóng một ai. Khiến tôi cảm động ra về. Sự thật đã vậy ấy chăng ? ?

Rồi tôi được một ông bạn ở Tam-Kỳ cho biết rõ về tác-giả bài thơ trên là một vị Lão-Thành ngoài 60 tuổi tên Phan-dình-Hạ.

Sự thật lại phủ phàng đến thế được ư ?

Bài thơ ấy có những gì đáng tội chết ?

Tôi đang cố gắng tìm thêm chi tiết để làm sáng tỏ vấn đề, và ông ? Ông có thể làm ngơ đi chăng ? Tôi mong được thỉnh cầu ý kiến của ông.

Lời Toà Soạn : Ý-kiến của chúng tôi là mong nhà cầm-quyền điều-tra cho rõ sự thật.

● Câu đối truy-niệm Tôn-thất-Thuyết

● Của ô. Trần-Tiểu-Ty-trưởng Tiểu-học vụ Quảng-Trị

... Trong số 53 bạn Nguyễn-tử-Quang, có kể lại vào đoạn cuối bài « Tả xẹt lữ » câu đối của Sĩ phu Trung-Hoa tặng chí sĩ Tôn-thất-Thuyết :

« Vạn cổ lưu danh nơi Tượng quận

« Thiên niên hài cốt Ký Long Châu.

Rồi trong số 55 lại thấy bạn Nguyễn-Huân đính chính :

Thù chung bất cộng đất thiên, vạn cổ danh phượng lưu Tượng

quận.

Phò chúa, biệt từng lưỡng địa thiên thu hài cốt táng Long châu
Câu này thì lại nửa nôm nửa chữ, chắc hẳn không phải của sĩ

phu Trung-hoa.

Riêng tôi, về cái chết thảm thương đáng kính của Tôn - thất - Thuyết, tôi đã được nghe đọc câu đối sau đây :

— Nghĩa bất vong quân, vạn cổ có hồn qui Tượng quận.

— Danh chi vi tướng, bách niên khô cốt Ký Long Châu.

Theo ý tôi câu này chính hơn, và mấy chữ có hồn và khô cốt lột được tất cả chí khí và hoài bão của một ông Tư-ông, trung thành với chí hướng mình, chết cũng như sống và chết rồi mà vẫn sống với non sông muôn thuở.

● (Của ông Hoàng Lan, IO Phan bội Châu, Đà-nẵng)

Trong số 53 trang 28, trong mục nói về ông Tôn-thất-Thuyết, có nói về hai câu đối đề trước miếu của Ông có phần sai lạc, vậy xin cải chính như sau :

Thiên-lý đau-tâm qui Tượng-Quân,

Bách-niên tàn-cốt táng Long-Châu.

● Lai Tây. . lai Việt..

(của ông Lâm-văn-Trần, 4 Lê-Lợi, Gò-vấp)

... Trong tạp-chí « Phò-Thông » số 56, nơi trang 122, CỎ-ĐIỀU-HUYỀN có viết :

« Nếu người con lai ấy sau lấy vợ (hoặc lấy chồng) người Việt thuần túy, đứa con của họ sẽ là Việt thuần túy, và không còn lai nữa. Hoặc trái lại, lấy vợ (hoặc chồng) người Pháp chính tông thì đứa con của họ sẽ là Pháp chính tông. Trường-hợp của « bạn hỏi về Lai-Trung-Hoa cũng thế ».

Tôi có một người bạn lai Pháp, có vợ Việt chính tông sanh được 3 người con trai, cả 3 đều giống Tây thật nhiều hơn người cha.

Tất cả công-chức từng-sự tại Tòa Phó Đô-chính Chợ-lớn cũ (hiện nay là Tòa Hành-Chánh Quận V) đều biết rõ gia đình này. Người mẹ đã qua đời, người cha còn sống, là Ô. SEMANNE, Giám-thị Ty Kỹ thuật Đô-thành Sài-gòn hồi hưu. Ba người con

đều có gia-đình (Jean, Fernand và René). Fernand hiện làm truy-tổ-viên tại Nha Tồng Giám-Đốc Ngân-Khố V.N.

Xin Ông vui lòng giải-thích hiện-tượng vừa nêu trên.

ĐÁP : Theo quan-điểm *monogénisme* của các nhà nhân-chủng học Tây-phương ở thế-kỷ XIX, nhất là A. de Quatrefages, mà hiện nay nhiều người cho là đúng, thì giống người lai, nếu không còn tiếp tục lai nữa, sẽ trở về huyết-căn của một trong hai người đã sinh ra giống lai, tại nơi nguyên-quán của người ấy. Chứng cứ trong lịch sử là giống người Egyptiens, từ thời Thượng-cổ đã bị biết bao nhiêu giống người khác đến chiếm đóng, lấy vợ Egyptiennes và sinh con đẻ cái trên đất Egypte (Romains, Grecs, Israéliens, Assyriens, Turcs v.v...) nhưng rốt cuộc rồi những giống con lai Egyptiens ấy ở luôn Egypte vẫn giữ nguyên vẹn các tính-chất của nòi giống Egyptiens.

Một người Pháp lấy vợ Việt, đẻ con lai Pháp. Người con lai này nếu ở luôn bên Việt-Nam, lấy vợ Việt-Nam, sẽ sinh con không còn giống Pháp nữa. Nếu còn giống chút ít thì qua đời cháu nội, chút nội của họ, lấy vợ Việt-Nam, ở luôn bên Việt-Nam, cũng nhất-định sẽ trở về huyết-hệ Việt-Nam. Hay là nói : nếu lai một đời không giống hẳn Việt-Nam, thì qua hai đời, ba đời không còn lai nữa, chắc-chắn là sẽ không còn di-tích gì của giòng máu Pháp cả. Chứng cứ là đối với người Hoa-kiều, những giống " Minh-hương " hai đời, hoặc ba đời đã thành ra hoàn toàn Việt-Nam. Vua Hàm-Nghi có lấy một người vợ đầm ở Alger, sinh ra một cô gái Việt lai Đầm, tức là CÔNG-CHÚA NHƯ-MAI. Công-chúa Như-Mai học đồ kỹ sư canh-nông ở Pháp, lấy chồng là một kỹ-sư Pháp, ở bên Pháp, và sinh một người con. Người con ấy hiện nay là một người Pháp hoàn-toàn, không có chút gì lai Việt nữa cả. Cô HOÀNG-THỊ-THỂ, con gái của ông Đề-Thám, sang Pháp, lấy chồng Pháp, ở luôn bên Pháp và sinh ra một đoàn con mà hiện giờ nếu chúng ta gặp ở Paris không thể nào nhận được là lai Việt.

Nếu ông Fernand Semanne hiện giờ ở Việt-Nam, lấy vợ Việt-Nam thì chắc chắn con của ông sẽ không còn giống Pháp nữa. Nếu người con ấy vẫn ở luôn bên Việt-Nam và cũng lấy vợ Việt-Nam thì giòng thứ ba này sẽ hoàn-toàn thuộc về huyết-hệ Việt-Nam, 100 0/0.

★ **Lợi dụng hình-ảnh Phật.**

(của Tu-sĩ Kim-Quang, Bình-Đông, Chợ-lớn)

...Phật-giáo thường bị lợi dụng để làm chánh-trị hoặc thương-mãi. Về chánh-trị người lợi dụng phải trả giá rất đắt, khỏi bàn. Riêng về thương-mãi như *in ảnh Phật trên bao nhang, đèn cầy, tưng, chao, tàu vị-yêu, bảo hiêm v.v...* làm mất phẩm-giá của đảng Chí-tôn, hoặc chà đạp lên trên sự tín-ngưỡng của dân tộc, và người ngoại quốc thấy thế họ sẽ nghĩ như thế nào đối với Phật giáo xứ ta ? Tôi xin nêu vài ý-kiến để giải quyết :

I.— Các Giáo-Phái Phật-giáo yêu cầu ngay các nhà buôn nên đổi nhãn hiệu, không được in hình ảnh Phật làm thương-mãi.

II.— Trường hợp thứ nhứt không kết quả, các đoàn-thể yêu cầu Chánh quyền can-thiệp, và giải quyết dứt.

Theo sự nhận xét thô-sơ của tôi không biết có đúng sự thật chăng ? Hoặc giải-quyết như thế thành quả sẽ ra sao ?...

● **Thông cảm**

Kính gửi bác N. V.,

Cháu có vài lời thơ gửi bác, và thế nào xin bác cũng trả lời cho cháu trên mặt báo P.T.

Kính gửi bác Nguyễn Vỹ

Bác bao nhiêu tuổi nhỉ ?

Đã có vợ rồi, chưa ?

Và mấy con, bác hỉ ?

Cháu tên Lưu-bích-Phượng

Tuổi cháu tuổi con trâu.

Đọc báo bác đã lâu

Rất nhiệt-liệt tán-thưởng.

Bác bao nhiêu thước cao
Mà thiên hạ lao xao
Rằng : Bác nhỏ bé lắm,
Phải thật thế không nào !

Cháu xin bác tấm-ảnh
Một tấm nhỏ xíu thôi
Đề cháu bày làm cảnh
Trong phòng học cháu ngồi.

● **Đáp :**

Tuổi của bác Nguyễn Vỹ
Đứng sau tuổi con Khi (1)
Có vợ hay là không
Hỏi bác, bác cứ : « Hỉ ? »
Bác thấp, chứ không cao,
Mặt thiên-hạ lao-xao,
Trời cho hơn thước rưỡi,
Chịu vậy, biết làm sao ?
Bác hỏi lại Bích-Phượng
Cháu là gái hay trai ?

(1) *Tức là tuổi Dậu.*

● **Danh ngôn**

Tôi thích những người đàn bà có dĩ-vãng, và những người đàn ông có tương-lai.

(J'aime les femmes qui ont un passé et les hommes qui ont un avenir)

Wells (Văn sĩ Anh)

Và cháu xin lỗi bác.
Vì tính cháu lí-lắc
Thế nào bác cũng cho
Cháu một tấm sít-cát (4×6)

Cháu :

Lưu-bích-Phượng

Đệ thất II, Tư-thực Lê-quý-Đôn

Địa chỉ : 457/42, Lê - văn -
Duyệt, Saigon



Tuổi nhỏ đã có tài,
Làm thơ hay, đáng thưởng !

Thì đây một tấm ảnh
Chỉ còn một tấm thôi,
Trông người bác không bảnh,
Vô duyên lắm, cháu ơi.

Cháu đừng đem vô lớp
Các bạn cháu sẽ cười,
Và đồ mực dơ-nhớp,
Tội nghiệp ảnh xít-nớp (6×9)

D.H.



SÁCH BẢO MỐI

★ **SỐ MỆNH TRÊN BÀN TAY**, do ông HUY-KIHH, giáo sư triết-học và văn chương biên soạn và tự xuất bản. Một cuốn sách «khảo cứu về triết lý nhân-sinh thực nghiệm về đời mình», áp dụng trong khoa coi chỉ tay.

In đẹp, trình bày mỹ thuật, dày ngót 300 trang. Giá 120\$00.

★ **Sài-gon năm xưa**, của VƯƠNG-HỒNG-SÈN.

Khảo-cứu về thành-phố Sài-gon thời xưa. Nhà xuất bản «Tự-Do». Dày 230 trang. Giá 50\$.

★ **Đường xa chỉ mấy**,

Tiêu thuyết của ông LAN-ĐÌNH.

Nhà xuất bản Nguyễn đình Vượng — Saigon. Giá 32\$

★ **Văn-Phạm Việt-Nam**,

Của Ông TỪ-PHÁT, giáo sư. Giản dị và đầy đủ, cho bậc tiểu học và trung học đệ nhất-cấp, đúng theo chương trình mới của Bộ Q. G. G. D. Nhà xuất bản Thanh-Quang Saigon. Giá 32\$.

★ **Đặc-San Hội Tốc ký Đánh Máy và Kế-Toán**

Hội-quán : 170 Võ-Tánh — Saigon.

Phát hành nhân dịp phát giải-thưởng trong cuộc tranh-giải quán-quân đánh máy, tốc-ký, kế toán năm 1961 tại Học-Viện Quốc gia Hàng chánh. Giá 10\$.

★ **Văn Hóa Việt-Nam với Đông Nam-Á**

Cửu Ông NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC, giáo sư Đại-học Văn Hóa Á-Châu xuất bản. Có những chương về Địa lý văn-hóa Á-Châu, Địa-lý nhân-văn, Đặc tính văn-hóa chung Đông-Nam-Á, Tinh thần Tam-giáo trong văn-hóa Việt nam và Đông-Nam-Á.

Chúng tôi không cần giới thiệu nhiều với bạn đọc giáo-sư Nguyễn đăng Thực, một nhà văn có chân tài, một học-giả có kiến-thức uyên-thâm, và có đầy đủ uy-tín để trình bày một vấn đề rộng lớn về tính-chất của Văn-hóa Việt-Nam và Đông-nam Á.

Bản Đặc-biệt, giấy blanc-fin không ghi giá bán.



ĐÁP BẠN

BÓN PHƯƠNG

● ĐIỀU-HUYỀN

* **Bạn T.T.Đ. Vĩnh-Long.**

● Râu con cọp sống, hoặc mới chết, dúng vào da thịt người, không làm thúi da, như người ta đồn. Nhưng, theo tục-truyền thì râu con cọp chết, lâu ngày, thúi, có thể thành một món nguy-hiểm :

Nó sinh ra một loại sâu độc, rớt vào nước hoặc đồ ăn có thể là một món thuốc độc ghê gớm. Nhưng đó là tục truyền, nhất là ở miền Trung. Chưa có nhà khoa-học nào thí nghiệm hoặc xác-nhận điều đó.

Thường khi người săn được cọp, lo đốt râu của nó cho cháy hết, chính là để đề-phòng những nguy-hại có thể xảy ra như đã nói trên kia. Nhưng nếu ngâm nó trong các chất hóa học, như *formol*, nó sẽ không còn chất độc nữa.

● Thư các bạn gửi về tòa soạn, thường một tháng sau hoặc hai tháng chúng tôi mới trả lời được, vì thư nhiều quá, mà số trang dành cho mục này có hạn. Chúng tôi phải lần-lượt trả lời những thư đã nhận được trước. Mong bạn thông-cảm.

● **Em P. Sơn, Giồng-ông-Tổ, Thủ-Đức.**

Trái cây « *sa-cô-chê* », tiếng Pháp là *Sapotier*.

● **Bạn Nguyễn-tăng-Liêm, Châu-ô, Quảng-Ngãi.**

Giảng - thuyết = trình - bày, giảng-giải một vấn đề.

Diễn-thuyết = diễn đạt ý-kiến của mình trong một bài thuyết-trình.

● **Ô. Ngô-bá-Vị, Phú-Lâm.**

● Những người đi bộ hoặc đi xe vòng quanh thế-giới, nếu họ

đi riêng cho họ, với mục-dịch du-lịch, dĩ nhiên là họ phải tự-túc. Nếu họ đi để làm quảng-cáo cho một tổ-chức kỹ-nghệ hay thương mại (xe hơi, vô xe, ruột xe, v.v...) thì do tổ-chức ấy đài-tho.

● Tiền-bạc để tiêu-xài dọc đường, phải có sẵn trước khi đi. Vấn đề này phải giải quyết tại sở Hải-đoái, hoặc tại một ngân-hàng quốc-tế, chứ đâu phải đem bạc Việt-Nam theo.

● Dĩ-nhiên, nếu ông muốn đi bộ vòng quanh thế-giới, hoặc đi xe máy, xe hơi, v.v... thì không những ông phải xin phép chính-phủ Việt-Nam, mà còn phải xin giấy phép thông-hành tại các Sứ-quán của các nước mà ông sẽ phải đi qua.

* **Ông-Nhị, Quảng-Nam.**

Ông có nhiều ý-nghĩ và nhận xét đúng nhưng rất tiếc chúng tôi không bàn về chính-trị.

* **Ông Tiên-Long, Phú Mỹ, Định-Tường.**

● Người « tìm » ra xứ Đà-lạt, là Bác-sĩ YERSIN. Bác-sĩ đã mạo-hiểm trong vùng rừng núi Langbian, và khám-phá ra vùng Đà-lạt năm 1893.

● Người đầu-tiên xây dựng thành phố Đà-lạt là ông Toàn-quyền Paul Doumer, năm 1902.

* Đà-lạt cao hơn mặt biển 1500 thước. (Đà, tiếng miền Thượng = Suối. Lạt = tên giống dân Lạt ở vùng ấy. Đà-lạt = ngọn suối chảy qua làng Lạt).

* Quý bạn : HỒNG-HẢI-ĐUỜNG, nhóm Hàng-Giang, Đà-Nẵng — LƯU-VINH, Đà-nẵng — LÊ-LAM, Quảng-Ngãi — THÚY-LIỀU và HỒNG-PHÚC, Đakao — HẠC-PHI, Châu-Độc — Rất cảm động đọc thư và thơ mền tặng của các bạn. Xin nhiệt liệt cảm ơn.

* **Cùng quý bạn gửi bài.**

Chúng tôi có nhận được trong hai tuần vừa qua : 157 bài thơ, 3 chuyện ngắn, 2 bài khảo cứu, xin thành thật cảm ơn quý bạn đã có nhâ-ý gửi đến tòa soạn. Trong 3 tháng nếu quý Bạn không thấy đăng, xin coi như không đăng. Vì nhiều quá, xin miễn trả lời bằng thư riêng. Mong quý bạn thông cảm — chào Văn-hóa.

THUỐC MUỐI SUI TÂM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CỎ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
 ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

LÀM TRẸ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Được cấp cho:
 SÂN PHỤ, SINH-VIÊN
 NGƯỜI ĐAU MƠI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie TANA
 42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
 Phát hành loại THUỐC BỔ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tiếp Đại lý
 và khách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
 4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

DUỐC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v...* »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
 (B. s. Đặng Văn Hồ)

COQUELUCINE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Số bệnh lao ra máu ở bệnh viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1,2 phần 10, so sánh với mấy năm trước.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khái huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán sỉ tại 246 Đường Cống Quỳnh và 550 E Đại lộ Trần Hưng Đạo — Saigon.



Tinh chế với toàn rễ cây xá-xị.
 Không pha thêm hương chất giả tạo
 Khiến mùi vị hắc gắt. Xá-xị CON COP.
 Giữ nguyên được hương vị tự nhiên với
 Các dược tinh quý giá của cây xá-xị.
 Bổ khỏe, trị suy nhược, giải cảm,
 Lọc máu, trừ té thấp, trị tiêu chảy.

NƯỚC NGỌT CON COP *mỗi chai*
là nguồn Vui Mạnh kéo dài tươi Xuân

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC
HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

K.D. số 227/HĐKD — Saigon, ngày 26-5-1961
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon
Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ



Nước ngọt **CON COP XÁ XÌ**
Giải lao độc nhất vô nhị,
Giải cảm, lọc máu, kiện tỳ,
Trị thấp, nhuận tràng, khai vị,
Hưng cường thân thể nhược suy,
Tiêu thực, diệt trừ tả lỵ,
Đóng chai Hòa Tiến tân kỳ:
Thượng phẩm trình bày tuyệt mỹ!

NƯỚC NGỌT CON COP mỗi chai
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài tươi sống